

UBND TỈNH THANH HOÁ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Quản lý tài nguyên và môi trường**

**Mã số: 7850101**

**Thanh Hóa, Tháng 9 năm 2023**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2588 /QĐ-ĐHHD, ngày 18 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Quản lý tài nguyên và môi trường
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Environment and natural resource management
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7850101
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Khoa Khoa học xã hội
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	128
Điều kiện tốt nghiệp:	Hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định hiện hành
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Vị trí làm việc:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Làm công chức, viên chức các đơn vị thuộc nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường;</li><li>- Làm thanh tra viên và đo đạc viên, làm công tác đo đạc và thông tin tài nguyên (đất, rừng, khoáng sản, ...);</li><li>- Tự phát triển văn phòng; trung tâm tư vấn về đất đai; đào tạo công nghệ GIS và viễn thám, Trắc địa - bản đồ; các dịch vụ tư vấn và quan trắc, phân tích môi trường;</li><li>- Làm cộng tác viên của các tổ chức phi Chính phủ, dự án nước ngoài...;</li><li>- Công chức địa chính xã, phường;</li><li>- Làm cảnh sát môi trường;</li><li>- Làm giảng viên, có thể giảng dạy Quản lý tài nguyên và môi trường và các ngành khoa học liên quan ở bậc Đại học, Cao đẳng và Phổ thông trung học (sau khi được bồi dưỡng về kiến thức nghiệp vụ sư phạm).</li></ul>

Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CTĐT ĐH Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;</li> <li>- CTĐT ĐH Quản lý tài nguyên và Môi trường, Trường ĐH Bách Khoa, ĐH Quốc gia TP HCM;</li> <li>- CTĐT ĐH Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc gia Hà Nội.</li> </ul>

## II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### 2.1. Mục tiêu

#### 2.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý tài nguyên và môi trường trình độ đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng có: Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; kiến thức nền tảng về khoa học Xã hội, khoa học Tự nhiên; kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Thanh Hóa, khu vực và đất nước; năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; khả năng nghiên cứu, sáng tạo, học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển bản thân và nghề nghiệp.

#### 2.1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 2.1.2.1. Kiến thức

- PO1: Có kiến thức cơ bản về Lý luận chính trị; hiểu biết đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất;

- PO2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và công nghệ số;

- PO3: Có kiến thức hệ thống, chuyên sâu và hiện đại trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường;

##### 2.1.2.2. Kỹ năng

- PO4: Sử dụng thành thạo tiếng Anh, tin học cơ bản; có ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ số;

- PO5: Sử dụng được các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường.

- PO6: Xử lý được các vấn đề về chuyên môn quản lý tài nguyên và môi trường.

##### 2.1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PO7: Có thể chủ động làm việc trong các môi trường làm việc thay đổi. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối, hướng dẫn và giám sát và đánh giá hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

### 2.2. Chuẩn đầu ra

Chương trình đào tạo Đại học Quản lý tài nguyên và môi trường được xây dựng đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

### 2.2.1. Kiến thức

- PLO1: Vận dụng được kiến thức về Lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất vào quá trình học tập và giải quyết các vấn đề thực tiễn;

- PLO2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp;

- PLO3: Phân tích được vai trò, đặc điểm của các loại tài nguyên; các vấn đề khai thác, sử dụng và quản lý các loại tài nguyên (nước, đất, rừng, khoáng sản,..) phục vụ vào hoạt động chuyên môn;

- PLO4: Phân tích được các vấn đề về quản lý môi trường đất, nước, không khí,..bao gồm: Nguyên nhân và thực trạng ô nhiễm môi trường; sự tác động của ô nhiễm môi trường đến sinh vật, sản xuất và đời sống của con người; các giải pháp bảo vệ môi trường.

- PLO5: Vận dụng được kiến thức về các quy chuẩn môi trường; hệ thống luật và văn bản pháp lý về quản lý TN&MT phục vụ vào hoạt động chuyên môn.

### 2.2.2. Kỹ năng

- PLO6: Đạt trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 (mức 4,0/10 điểm theo định dạng đề thi được quy định tại Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) đối với trình độ đại học;

- PLO7: Ứng dụng các công cụ kinh tế- kỹ thuật, công cụ pháp luật, công cụ quy hoạch trong quản lý TNTN và bảo vệ môi trường; sử dụng thành thạo các trang thiết bị, máy móc và công nghệ phục vụ các vấn đề chuyên môn;

- PLO8: Xây dựng được CSDL và thành lập các loại bản đồ quản lý tài nguyên và môi trường bằng các phần mềm tin học chuyên ngành;

- PLO9: Lấy mẫu, phân tích mẫu và đánh giá mức độ ô nhiễm; xác định chi phí bảo vệ môi trường cho doanh nghiệp và toàn xã hội trong hoạt động sản xuất, tính toán được thiệt hại kinh tế trong vấn đề suy thoái tài nguyên và môi trường; phát hiện các sai phạm trong quản lý tài nguyên và môi trường;

- PLO10: Xây dựng được kế hoạch, quy trình, chiến lược phát triển và bảo vệ tài nguyên và môi trường; điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động;

- PLO11: Thực hành quan sát được các loại tài nguyên, môi trường ngoài thực tế; công việc thực tiễn QL TN&MT tại các cơ quan chuyên môn; viết được các báo cáo, thiết lập dự án, đề tài nghiên cứu về lĩnh vực TN&MT.

### 2.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO12: Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

### III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Học kì	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	BT, TL	Thực hành	Tự học			
<b>A</b>	<b>KHỞI KIẾN THỨC GDĐC</b>		<b>41</b>							
<b>I</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>13</b>							
1	196055	Triết học Mác - Lênin	3	32	26		135	2	LL Mác - Lênin	
2	196060	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	18		90	3	1	LL Mác - Lênin
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	4	2	LL Mác - Lênin
4	198030	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	21	18		90	5	3	LSD- TT HCM
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	5	3	LSD- TT HCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90	4		Luật
<b>II</b>	<b>Khoa học Xã hội, nhân văn- môi trường</b>		<b>13</b>							
7	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135	5		QTKD
8	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	18	6	90	1		VNH-du lịch
9	181145	Tâm lý học đại cương	2	18	24		90	2		Tâm lý
10	123050	Tiếng Việt thực hành	2	18	20	4	90	1		Ngữ văn
11	125125	PP nghiên cứu khoa học	2	18	18	6	90	3		Lịch sử
12	118001	Môi trường và con người	2	18	24		90	2		Sinh học
<b>III</b>	<b>Khoa học tự nhiên- công nghệ</b>		<b>5</b>							
13	172555	Công nghệ số	3	15	0	60	135	2		MMT&UD
14	<i>Chọn 1 trong 3 học phần:</i>		2							
a	114025	Toán cao cấp	2	18	24		90	1		ĐS-HH
b	116015	Hóa học đại cương	2	18	24		90	1		Hóa học
c	118045	Sinh thái học	2	18	24		90	1		Sinh học
<b>IV</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>10</b>							
15	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180	1		Ngoại ngữ KC
16	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	2	15	Ngoại ngữ KC
17	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	3	16	Ngoại ngữ KC
<b>V</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>4</b>							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	3		27	90	1		Bóng- ĐK
	Giáo dục thể chất 2 (chọn 1/5 HP)							2		Bóng- ĐK
a	191031	Bóng chuyên	2			30	90			Bóng- ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90	2		Bóng- ĐK

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Học kì	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	BT, TL	Thực hành	Tự học			
c	191033	Bóng đá	2			30	90	2		Bóng- ĐK
d	191034	Bóng rổ	2			30	90	2		Bóng- ĐK
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90	2		Bóng - ĐK
<b>VI</b>	<b>Giáo dục quốc phòng</b>		165t							TT GDQP
<b>B</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC GDCN</b>		<b>87</b>							
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>		<b>11</b>							
18	125039	Địa chất môi trường	3	27	18	18	135	2		Địa lí
19	125238	Địa lí tự nhiên đại cương	3	27	18	18	135	1		Địa lí
20	<i>Chọn 1 trong 3 học phần:</i>		2							
a	125085	Kinh tế và phát triển	2	18	18	6	90	2		Địa lí
b	182020	Khoa học quản lý	2	18	18	6	90	2		Địa lí
c	125190	Địa lý nhân văn	2	18	18	6	90	2		Địa lí
21	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>		3							
a	125232	Địa lý KT-XH đại cương	3	27	18	18	135	1		Địa lí
b	125258	Địa lý Việt Nam	3	27	18	18	135	1		Địa lí
<b>II</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>59</b>							
22	125056	Quản lý TN khoáng sản	3	27	27	9	135	4		Địa lí
23	125091	Quản lý tài nguyên nước	3	27	27	9	135	4		Địa lí
24	125092	QL nhà nước về đất đai	3	27	27	9	135	4		Địa lí
25	125052	Thực tế MT thiên nhiên	2	5	18	32	90	4	18,19, 22-24	Địa lí
26	125352	Quản lý tài nguyên rừng và bảo vệ ĐDSH	3	27	18	18	135	5		Địa lí
27	125116	Quản lý tài nguyên và môi trường biển Việt Nam	3	27	18	18	135	5		Địa lí
28	125097	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	3	27	18	18	135	6		Địa lí
29	125353	Quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn, làng nghề	3	27	18	18	135	6		Địa lí
30	125354	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	3	27	18	18	135	7		Địa lí

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Học kì	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	BT, TL	Thực hành	Tự học			
31	125276	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	27	18	18	135	7		Địa lí
32	125236	Thanh tra tài nguyên và môi trường	3	27	18	18	135	7		Địa lí
33	125192	Đánh giá tác động MT	3	27	18	18	135	7		Địa lí
34	125050	Quy hoạch môi trường	3	27	18	18	135	7		Địa lí
35	125109	Thực tế công tác quản lý tài nguyên và MT	2	3	9	45	90	7	22-34	Địa lí
36	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>		3							
a	125234	Quản lý tài nguyên khí hậu, khí tượng	3	27	18	18	135	4		Địa lí
b	125256	Ứng phó biến đổi khí hậu và tai biến môi trường	3	27	18	18	135	4		Địa lí
37	125233	Ô nhiễm môi trường đất, nước và biện pháp xử lý	4	36	30	18	180	6		Địa lí
38	125114	Ô nhiễm MT không khí và tiếng ồn	3	27	18	18	135	3		Địa lí
39-40	<i>Chọn 2 trong 3 học phần:</i>		<b>6</b>							
a	125099	Bản đồ địa chính	3	12	14	52	135	6		Địa lí
b	162101	Trắc địa	3	12	14	52	135	6		Địa lí
c	125107	Ứng dụng phần mềm địa chính trong quản lý và sử dụng đất đai	3	12	14	52	135	6	13 42-43	Địa lí
41	125158	Xây dựng các bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường	3	15	10	50	135	5	13, 42-43	Địa lí
<b>III</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>		<b>6</b>							
42-43	<i>Chọn 2 trong 4 học phần:</i>		6							
a	125045	Hệ thống thông tin địa lí (GIS)	3	20		50	135	3		Địa lí
b	125024	Công nghệ viễn thám	3	20		50	135	3		Địa lí
c	125005	Bản đồ học đại cương	3	20		50	135	3		Địa lí
d	125237	Xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê địa lý-môi trường	3	20		50	135	3		Địa lí
<b>IV</b>	<b>TTTN/Khóa luận/HP thay thế</b>		<b>11</b>							

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Học kì	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	BT, TL	Thực hành	Tự học			
44	123190	Thực tập tốt nghiệp	5			150	225	8		Địa lí
45	153130	Khóa luận tốt nghiệp	6			180	270	8		Địa lí
<b>Học phần thay thế KLTN</b>										
45-46	<i>Chọn 2 trong 4 học phần:</i>		<b>6</b>							
a	125118	Hạch toán môi trường	3	27	18	18	135	8		Địa lí
b	125140	Quản lý môi trường địa phương	3	27	18	18	135	8		Địa lí
c	125607	Luật và chính sách môi trường	3	27	18	18	135	8		Địa lí
d	162021	Đăng ký thông kê đất đai	3	27	18	18	135	8		Địa lí
<b>Tổng</b>			<b>128</b>	1028	806	978	5760			

#### IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
<b>Học kỳ 1: 16 ( 11 TC bắt buộc, 05 TC tự chọn)</b>								
1	133031	Tiếng Anh 1	4	x		36	24	24
2	123050	Tiếng Việt thực hành	2	x		18	18	6
3	125238	Địa lí tự nhiên đại cương	3	x		27	18	18
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	125232	Địa lí KT-XH đại cương	3		x	27	18	18
b	125258	Địa lí Việt Nam	3		x	27	18	18
5	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	x		18	18	6
6	<i>Chọn 1 trong 3 học phần:</i>		2					
a	114025	Toán cao cấp	2		x	18	24	
b	116015	Hóa học đại cương	2		x	18	24	
c	118045	Sinh thái học	2		x	18	24	
<b>Học kỳ 2: 18 (16 TC bắt buộc, 2 TC tự chọn)</b>								
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	x		32	26	
2	172555	Công nghệ số	3	x		20	0	50
3	133032	Tiếng Anh 2	3	x		27	18	18
4	181145	Tâm lí học đại cương	2	x		18	24	
5	<i>Chọn 1 trong 3 học phần:</i>		2					



a	125085	Kinh tế và PT	2		x	18	18	6
b	182020	Khoa học quản lý	2		x	18	18	6
c	125190	Địa lý nhân văn	2		x	18	18	6
6	118001	Môi trường và con người	2	x		18	24	
7	125039	Địa chất môi trường	3	x		27	18	18
<b>Học kỳ 3: 16 ( 10 TC bắt buộc, 06 TC tự chọn)</b>								
1	196060	Kinh tế chính trị Mác- Lê nin	2	x		21	28	0
2	125125	Phương pháp NCKH	2	x		18	18	6
3	133033	Tiếng Anh 3	3	x		27	18	18
4	125114	Ô nhiễm không khí và tiếng ồn	3	x		27	18	18
5-6	<i>Chọn 2 trong 4 học phần:</i>		6					
a	1250045	Hệ thống thông tin địa lí (GIS)	3		x	20		50
b	125024	Công nghệ viễn thám	3		x	20		50
c	125005	Bản đồ học đại cương	3		x	20		50
d	125237	Xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê địa lý-môi trường	3		x	20		50
<b>Học kỳ 4: 18 (15 TC bắt buộc, 03 TC tự chọn)</b>								
1	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		21	18	0
2	197030	Pháp luật đại cương	2	x		18	12	12
3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	125256	Ứng phó biến đổi khí hậu và tai biến môi trường	3		x	27	18	18
b	125234	Quản lý tài nguyên khí hậu, khí tượng	3		x	27	18	18
4	125056	Quản lý TN khoáng sản	3	x		27	27	9
5	125092	Quản lý nhà nước về đất đai	3	x		27	27	9
6	125091	Quản lý tài nguyên nước	3	x		27	27	9
7	125052	Thực tế MT thiên nhiên	2	x		5	18	32
<b>Học kỳ 5: 16 (16 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)</b>								
1	198030	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2	x		21	18	
2	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		21	18	
3	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10
4	125116	Quản lý tài nguyên và môi trường biển Việt Nam	3	x		27	18	18

5	124352	Quản lý tài nguyên rừng và BV đa dạng sinh học	3	x		27	18	18
6	125158	Xây dựng bản đồ chuyên đề trong QLTN&MT	3	x		15	10	50
<b>Học kỳ 6: 16 (10 TC bắt buộc, 06 TC tự chọn)</b>								
1	125097	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	3	x		27	18	18
2-3	<i>Chọn 2 trong 3 học phần:</i>		6					
a	125099	Bản đồ địa chính	3		x	12	14	52
b	162101	Trắc địa	3		x	12	14	52
c	125107	Ứng dụng phần mềm địa chính trong quản lý và sử dụng đất đai	3		x	12	14	52
4	125233	Ô nhiễm môi trường đất, nước và biện pháp xử lý	4	x		36	30	18
5	125353	Quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề	3	x		27	18	18
<b>Học kỳ 7: 17 (17 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)</b>								
1	125236	Thanh tra tài nguyên và môi trường	3	x		27	18	18
2	125192	Đánh giá tác động MT	3	x		27	18	18
3	125109	Thực tế công tác quản lý tài nguyên và MT	2	x		3	9	45
4	125050	Quy hoạch môi trường	3	x		27	18	18
5	125354	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	3	x		27	18	18
6	125276	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	x		27	18	18
<b>Học kỳ 8: 11 (05 TC bắt buộc, 06 TC tự chọn)</b>								
1	123190	Thực tập TN	5	x				<b>150</b>
2-3	153130	KLTN/ Học phần thay thế KLTN: <i>Chọn 2 trong 4 học phần:</i>	6					180
a	125118	Hạch toán môi trường	3		x	27	18	18
b	125140	Quản lý môi trường địa phương	3		x	27	18	18
c	125607	Luật và chính sách môi trường	3		x	27	18	18
d	162021	Đăng ký thống kê đất đai	3		x	27	18	18

## V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

### 5.1. Đội ngũ giảng viên

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	0	1	1
3	Tiến sỹ	7	20	27
4	Thạc sỹ	0	4	4
5	Đại học	0	0	0

### 5.2. Phòng học

- Nhà trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học.

- Phòng học đa năng có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác; Phòng thực hành, gồm có: mô hình bầu trời, quả địa cầu, hệ thống bản đồ, tập bản đồ Địa lí, mẫu đá phục vụ thực hành địa chất; dụng cụ thực hành đo vẽ bản đồ, thực hành địa chất; Thư viện điện tử đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...; Giáo trình và tài liệu tham khảo cho các môn học chính.

### 5.3. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan

TT	Nội dung	Cơ quan/ Địa điểm
1	Thực tập TN	Phòng TN&MT các huyện, Tp; Sở TN&MT, Công ty Môi trường, ...
2	Thực tế MT thiên nhiên	Các tỉnh miền Bắc
3	Thực tế Công tác QLTNMT	Các tỉnh miền Trung

## VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### A. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

#### I. LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

##### 6.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN/ MARXIST PHILOSOPHY

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196055
- Bộ môn quản lý học phần: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### 1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan

điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
<b>Tổng</b>	<b>32</b>	<b>26</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2, CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
	Trắc nghiệm/viết	Rubric 3 ( <i>Tính theo tỷ lệ số câu đúng/tổng số câu hoặc đánh giá mức độ nhận thức và liên hệ thực tiễn</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân tuần/tháng	Rubric 4 ( <i>đánh giá khả năng tự nghiên cứu</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 5 ( <i>đánh giá bài kiểm tra viết</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	20%
<b>III. Thi kết thúc học phần</b>				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 ( <i>đánh giá bài thi trắc nghiệm</i> )	CLO1, CLO2, CLO3	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### \* Giáo trình chính:

1) Bộ Giáo dục & ĐT (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

#### \* Tài liệu tham khảo:

1) Bộ Giáo dục & ĐT (2006), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

## 6.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN/ POLITICAL ECONOMY

- Số tín chỉ: 02 ( 21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn quản lý học phần: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

## 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	0	0	0	0	6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
<b>Tổng</b>	<b>21</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Thảo luận nhóm	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận nhóm)	CLO1 CLO2 CLO3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
<b>III. Thi kết thúc học phần</b>				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1, CLO2	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **\* Giáo trình chính:**

1) Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021)

### **\* Tài liệu tham khảo:**

1) Bộ GD&ĐT (2006), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

## **6.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ SCIENTIFIC SOCIALISM**

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)

- Mã học phần: 196065

- Bộ môn quản lý học phần: Lý luận Mác - Lênin.

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin

- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.



#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
<b>Tổng</b>	<b>21</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 (đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 (đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)	CLO1 CLO2 CLO3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ)	CLO1 CLO2 CLO3	20%

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>III. Thi kết thúc học phần</b>				50%
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	

### 7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### \* *Giáo trình chính:*

1) Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

#### \* *Tài liệu tham khảo:*

1) *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (2008), Bộ Giáo dục & Đào tạo, NXB CTQG.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

## 6.4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/ HISTORY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIET NAM.

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)

- Mã số học phần: 198030

- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

### 1. Mô tả tóm tắt học phần

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

### 2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.

- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

### 4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước ( 1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới ( 1975 đến nay)	7	6				30
<b>Tổng</b>	<b>21</b>	<b>18</b>				<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: (01)</b>			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### \* *Giáo trình chính:*

1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

### \* *Tài liệu tham khảo:*

1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.

2) Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69). Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

## 6.5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/HO CHI MINH'S IDEOLOGY.

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 197035

- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

### 1. Mô tả học phần

Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội

- CO2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Xây dựng rèn luyện đạo đức, nhân cách. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh

- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4			24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4			24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2			12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6			33
<b>Tổng</b>	<b>21</b>	<b>18</b>			<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

#### 7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

## **7.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **Giáo trình chính:**

1) Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

### **Tài liệu tham khảo:**

1) *Hồ Chí Minh (2011), toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15)

2) Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

## **6.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL LAW**

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;

- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	6	6		0		30
Chương 2: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4	4		0		20
Chương 3: Luật Phòng, chống tham nhũng	2	3		0		10
Chương 4: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	5		0		10
Chương 5: Luật Hình sự	2	3		0		10
Chương 6: Luật Lao động	2	3		0		10
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>24</b>		<b>0</b>		<b>90</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Viết	Rubric viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
<b>II. Kiểm tra giữa kì (01)</b>				20%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	



<b>III. Thi cuối kì</b>				50%
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1 Học liệu bắt buộc:

1. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động.

#### 8.2 Học liệu tham khảo:

1) Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoàn (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.

2) Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

## II. KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN-MÔI TRƯỜNG

### 6.7. KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO/*Business Startup and Innovation*

- Số tín chỉ: 03 (27; 26; 10)
- Mã học phần: 154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### 1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.

- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.

- CO3: Người học có thể hình thành và đề xuất ý tưởng ĐMST; vận hành đề án khởi nghiệp ĐMST từ đó kiến tạo ra các giá trị mới cho bản thân, tổ chức và xã hội.

- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có thể khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Thành thạo trong phân tích và vận dụng các kỹ thuật tư duy sáng tạo như Mindmap, Scamper, động não... vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- CLO3: Phân tích, lựa chọn và đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi.

- CLO4: Xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng/dự án khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO5: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng bản kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO6: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST mọi người.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		0		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	5		3		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		3		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4				25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	5		4		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4				20
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>26</b>		<b>10*</b>		<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Dạy học theo dự án.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3,5	
			CLO5,6	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc Trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	20%
<b>III. Thi cuối kì</b>				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định ( <i>sinh viên đủ đk làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV</i> )	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các

bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

**\* Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

1) Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

**\* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1) Lê Hoàng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), *Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết & Thực tiễn*. (Tài liệu lưu hành nội bộ)

2) Eric Ries (2018), *Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)* – Dương Hiếu & Kim Phượng (dịch); NXB Thời đại.

3) Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*; NXB Đại học kinh tế quốc dân

## **8. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/ Basic of Vietnamese culture**

- Số tín chỉ: 02 (18; 18; 6)

- Mã học phần: 121005

- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hoá Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hoá Việt Nam; bản sắc văn hoá Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hoá Việt Nam từ đó có thể vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hoá – xã hội.

- CO2: Người học rèn được kỹ năng giao tiếp, văn hoá ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc.

- CO3: Người học có thể hình thành và đề xuất ý tưởng về văn hoá; vận hành đề án đề tài liên quan đến văn hoá, từ đó có ý thức gìn giữ, bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người hiểu biết về văn hoá nói chung và văn hoá Việt Nam nói riêng từ đó chủ động hoàn thiện bản thân trong môi trường xã hội.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Phân biệt, khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về văn hóa từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Phân tích được những hiệu ứng, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.

- CLO3: Sử dụng ngôn ngữ và ứng xử giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.

- CLO4: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống dưới góc nhìn đa chiều, linh hoạt và toàn diện.

- CLO5: Thể hiện thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu, và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	0	0	0	0	0
Nội dung 2 Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	0	0	0	0	10
Nội dung 3 Định vị văn hoá Việt Nam	2	1	0	0	0	5
Nội dung 4 Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5 Các vùng văn hoá Việt Nam	1	1	0	0	0	5
Nội dung 6 Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7 Thực hành	0	0	0	6	0	0
Nội dung 8 Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5

Nội dung 9 Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 10 Văn hóa tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 11 Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 12 Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 13 Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 14 Tổng kết	1	2	0	0	0	3
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3,5	
			CLO5	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
<b>III. Thi cuối kì</b>				
1	Trắc nghiệm(dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
<b>Thang điểm</b>				

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

\* **Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

1) Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá VN*, NXB. GD

\* **Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

2) Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá VN*, NXB. GD

3) Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB.VH TT HN

## 6.9. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL PSYCHOLOGY

- Số tín chỉ: 02 (18, 24, 0)
- Mã học phần: 181145
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Tâm lý học là một khoa học; Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách. Từ đó hình thành được kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý cũng như phương hướng hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân để phù hợp với cuộc sống cũng như yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về Tâm lý con người dưới góc độ khoa học duy vật biện chứng.
- CO2: Vận dụng được nội dung kiến thức của học phần để: Phân tích, khái quát, đánh giá các vấn đề liên quan đến tâm lý con người; Giải thích các hiện tượng tâm lý người trong đời sống; Qua quá trình tham gia tích cực, tự giác học tập dưới sự tổ chức, hướng dẫn của người dạy, người học hình thành, phát triển các kỹ năng cần thiết nhằm hoàn thiện nhân cách bản thân đáp ứng linh hoạt, hiệu quả những yêu cầu của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp tương lai.
- CO3: Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của nội dung kiến thức học phần

trong cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp để hình thành thái độ đúng đắn, tự giác, tích cực, hứng thú đối với việc tiếp thu kiến thức; tích cực tự học, tự nghiên cứu hiệu quả nhằm hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của hoạt động sống và hoạt động nghề nghiệp.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được đối tượng, nhiệm vụ, bản chất của tâm lý người, chức năng của tâm lý, phân loại các hiện tượng tâm lý; các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý.

- CLO2: Phân tích, lý giải được khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động, giao tiếp; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.

- CLO3: Phân tích được khái niệm, các qui luật của hoạt động nhận thức; mô tả được các quá trình cơ bản của trí nhớ và hoạt động ngôn ngữ của con người.

- CLO4: Phân tích, lý giải được bản chất nhân cách, các thuộc tâm lý của nhân cách như xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực và chỉ ra được các con đường hình thành, phát triển nhân cách. Các sai lệch hành vi về mặt tâm lý và cách khắc phục.

- CLO5: Vận dụng kiến thức tâm lý học đại cương vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý người khoa học trong hoạt động thực tiễn, trong quan hệ ứng xử; làm bài tập theo nhiệm vụ.

- CLO6: Hình thành, phát triển các kỹ năng cần thiết nhằm hoàn thiện nhân cách bản thân đáp ứng linh hoạt, hiệu quả những yêu cầu của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp tương lai.

- CLO7: Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của nội dung kiến thức môn học trong cuộc sống, trong hoạt động nghề nghiệp để hình thành thái độ đúng đắn, tự giác, tích cực, hứng thú đối với việc tiếp thu kiến thức hiệu quả.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tâm lý học là một khoa học	3	3				13
Chương 2: Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức	3	3				14
Chương 3: Hoạt động nhận thức	6	9				31
Chương 4: Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách	6	9				32
<b>Tổng</b>	18	24				90

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng hợp lý, linh hoạt các phương pháp dạy học sau: Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, xemina nhóm;



## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO7	10%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4,5	10%
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	10%
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Viết	Rubric đánh giá giữa kỳ	CLO1,2,3,4,5,6	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ (01)</b>			
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4,5,6	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### \* *Giáo trình bắt buộc* :

1. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Luỹ, Đinh Văn Vang (2018), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm.

### \* *Tài liệu tham khảo* :

1. Nguyễn Xuân Thúc (2017), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm.

2. Phan Trọng Ngọ (2005), *Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm.

## 6.10. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH/ Vietnamese in use

- Số tín chỉ: 02 (18, 20, 4)
- Mã học phần: 123050
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: không

### 1. Mô tả học phần

Nghe, nói, đọc, viết là những kỹ năng quan trọng cần được hình thành, phát triển ở mỗi giai đoạn trong quá trình nhận thức và tư duy của con người. Học phần Tiếng Việt thực hành tập trung trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt như: văn bản, câu, từ, ngữ âm; từ đó thông qua hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng sử

dụng tiếng Việt như: phân tích và tạo lập văn bản; đặt câu, dùng từ và chính tả trong văn bản.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức cơ bản về tiếng Việt như: văn bản, câu, từ, ngữ âm và về các kỹ năng sử dụng tiếng Việt trên các phương diện từ tạo lập và tiếp nhận văn bản đến đặt câu, dùng từ, chính tả trong văn bản.

- CO2: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề nghiên cứu về tiếng Việt một cách chính xác khoa học, sáng tạo; có kỹ năng nhận diện và phân tích và tạo lập các đơn vị tiếng Việt từ văn bản, câu, từ và chính tả và thực tiễn sử dụng tiếng Việt, từ đó có khả năng vận dụng linh hoạt tiếng Việt trong thực tiễn và nghề nghiệp.

- CO3: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về tiếng Việt vào việc phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong chuẩn mực, có đam mê tìm hiểu, nghiên cứu và khám phá, sáng tạo

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kiến thức vững chắc về tiếng Việt và kỹ năng sử dụng tiếng Việt trên các phương diện từ ngữ âm, từ vựng đến ngữ pháp.

- CLO2: Có kỹ năng vận dụng linh hoạt những vấn đề lý thuyết vào việc thực hành tạo lập và phân tích các văn bản; có kỹ năng phân tích và tạo lập văn bản; kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng chính tả.

- CLO3: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về tiếng Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về tiếng Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá; có lòng tự hào và ý thức tôn trọng tiếng Việt.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản	5	4	0	1	0	25
Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận văn bản	5	4	0	1	0	25

Rèn luyện kỹ năng đặt câu trong văn bản	4	4	0	1	0	15
Rèn luyện kỹ năng dùng từ trong văn bản	2	6	0	1	0	15
Rèn luyện kỹ năng chính tả tiếng Việt	2	2	0		0	10
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu ...

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1,CLO2	30%
1	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric2/Rubric4	CLO1, CLO3, CLO4	
3	Bài tập/Thực hành /Viết	Rubric3/Rubric5	CLO2, CLO3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Viết	Rubric 5	CLO2, CLO3	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	50%
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối...) tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

[1]. Bùi Minh Toán - Lê A – Đỗ Việt Hùng (2012), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

## 8.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (1997), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục.
- [2]. Phan Thiều (1998), *Rèn luyện ngôn ngữ*, tập 1, 2, Nxb Giáo dục.

## 6.11. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/RESEARCH METHODOLOGY OF SCIENTIFIC

- Số tín chỉ: 02 (18; 18; 6)
- Mã học phần: 125125
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử
- Các học phần tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; các phương pháp nghiên cứu khoa học; logic tiến trình nghiên cứu khoa học; Xác định vấn đề, đặt tên đề tài, xây dựng luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; đạo đức khoa học; đánh giá một công trình khoa học.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học xác định các nội dung của việc thực hiện một đề tài khoa học từ lựa chọn vấn đề mang tính khoa học, lựa chọn đề tài, xác định các nhiệm vụ và phương pháp của việc thực hiện một đề tài, phương pháp trình bày một báo cáo khoa học
- CO2: SV hình thành và phát triển các kỹ năng thực hiện các bước tiến hành thực hiện đề tài khoa học
- CO3: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, hình thành phương pháp nghiên cứu cũng như đạo đức khoa học

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về khoa học và nghiên cứu khoa học
- CLO2: Có kỹ năng lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu; tổ chức nhóm nghiên cứu; viết báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu,...
- CLO3: Người học vận dụng các nội dung học phần vào quá trình giảng dạy trong chương trình ở trường phổ thông
- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của Phương pháp nghiên cứu khoa học, trung thực, khách quan trong việc thực hiện các nội dung nghiên cứu.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1: Khoa học</b> 1.1. Khái niệm khoa học	3	3				15

1.2. Phân loại khoa học 1.3. Các giai đoạn phát triển của tri thức khoa học						
<b>Chương 2: Đại cương về nghiên cứu khoa học</b> 2.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học 2.2. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học 2.3. Phân loại nghiên cứu khoa học	3	3				15
<b>Chương 3. Trình tự nghiên cứu khoa học</b> 3.1. Khái niệm chung 3.2. Lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài 3.3. Xây dựng luận điểm khoa học	3	3				15
<b>Chương 4. Thu thập và xử lý thông tin</b> 4.1. Khái niệm 4.2. Đại cương về thu thập thông tin 4.3. Phương pháp nghiên cứu tài liệu 4.4. Phương pháp khảo sát thực địa 4.5. Phỏng vấn 4.6. Hội nghị khoa học	3	2	1	2		15
<b>Chương 5. Trình bày luận điểm khoa học</b> 5.1. Bài báo khoa học 5.2. Trình bày một tổng luận khoa học 5.3. Công trình khoa học 5.4. Khóa luận tốt nghiệp	3	2	1	2		15
<b>Chương 6: Tổ chức thực hiện đề tài</b> 6.1: Lựa chọn đề tài 6.2: Xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu 6.3: Tổ chức nhóm nghiên cứu 6.4: Viết báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu 6.5. Đạo đức khoa học	3	2	1	2		15
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>15</b>	<b>3</b>	<b>6</b>		<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng công nghệ thông tin, đóng vai, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**\* Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

1) Vũ Cao Đàm(2012) *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục

**\* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1) Phạm Viết Vượng(2015), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: Giáo trình đào tạo giáo viên THCS*

2) Phạm Viết Vượng(2002) *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*: Nxb ĐHQGHN,

## **6.12. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI/ENVIRONMENT AND HUMAN**

- Số tín chỉ: 02 (18, 24, 0)
- Mã số học phần: 118001
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.
- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần:**

Học phần trang bị cho người học các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

### **2. Mục tiêu của học phần:**

- CO1: Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong lao động sản xuất và trong cuộc sống
- CO2: Người học có khả năng phân tích, dự báo, nhận diện được các vấn đề về môi trường cũng như kỹ năng xử lý các vấn đề đó
- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, giải quyết được các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.
- CLO2: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- CLO3: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;
- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.
- CLO5: Xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p><b>Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường</b></p> <p>1.1. Khái niệm, phân loại môi trường</p> <p>1.1.1. Khái niệm về môi trường</p> <p>1.1.2. Phân loại môi trường</p> <p>1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường</p> <p>1.2.1. Đối tượng</p> <p>1.2.2. Nhiệm vụ</p> <p>1.3. Chức năng của môi trường</p> <p>1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật</p> <p>1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên</p> <p>1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật</p> <p>1.3.4. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin</p>	2	3				15
<p><b>Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường</b></p> <p>2.1. Nhân tố sinh thái.</p> <p>2.1.1. Khái niệm chung.</p> <p>2.1.2. Các định luật có liên quan.</p> <p>2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái.</p> <p>2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật.</p> <p>2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật.</p> <p>2.3. Quần thể và quần xã sinh vật.</p> <p>2.3.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể.</p> <p>2.3.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã.</p> <p>2.4. Hệ sinh thái.</p>	3	4				15



<p>2.4.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái.</p> <p>2.4.2. Đặc trưng của hệ sinh thái.</p> <p>2.5. Hệ sinh thái và con người.</p> <p>2.5.1. Vị trí của của con người trong hệ sinh thái.</p> <p>2.5.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người.</p> <p>2.5.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.</p>						
<p><b>Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b></p> <p>3.1. Dân số</p> <p>3.1.1. Một số chỉ số cơ bản của dân số</p> <p>3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số</li> <li>- Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển</li> <li>- Dự báo phát triển dân số trên thế giới</li> </ul> <p>3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam</p> <p>3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh</p> <p>3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên</p> <p>3.2.1. Khái niệm TNTN</p> <p>3.2.2. Phân loại TNTN</p> <p>3.2.3. Vai trò của TNTN</p> <p>3.2.4. Một số vấn đề về sử dụng TNTN</p> <p>3.3. Một số loại TNTN</p>	4	6				15
<p><b>Chương 4. Ô nhiễm môi trường</b></p> <p>4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường</p> <p>4.2. Ô nhiễm môi trường nước</p> <p>4.2.1. Khái niệm</p> <p>4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước</p> <p>4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới</p> <p>4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục</p> <p>4.3. Ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>4.3.1. Khái niệm</p> <p>4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô</p>	3	4				15

nhiễm môi trường không khí 4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí 4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục 4.4. Ô nhiễm môi trường đất 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất 4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất 4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục 4.5. Các ô nhiễm khác					
<b>Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững</b> 5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu 5.1.1. Lắng đọng axit 5.1.2. Hiệu ứng nhà kính 5.1.3. Suy thoái tầng ôzôn 5.2. Các công cụ quản lý môi trường 5.2.1. Công cụ pháp lý 5.2.2. Công cụ kinh tế 5.2.3. Công cụ kỹ thuật 5.3. Phát triển bền vững 5.3.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV 5.3.2. Nguyên tắc của PTBV 5.3.3. Nội dung của PTBV 5.3.4. Chiến lược phát triển bền vững của Việt nam	3	4			15
<b>Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động</b> 6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinh và an toàn lao động 6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; 6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở; 6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.	3	3			15
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>24</b>			<b>90</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu ...

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4,5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>III. Thi cuối kì</b>				
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

\* **Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

- 1) Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GDHN

**\* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1) Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.

2) *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14).*

### **III. KHOA HỌC TỰ NHIÊN - CÔNG NGHỆ**

#### **6.13. CÔNG NGHỆ SỐ/Digital technology**

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)

- Mã học phần: 172555

- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng

- Điều kiện tiên quyết: không

##### **1. Mô tả học phần**

Học phần Công nghệ số cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và chuyên đổi số, bao gồm:

- Học vấn số hoá phổ thông nhằm giúp sinh viên hoà nhập với xã hội hiện đại, sử dụng được các thiết bị số và phần mềm cơ bản thông dụng một cách có đạo đức, văn hoá và tuân thủ pháp luật.

- Giúp sinh viên củng cố và nâng cao năng lực về công nghệ thông tin đã được hình thành, phát triển ở giai đoạn giáo dục phổ thông, đồng thời cung cấp cho sinh viên tri thức mang tính ứng dụng công nghệ số trong ngành nghề của mình sau khi tốt nghiệp.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống máy tính; củng cố và phát triển hơn nữa cho sinh viên tư duy giải quyết vấn đề, khả năng đưa ra ý tưởng và chuyển giao nhiệm vụ cho máy tính thực hiện.

- Trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng tin học, tạo ra sản phẩm số phục vụ cộng đồng và nâng cao hiệu quả công việc; có khả năng lựa chọn, sử dụng, kết nối các thiết bị số, dịch vụ mạng và truyền thông, phần mềm và các tài nguyên số khác.

- Giúp sinh viên có khả năng hoà nhập và thích ứng được với sự phát triển của xã hội số, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học; tìm kiếm và trao đổi thông tin theo cách phù hợp, tuân thủ pháp luật, có đạo đức, ứng xử văn hoá và có trách nhiệm; có hiểu biết thêm một số ngành nghề thuộc lĩnh vực tin học, chủ động và tự tin trong việc ứng dụng công nghệ số vào nghề nghiệp tương lai của bản thân.

##### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số

##### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;

- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;
- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;
- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
<b>Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức</b> 1.1. Tin học và xử lý thông tin 1.2. Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
<b>Chương 2: Mạng máy tính và Internet</b> 2.1. Mạng máy tính 2.2. Phân loại mạng máy tính 2.3. Internet và Internet of Things 2.4. Tìm kiếm và trao đổi thông tin trên mạng 2.5. Sử dụng dịch vụ web, tự bảo vệ khi tham gia mạng	2	0	0	3		10
<b>Chương 3: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số</b> 3.1. Nghĩa vụ tuân thủ pháp lý trong môi trường số 3.2. Ứng xử văn hoá và an toàn trên mạng 3.3. Giữ gìn tính nhân văn trong thế giới ảo	3	0	0	0		9
<b>Chương 4. Hệ thống thông tin số (5, 0, 0)</b> 4.1. Các khái niệm 4.2. Quy trình chuyển đổi số hệ thống thông tin quản lý 4.3. Một số hệ thống thông tin số	5	0	0	0		15

<b>Chương 5: Ứng dụng Công nghệ số</b> 5.1. Kỹ thuật soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Phần mềm bảng tính 5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35	65
<b>Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ</b> 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ tổ chức hội nghị/đào tạo trực tuyến (Google Meet) 6.3. Công cụ khảo sát/kiểm tra/đánh giá trực tuyến (Google Form)	3	0	0	10	24

### 5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (04)</b>			
1	<b>Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số</b> - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	<b>Kỹ thuật trình chiếu</b> - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	<b>Thực hành bảng tính</b> - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	

4	<b>Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,...)</b> - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>II Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
<b>III Thi cuối kỳ</b>				
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + <i>Phần thực hành</i> : thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 30 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**\* Giáo trình bắt buộc:**

1) Lê Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

**\* Tài liệu tham khảo:**

1) Minh Quý, 2013, *Microsoft Office 2007*, NXB Hồng Đức.

## 6.14. Chọn 1/3 học phần:

### 14a. TOÁN CAO CẤP / Advanced mathematics

- Số tín chỉ: 02 (18; 24)
- Mã học phần: 114025
- Bộ môn quản lý học phần: Đại số - Hình học
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### 1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; không gian vectơ và ánh xạ tuyến tính; phép tính vi phân và tích phân của hàm số.

#### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức những kiến thức cơ bản về tập hợp, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân và tích phân của hàm số.
- CO2: Người học có kỹ năng áp dụng được các kiến thức về toán cao cấp vào giải quyết các bài toán chuyên ngành

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Giải thành thạo các bài toán về phương trình ma trận, các phép toán trên ma trận; tính thành thạo định thức.
- CLO2: Vận dụng các kiến thức về ma trận và định thức vào giải các hệ phương trình tuyến tính.
- CLO3: Tính thành thạo các bài toán cơ bản về đạo hàm và tích phân.
- CLO4: Giải thành thạo các bài tập cơ bản liên quan đến các tính chất về phép tính vi phân của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán liên quan đến chuyên ngành học.
- CLO5: Thể hiện được khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, có khả năng làm việc độc lập.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<i>Tập hợp và logic</i>	3		2			5
Ma trận và định thức	3		6			15
Hệ phương trình tuyến tính	2		4			10
<i>Không gian vec tơ và ánh xạ tuyến tính</i>	1		1			10
Hàm số và giới hạn	2		2			6
Đạo hàm và vi phân	1		1			10
Tích phân	1		2			9
Hàm nhiều biến	3		3			15
Phương trình vi phân	2		3			10
<b>Tổng</b>	<b>18</b>		<b>24</b>			<b>90</b>



## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Bài kiểm tra định kỳ	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3, CLO4	
	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1, CLO2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1-CLO5	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp tối thiểu 80% số tiết của chương trình đào tạo môn học theo thời khóa biểu.

- Làm bài tập về nhà đầy đủ.

- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.

- Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 03 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ.

- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình phục vụ môn học.

- Trước khi lên lớp, SV phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của GV

- Trên lớp, SV phải chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp kiến xây dựng bài.

- Ở nhà, SV phải tích cực tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành tốt môn học.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013), *Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3*, NXB Giáo dục.

[2]. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013). *Bài tập Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3*, NXB Giáo dục.

### 8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[3]. Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên) - Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chinh (2004). *Đại số tuyến tính*, NXB Đại học Sư phạm.

[4]. Nguyễn Tiên Quang, Lê Đình Nam (2014). *Cơ sở Đại số tuyến tính*, (Dùng cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật), NXB Giáo dục Việt Nam.

## **14b. HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG/General Chemistry**

- Số tín chỉ: 02 TC (18: 24: 0)
- Mã số học phần: 116015
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Hóa học, Khoa KHTN.
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Các khái niệm và định luật Hoá học; Cấu tạo nguyên tử theo quan điểm cơ học lượng tử; Đại cương về cấu tạo phân tử và liên kết hoá học; Các nguyên lý nhiệt động hoá học; Dung dịch và các thuộc tính vật lý; Phản ứng ôxi hoá - khử và dòng điện.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức lý thuyết cơ bản của hóa học đại cương như: Các khái niệm và định luật hoá học; cấu tạo nguyên tử, cấu tạo phân tử và liên kết hoá học; các nguyên lý nhiệt động hoá học; dung dịch; hóa học và dòng điện ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường.

- CO2: Vận dụng kiến thức lý thuyết để giải các bài tập về hóa đại cương, tính được hiệu ứng nhiệt của phản ứng, hằng số cân bằng hóa học, tốc độ và hằng số tốc độ của phản ứng, các ứng dụng của hóa học trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.

- CO3: Phân tích và giải được các bài tập về tính độ điện li, nồng độ dung dịch và pH của dung dịch. Vận dụng kiến thức về phản ứng oxi hóa – khử và dòng điện tính dự đoán được chiều diễn biến của phản ứng hóa học.

- CO4: Có khả năng giao tiếp, tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm và làm việc độc lập để hoàn thành công việc.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Cung cấp hệ thống khái niệm và định luật cơ bản; cấu tạo nguyên tử, hệ thống tuần hoàn; cấu tạo phân tử và liên kết hóa học.

- CLO2: Vận dụng kiến thức cấu tạo nguyên tử, HTTH, liên kết, cấu tạo phân tử, làm sáng tỏ mối quan hệ giữa cấu trúc lớp vỏ electron và sự biến thiên tuần hoàn các tính chất nguyên tử, phân tử, các hợp chất hóa học.

- CLO3: Vận dụng các nguyên lý của nhiệt động hóa học để tính được hiệu ứng nhiệt của phản ứng, hằng số cân bằng hóa học, tốc độ và hằng số tốc độ của phản ứng.

- CLO4: Phân tích, vận dụng kiến thức về dung dịch để tính được độ điện li, nồng độ dung dịch và pH của dung dịch. Vận dụng kiến thức về phản ứng oxi hóa – khử và dòng điện tính dự đoán được chiều diễn biến của phản ứng hóa học, ứng dụng trong thực tiễn.

- CLO5: Hình thành được phương pháp tự học, tự nghiên cứu, phương pháp làm việc, giao tiếp khoa học và phân tích đánh giá kiến thức của học phần với kiến thức tổng thể của ngành.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương I. Các khái niệm, định luật cơ bản của hóa học.	2	1	2	0		15
Chương II. Cấu tạo nguyên tử và hệ thống tuần hoàn	3	1	2	0		14
Chương III. Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học	4	1	3	0		16
Chương IV. Các nguyên lý nhiệt động hóa học	3	1	3			17
Chương V. Dung dịch	3	1	5	0		15
Chương VI. Phản ứng ôxi hoá - khử, hoá học và dòng điện	3	1	3	0		13
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>6</b>	<b>18</b>	<b>0</b>		<b>90</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Chuyên cần/ Thái độ	Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ	CLO1÷2	30%
2	Bài tập nhóm hoặc thảo luận	Rubric đánh giá bài tập nhóm hoặc thảo luận	CLO2÷5	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2÷4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Rubric kiểm tra viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1÷4	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Viết hoặc làm bài tập lớn thay thế	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết hoặc rubric đánh giá bài tập lớn thay thế thi cuối kỳ	CLO1÷5	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ ĐK dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Lê Mậu Quyền - Hoá học Đại cương - NXB Giáo dục 2005.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Mậu Quyền (2005), *Bài tập Hoá học Đại cương*, NXB Giáo dục.

2. Trần Thành Huế (2007), *Hoá học Đại cương 1 Cấu tạo chất*, NXB ĐH Sư phạm.

3. Trần Hiệp Hải (2004), *Hoá học Đại cương 2*, NXB ĐH Sư phạm.

## 14c. SINH THÁI HỌC /ECOLOGY

- Số tín chỉ: 2 (18; 24; 0)

- Mã số học phần: 118045

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.

- Điều kiện tiên quyết:

### 1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần gồm những vấn đề chung về sinh thái học: khái niệm, nội dung cơ bản của sinh thái học; quan hệ của sinh thái học với các môn khoa học; các phân môn của sinh thái học; phương pháp nghiên cứu sinh thái học. Môi quan hệ giữa sinh vật với sinh vật và giữa sinh vật với môi trường của các cấp độ tổ chức sống: sinh thái học cá thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái; các hệ sinh thái chính trên trái đất.

Học xong học phần người học hiểu và vận dụng được các quy luật sinh thái cơ bản, các mối quan hệ giữa sinh vật với sinh vật và giữa sinh vật với môi trường trong dạy học; phân loại và hướng dẫn giải được các bài tập sinh thái học phù hợp cho các mức độ nhận thức của học sinh; có khả năng ứng dụng các kiến thức đã học về sinh thái học để giải thích các hiện tượng liên quan.

### 2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Hiểu được những nội dung cơ bản của sinh thái học: Các nhân tố sinh thái và sự thích nghi của sinh vật, các quy luật sinh thái, quần thể, quần xã, hệ sinh thái, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường... Từ đó hiểu được hững điều kiện tồn tại của sinh vật, mối quan hệ có tính quy luật giữa sinh vật với môi trường sống, giữa sinh

vật với sinh vật, là cơ sở của các biện pháp kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi, là cơ sở của ngành ô nhiễm học và bảo vệ môi trường.

- CO2: Ứng dụng các kiến thức sinh thái vào thực tiễn cuộc sống, sản xuất và bảo vệ môi trường như các biện pháp kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, phòng trừ sâu hại, nâng cao năng suất cây trồng và vật nuôi, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm ...

- CO3: Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt. Có kỹ năng làm việc theo nhóm, có kỹ năng phân tích, tổng hợp, mô tả...

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành chương trình môn học, người học có các chuẩn đầu ra sau:

- CLO1: Phát biểu được những khái niệm cơ bản của sinh thái học trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường; nêu được những đặc điểm cơ bản, cấu trúc của quần thể, quần xã và hệ sinh thái; biết được các khu dự trữ sinh học trên trái đất.

- CLO2: Giải thích được mối quan hệ giữa quần thể sinh vật, quần xã sinh vật, hệ sinh thái với môi trường.

- CLO3: Phân tích được sự ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái đến cá thể sinh vật và ngược lại.

- CLO4: Vận dụng được cơ sở sinh thái học trong thực tiễn cuộc sống, sản xuất và bảo vệ môi trường.

- CLO5: Hình thành khả năng tư duy độc lập, tự học và làm việc khoa học.

- CLO6: Hình thành ý thức và hành động bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học.

### 4. Nội dung chi tiết môn học

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</b>	1	2				10
1.1. Định nghĩa sinh thái học và nội dung cơ bản của sinh thái học						
1.2. Quan hệ của sinh thái học với các môn khoa học khác						
1.3. Các phân môn của sinh thái học						
1.3.1. Sinh thái học cá thể						
1.3.2. Sinh thái học quần thể						
1.3.3. Sinh thái học Quần xã						
1.3.4. Hệ sinh thái						
1.4. Phương pháp nghiên cứu sinh thái						

học						
<b>CHƯƠNG II: SINH THÁI HỌC CÁ THỂ</b>	4	5				17
2.1. Môi trường và các nhân tố sinh thái 2.1.1. Khái niệm môi trường 2.2.2. Khái niệm các nhân tố sinh thái 2.2. Một số quy luật cơ bản của sinh thái học 2.2.1. Quy luật tác động tổng hợp của các nhân tố sinh thái 2.2.2. Quy luật giới hạn sinh thái 2.2.3. Quy luật tác động không đồng đều của các nhân tố sinh thái 2.2.4. Quy luật tác động qua lại giữa sinh vật và môi trường 2.3. Tác động của các nhân tố sinh thái lên sinh vật và sự thích nghi của chúng 2.3.1. Ánh sáng là nhân tố sinh thái 2.3.2. Nhiệt độ là nhân tố sinh thái 2.3.3. Nước là nhân tố sinh thái 2.3.4. Đất là nhân tố sinh thái 2.3.5. Không khí là nhân tố sinh thái 2.4. Nhịp điệu sinh học 2.4.1. Khái niệm nhịp điệu sinh học 2.4.2. Các loại nhịp điệu sinh học thích ứng 2.4.3. Nhịp thủy triều 2.4.4. Nhịp điệu tuần trăng 2.4.5. Nhịp điệu năm 2.4.6. Hiện tượng quay chu kỳ 2.4.7. Hiện tượng học						
<b>CHƯƠNG III: QUẦN THỂ</b>	4	5				16
3.1. Đại cương 3.1.1. Khái niệm quần thể 3.1.2. Phân loại quần thể 3.2. Mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể. 3.2.1. Quan hệ hỗ trợ 3.2.2. Quan hệ đấu tranh 3.2.3. Mối liên hệ giao tiếp giữa các cá						

<p>thể trong quần thể</p> <p>3.3. Những đặc trưng cơ bản của quần thể</p> <p>3.3.1. Cấu trúc thành phần giới tính hay tỷ lệ đực cái</p> <p>3.3.2. Cấu trúc thành phần các nhóm (lứa) tuổi</p> <p>3.3.3. Sự phân bố cá thể trong quần thể</p> <p>3.3.4. Mật độ quần thể</p> <p>3.3.5. Sự sinh trưởng của quần thể</p> <p>3.3.6. Sự sinh sản của quần thể</p> <p>3.3.7. Sự tử vong của quần thể</p> <p>3.3.8. Sự phát tán</p> <p>3.4. Sự biến động số lượng của quần thể</p> <p>3.4.1. Các dạng biến động số lượng cá thể của quần thể</p> <p>3.4.2. Trạng thái cân bằng của quần thể</p> <p>3.4.3. Nguyên nhân sự biến động số lượng của quần thể</p> <p>3.4.4. Quần thể người và dân số</p> <p>3.4.5. Đặc điểm của quần thể người</p> <p>3.4.6. Những đặc trưng cơ bản của quần thể người</p>						
<b>CHƯƠNG IV: QUẦN XÃ</b>	4	5				16
<p>4.1. Đại cương</p> <p>4.2. Môi quan hệ sinh thái giữa các loài trong quần xã</p> <p>4.2.1. Quan hệ giữa thực vật và động vật</p> <p>4.2.2. Quan hệ cạnh tranh</p> <p>4.2.3. Quan hệ vật ăn thịt- con mồi</p> <p>4.2.4. Quan hệ ký sinh- vật chủ</p> <p>4.2.5. Quan hệ cộng sinh</p> <p>4.2.6. Quan hệ hợp tác</p> <p>4.2.7. Quan hệ hội sinh</p> <p>4.2.8. Quan hệ ức chế – cảm nhiễm</p> <p>4.3. Phân loại quần xã</p> <p>4.3.1. Phân loại quần xã theo lãnh thổ và phân bố</p> <p>4.3.2. Vùng chuyên tiếp</p> <p>4.3.3. Giới hạn của quần xã</p>						

<p>4.4. Những tính chất cơ bản của quần xã</p> <p>4.4.1. Thành phần loài của quần xã</p> <p>4.4.2. Những tính chất về cấu trúc của sự phân bố cá thể và sự biến đổi theo chu kỳ của quần xã</p> <p>4.5. Sự diễn thế</p> <p>4.5.1. Đại cương về sự diễn thế</p> <p>4.5.2. Những ví dụ về sự diễn thế</p> <p>4.5.3. Nguyên nhân của sự diễn thế</p>						
<b>CHƯƠNG V: HỆ SINH THÁI</b>	3	4				16
<p>5.1. Đại cương</p> <p>5.2. Sự chuyển hóa vật chất trong hệ sinh thái</p> <p>5.2.1. Chuỗi và lưới thức ăn</p> <p>5.2.2. Khái niệm về bậc dinh dưỡng và những hình tháp sinh thái học</p> <p>5.2.3. Chu trình sinh địa hoá</p> <p>5.3. Sự chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái và năng suất sinh học</p> <p>5.3.1. Khái niệm về dòng năng lượng</p> <p>5.3.2. Khái niệm về hiệu suất sinh thái</p> <p>5.3.3. Sản lượng ban đầu</p> <p>5.3.4. Sản lượng thứ sinh</p> <p>5.3.5. Những nhận xét rút ra sau khi nghiên cứu hệ sinh thái</p>						
<b>CHƯƠNG VI. CÁC VÙNG SINH THÁI CHÍNH TRÊN TRÁI ĐẤT</b>	2	3				15
<p>6.1. Các miền địa lý sinh vật lớn</p> <p>6.2. Các hệ sinh thái trên cạn</p> <p>6.2.1. Rừng nhiệt đới</p> <p>6.2.2. Xa van hay rừng cỏ đới nóng</p> <p>6.2.3. Hoang mạc</p> <p>6.2.4. Thảo nguyên</p> <p>6.2.5. Rừng lá ôn đới</p> <p>6.2.6. Rừng thông phương bắc</p> <p>6.2.7. Đài nguyên</p> <p>6.3. Các hệ sinh thái nước mặn</p> <p>6.4. Các hệ sinh thái nước ngọt</p> <p>6.4.1. Hệ sinh thái nước đứng</p> <p>6.4.2. Hệ sinh thái nước chảy</p>						



## 5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp nhiều phương pháp dạy học tích cực: Thuyết trình, thảo luận nhóm. Bài tập tiểu luận theo chủ đề. Thực hành nhóm.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Thực hành nhóm	Rubric 2	CLO 2 CLO 3 CLO 4	
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 3	CLO 3 CLO 4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
1	Tự luận	Rubric 4	CLO 2 CLO 3 CLO 4	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
1	Tự luận	Rubric 5	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	50%

## 7. Yêu cầu đối với môn học

- Sinh viên lên lớp tối thiểu 80% số tiết của chương trình đào tạo môn học.
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu chính, tài liệu tham khảo và tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết và làm bài tập. Làm đầy đủ các bài tập và bài kiểm tra theo quy định.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận, xêmina, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của cán bộ giảng dạy.

## 8. Học liệu

### 8.1. Giáo trình chính:

1. Đỗ Văn Nhượng (2013). Sinh thái học. NXB Giáo dục.
2. Trần Kiên (chủ biên) (2002). Sinh thái học và môi trường. NXB Giáo dục.

### 8.2. Tài liệu tham khảo:

3. Vũ Trung Tạng (2000). Cơ sở sinh thái học. NXB Giáo dục Hà Nội.
4. Dương Hữu Thời (2001). Cơ sở sinh thái học. NXB ĐHQG Hà Nội, 2001.

## IV. NGOẠI NGỮ

### 6.15. TIẾNG ANH 1/ (ENGLISH 1)

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ tiên A2.

#### 2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Sắp xếp, phân loại được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, phân biệt nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, áp dụng các kỹ thuật nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, lựa chọn cách thức giao tiếp trong khi nói, lựa chọn các kỹ thuật viết phù hợp, suy luận, tổng hợp và phân tích bài đọc tiếng Anh trình độ tiên A2 theo khung NLNNVN. Người học áp dụng định dạng bài thi nghe, nói, đọc, viết trình độ tiên A2 để thực hành.

- CO2: Vận dụng, tổng hợp kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình; áp dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm; vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc; có kỹ năng quản lý thời gian, hoạt động của bản thân.

#### 3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ tiên A2.

- CLO2: Sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ tiên A2, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ tiên A2.

- CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.

- CLO4: Sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực trình độ tiên A2; có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1:</b> 1.1. Course Introduction 1.2. Orientation	2	1,5	1,5		1	8

1.3. Diagnostic test 1.4. - IPA: phonemic chart + vowels + consonants + monothongs +diphthongs						
<b>Nội dung 2: Unit 1A – My name’s Hannah, not Anna</b> 2.1. Grammar: verb <i>to be</i> , subject pronoun, possessive adjectives 2.2. Listening: Listen & fill in a number or a day in each space 2.3. Reading: Days of the week; Numbers 1 – 20; Greetings 2.4. Speaking: making small talks, Days of the week; tel Number; Greetings 2.5. Writing: describing a stage of life	3	1,5	1,5		0	8
<b>Nội dung 3: Unit 1B; Unit 1C</b> 3.1. Grammar: verb <i>be?</i> and -, comparatives 3.2. Listening: grammar focus on verb <i>be</i> and comparatives, possessive adjectives 3.3. Reading: grammar focus on verb <i>be</i> and comparatives, possessive adjectives 3.4. Speaking: talking about favorite words, talking about people description 3.5. Writing: describing people	3	1,5	1,5		0	8
<b>Nội dung 4: Unit 2A</b> 4.1. Grammar:a/an, plurals; this/that, these/those 4.2. Listening: grammar focus on plurals 4.3. Reading: grammar focus on plurals 4.4. Speaking: things 4.5. Writing: describing things	2	1,5	1,5		1	8
<b>Nội dung 5: Unit 2B; Unit 2C</b> 5.1. Grammar: adjectives, imperatives, let’s 5.2. Listening: colors, adjectives, modifiers, feelings 5.3. Reading: colors, adjectives,	3	1,5	1,5		0	8

modifiers, feelings 5.4. Speaking: describing your unforgettable experience						
<b>Nội dung 6: Unit 3A</b> 6.1. Grammar: present simple 6.2. Listening: third person -s 6.3. Reading: present simple 6.4. Speaking: describing favorite things, people 6.5. Writing: describing favorite things, people	3	1,5	1,5		0	8
<b>Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C</b> 7.1. Grammar: word order in questions, sentence stress 7.2. Listening: word order in questions, sentence stress, jobs 7.3. Reading: job, love online 7.4. Speaking: describing job, love online 7.5. Writing: describing job, Love online	2	1,5	1,5		1	8
<b>Nội dung 8: Unit 4A, Unit 4B, Unit 4C</b> 8.1. Grammar: Whose...?, possessives, prepositions, 8.2. Listening: possessions, prepositions of places and time, everyday activities 8.3. Reading: possessions, prepositions of places and time, everyday activities 8.4. Speaking: sayings about everyday activities 8.5. Writing: everyday activities	3	1,5	1,5		0	8
<b>Nội dung 9: Unit 5A, Unit 5B, Unit 5C</b> 9.1. Grammar: can, can't, present continuous 9.2. Listening: sentence stress, buying a newspaper, weather and seasons 9.3. Reading: buying a newspaper, weather and seasons 9.4. Speaking: weather and seasons 9.5. Writing: weather and seasons	3	1,5	1,5		0	8

<p><b>Nội dung 10: Unit 6A, Unit 6B, Unit 6C</b></p> <p>10.1. Grammar: object pronouns, 10.2. Listening: phone language, the dates, numbers 10.3. Reading: phone language, the dates, numbers 10.4. Speaking: discussing views on: phone language, the dates, numbers 10.5. Writing: describing places</p>	3	1,0	1,0	1	8
<p><b>Nội dung 11: Unit 7A, Unit 7B, Unit 7C</b></p> <p>11.1. Grammar: past simple 11.2. Listening: sentence stress, time expressions 11.3. Reading: a memorable night 11.4. Speaking: discussing a memorable night 11.5. Writing: a memorable night</p>	3	1,5	1,5	0	8
<p><b>Nội dung 12: Unit 9A, Unit 9B, Unit 9C</b></p> <p>12.1. Grammar: nouns, comparatives 12.2. Listening &amp; Reading: nouns, comparatives 12.3. Speaking: comparing landscapes, 12.4. Writing: describing a meal</p>	2	2	2	0	8
<p><b>Nội dung 13: Unit 10A, Unit 10B, Unit 10C</b></p> <p>13.1. Grammar: superlative adjectives 13.2. Listening &amp; Reading: holiday, places 13.3. Speaking: holiday, places</p>	2	2	2	0	8
<p><b>Nội dung 14: Unit 12A, Unit 12B, Unit 12C</b></p> <p>14.1. Grammar: relative clauses, defining and non-defining clauses 14.2. Listening &amp; Reading: films, personal information, episode 14.3. Speaking: fortune-telling, make an interview 14.4. Instruction for final test</p>	2	1,0	1,0	2	8

**5. Phương pháp dạy – học:** Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

## 6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên: 05</b>			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric kiểm tra nói	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: 01</b>			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO4	
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			50%
	Thi trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

### \*Giáo trình bắt buộc:

- 1) Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2012, *English File–Elementary 3<sup>rd</sup> edition*, Oxford University Press.
- 2) Nguyễn Thị Quyết, 2018, *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*, Nhà xuất bản Thanh Hoá.

### \* Tài liệu tham khảo:

- 1) Raymond Murphy (2013), *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành*. NXB Thời đại
- 2) Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 2*, Cambridge University Press

## 6.16. TIẾNG ANH 2/(ENGLISH 2)

- Số tín chỉ: 3 (27 LT,18 TL,18 TH)

- Mã học phần: 133032

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ cuối A2.

### 2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Sắp xếp, phân loại kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, phân biệt nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, áp dụng các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, lựa chọn cách thức giao tiếp trong khi Nói, lựa chọn các kỹ thuật Viết phù hợp, suy luận, tổng hợp và phân tích kỹ thuật Đọc hiểu để làm bài Đọc tiếng Anh trình độ cuối A2 theo khung NLNNVN. Người học áp dụng định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ cuối A2 để thực hành.

- CO2: Vận dụng, lựa chọn, tổng hợp lại kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học áp dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ cuối A2.

- CLO2: có khả năng sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ cuối A2, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ cuối A2.

- CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.

- CLO4: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực trình độ cuối A2; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1: Grammar</b> 1.1. Present perfect vs. past simple tense 1.2. Present perfect continuous	3,0	1,0	1,0		0	7,0

1.3. Present perfect continuous or present perfect simple 1.4. Past perfect 1.5. Past perfect continuous 1.6. Future perfect and future perfect continuous						
<b>Nội dung 2: Grammar</b> 2.1. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to 2.2. Conditional sentences type 1 and 2 2.3. Conditional sentences type 3 2.4. Subjunctive 2.5. Passive	2,0	1,5	1,5		0	7,0
<b>Nội dung 3: Grammar</b> 3.1. Reported speech 3.2. -ing and the infinitive 3.3. Be/get used to <b>something</b> (I'm used to...) 3.4. Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something 3.5. Defining relative clauses 3.6. Non-defining relative clauses	2,0	1,5	1,5		0	7,0
<b>Nội dung 4: Grammar, Unit 1A, 1B, Progress test 1</b> 4.1. Grammar: Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/ though/even though, In spite of / despite, Even, word order in questions, 4.2. Listening: Spelling and numbers 4.3. Speaking: common verb phrases, giving information about a friend 4.4. Reading: "Who know you better- your mother or your best friend?" 4.5. Writing: Describe a person	2,0	1,0	1,0		1	7,0
<b>Nội dung 5: Unit 1C, 2A, 2B</b> 5.1. Grammar: Present continuous, Past simple: regular and irregular verbs, Past continuous	3,0	1,0	1,0		0	7,0



<p>5.2. Listening: Listen to a description of a picture and holidays</p> <p>5.3. Speaking: Describe a picture and a holiday</p> <p>5.4. Reading: Read about holidays and a description of a photo</p> <p>5.5. Writing: Describe a favourite photo</p>						
<p><b>Nội dung 6: Unit 2C, 3A, Midterm test</b></p> <p>6.1. Grammar: time sequences and connectors, be going to (plans and predictions)</p> <p>6.2. Listening: Listen to three travellers' plans and dreams</p> <p>6.3. Speaking: using picture to retell a story</p> <p>6.4. Reading: Read the story of <i>Hannah and Jamie</i> and read about <i>Top airports in the world</i></p>	2,0	1,5	1,5		0	7,0
<p><b>Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C</b></p> <p>7.1. Grammar: present continuous, defining relative clause</p> <p>7.2. Listening: the dates, guessing words</p> <p>7.3. Reading: the dates, the ways to create new words</p> <p>7.4. Speaking: make arrangement, defining words</p> <p>7.5. Writing: write an informal email</p>	2,0	1,0	1,0		1	7,0
<p><b>Nội dung 8: Unit 4A; Unit 4B</b></p> <p>8.1. Grammar: present perfect or past simple</p> <p>8.2. Listening: teenage carers, shopping</p> <p>8.3. Reading: annoying habits of teenagers, the style interview</p> <p>8.4. Speaking: teenagers and their parents, shopping</p> <p>8.5. Writing: teenagers' habits</p>	2,0	1,5	1,5		0	7,0
<p><b>Nội dung 9: Unit 4C; Revise \$ check, Progress test 2</b></p> <p>9.1. Grammar: something, anything, nothing</p>	2,0	1,5	1,5		0	7,0

9.2. Listening: Sven's weekend 9.3. Reading: spending weekend in the UK 9.4. Speaking: making weekend more interesting 9.5. Writing: your weekend						
<b>Nội dung 10: Unit 5A, 5B</b> 10.1. Grammar: comparative adjectives and adverbs, as...as, superlatives (+ ever + present perfect) 10.2. Listening: Listen to a talk about how to live more slowly 10.3. Speaking: Talk about changes in life 10.4. Reading: Read the article <i>We're living faster, but are we living better?</i> and <i>All capital cities are unfriendly – or are they?</i> 10.5. Writing: Write a description of the place	2,0	1,0	1,0		1	7,0
<b>Nội dung 11: Unit 5C, 6A</b> 11.1. Grammar: quantifiers, too, not enough, Will/won't (predictions) 11.2. Listening: Listen to a radio programme 11.3. Speaking: Do the questionnaire about diet and lifestyle 11.4. Reading: Read the article <i>Everything bad is good for you</i> and <i>A pessimist plays a pessimist</i>	2,0	1,5	1,5		0	7,0
<b>Nội dung 12: Unit 6B, 6C</b> 12.1. Grammar: Will/won't (decisions, offers, promises), Reviewing of verb forms: present, past, future 12.2. Listening: Listen to a news programme, listen to a psychoanalyst talking to a patient about his dreams. 12.3. Speaking: Talk about decisions, offers, promises, Roleplay interpreting partners' dreams 12.4. Reading: Read and match dreams with interpretations	3,0	1,0	1,0		0	7,0
<b>Nội dung 13: Revise &amp; Check 5&amp;</b> 13.1. Revise & Check 13.2. Progress test 3	0	1	1		1	7,0

**5. Phương pháp dạy - học:** Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

**6. Phương pháp kiểm tra - đánh giá:**

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên: 05</b>			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO4	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric kiểm tra nói	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: 01</b>			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO4	
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			50%
	Trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:**

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

**8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:**

**\* Giáo trình bắt buộc:**

1) Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File-Preintermediate 3<sup>rd</sup> edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)

2) Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 2)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

**\* Tài liệu tham khảo:**

1) Raymond Murphy (2013), *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại (HLTK1).

2) Cambridge ESOL (2013). *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press. (HLTK2).

3) Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press. (HLTK3).

## 6.17. TIẾNG ANH 3//(ENGLISH 3)

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 18 BT, 18 TH)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ B1.

### 2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Sắp xếp, phân loại kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, phân biệt nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, nhớ và hiểu các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, lựa chọn cách thức giao tiếp trong khi Nói, lựa chọn các kỹ thuật Viết phù hợp, suy luận, tổng hợp và phân tích bài Đọc tiếng Anh trình độ B1 (Bậc 3 theo khung NLNNVN). Người học áp dụng định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1 để thực hành.

- CO2: Lựa chọn, sắp xếp, phân loại và vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học áp dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học lập kế hoạch quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1.

- CLO2: có khả năng sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ B1, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1.

- CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.

- CLO4: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1: Bài 7A &amp; Bài 1.2</b> 1.1. Course Introduction 1.2. Course Orientation 1.3. Unit 7 & Unit 1.2;	2,0	1,5	1,5		0	7,0

<p>1.3.1. Grammar: Infinitive with “to”</p> <p>1.3.2. Listening: First meeting with girlfriend’s parents</p> <p>1.3.3. Reading: How to survive for the first meeting, a story about friendship</p> <p>1.3.4. Speaking: describing people</p> <p>1.3.5. Writing: words and phrases for writing an email.</p>						
<p><b>Nội dung 2: Bài 7B &amp; Bài 1.1</b></p> <p>2.1. Grammar: use of gerund</p> <p>2.2. Listening: an interview on a singing course</p> <p>2.3. Reading: Happiness is...</p> <p>2.4. Speaking: giving opinion</p> <p>2.5. Writing: 10 sentences about likes/dislikes</p>	2,0	1,5	1,5		0	7,0
<p><b>Nội dung 3: Bài 7C &amp; Bài 8.1</b></p> <p>3.1. Grammar: have to, must</p> <p>3.2. Listening: Max talking about his learning foreign language.</p> <p>3.3. Vocabulary: modifiers</p> <p>3.4. Speaking: Talk to a partner about his/her learning English</p> <p>3.5. Writing: A formal email</p>	2,0	1,5	1,5		0	7,0
<p><b>Nội dung 4: Bài 8A &amp; Bài 5.1</b></p> <p>4.1. Grammar: Should</p> <p>4.2. Listening: Listen to a radio program</p> <p>4.3. Reading: Too macho to talk</p> <p>4.4. Speaking: compare with a partner how to give advice</p> <p>4.5. Writing: write a response to one of the problems and giving advice</p>	2,0	1,0	1,0		1	7,0
<p><b>Nội dung 5: Bài 8B &amp; Bài 9.2</b></p> <p>5.1. Topics: Environment</p> <p>5.2. Grammar: If + present, will + infinitive (first conditional)</p> <p>5.3. Listening: 3 things that could go wrong when you are on holiday.</p> <p>5.4. Reading: It always happen</p> <p>5.5. Speaking: confusing verbs</p>	2,0	1,5	1,5		0	7,0

<p><b>Nội dung 6: Bài 9A &amp; Bài 10.1</b></p> <p>6.1. Grammar: If + past, would + infinitive (second conditional)</p> <p>6.2. Listening: Understand a conversation</p> <p>6.3. Reading: Would you know what to do</p> <p>6.4. Speaking: About situation with “would do”</p> <p>6.5. Pronunciation: word stress</p>	2,0	1,5	1,5	0	7,0
<p><b>Nội dung 7: Bài 9C &amp; Bài 7.2</b></p> <p>7.1. Topics: Leisure</p> <p>7.2. Grammar: present perfect or past simple</p> <p>7.3. Listening: famous singers</p> <p>7.4. Vocabulary: biographies</p> <p>7.5. Speaking: Talk about a member of you family</p> <p>7.6. Writing: A biography</p>	2,0	1,0	1,0	1	7,0
<p><b>Nội dung 8: Bài 10B &amp; Bài 3.1</b></p> <p>8.1. Grammar: used to</p> <p>8.2. Listening: reports of famous people</p> <p>8.3. Reading: Could do better</p> <p>8.4. Speaking: You at primary school</p> <p>8.5. Writing: writing a haiku</p>	2,0	1,5	1,5	0	7,0
<p><b>Nội dung 9: Bài 10C &amp; Bài 10.2</b></p> <p>9.1. Topics: Music and festival</p> <p>9.2. Grammar: might</p> <p>9.3. Listening: music and festival</p> <p>9.4. Reading: Is too much choice making us happy?</p> <p>9.5. Speaking: Interview a partner with a questionnaire</p> <p>9.6. Writing: a paragraph about festival</p>	2,0	1,5	1,5	0	7,0
<p><b>Nội dung 10: Bài 11A &amp; Bài 7.1</b></p> <p>10.1. Grammar: expressing movement</p> <p>10.2. Listening: sport commentaries</p> <p>10.3. Reading: Bad losers</p> <p>10.4. Speaking: Your role as a sport player</p> <p>10.5. Writing: An opinion essay</p>	2,0	1,0	1,0	1	7,0

<b>Nội dung 11: Bài 11B &amp; Bài 4.1</b> 11.1. Topics: Morning person 11.2. Grammar: word order or phrasal verbs 11.3. Reading: Early bird! 11.4. Speaking: Your wake-up 11.5. Writing: write a letter	2,0	1,5	1,5	0	7,0
<b>Nội dung 12: Bài 12A &amp; Bài 12.1</b> 12.1. Grammar: past perfect 12.2. Listening: news story 12.3. Reading: News around the world 12.4. Speaking: Practice telling news 12.5. Writing: a story	3,0	1,0	1,0	0	7,0
<b>Nội dung 13: Bài 12B &amp; Bài 12.2</b> 12.1. Grammar: reported speech 12.2. Listening: conversation 12.3. Reading: Here's a secret 12.4. Speaking: Practice telling a gossip 12.5. Writing: a gossip of a famous person	2,0	0	0	1	7,0

**5. Phương pháp dạy – học:** Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

**6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:**

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên: 05</b>			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: 01</b>			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

### \* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2011. *English File–Pre-intermediate 3<sup>rd</sup> edition*. Oxford University Press.

2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

### \* *Tài liệu tham khảo:*

1. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press

2. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press

## V. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

### **Giáo dục thể chất 1/ Physical edycation 1**

- Số tín chỉ: 02 (2, 28)

- Mã học phần: 191004

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: Không

### ***Nội dung học phần:***

Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất.

Nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu

Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân.

### ***Năng lực đạt được:***

- Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác.

- Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa.

- Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn : Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa

### **Tài liệu tham khảo:**

#### ***Học liệu bắt buộc:***

[1]. Nguyễn Đại Dương (2006), *Giáo trình Điền kinh*, NXB TĐTT.



[2]. Ủy ban TDTT (2015), *Luật Điền kinh*, NXB TDTT.

*Học liệu tham khảo:*

[3]. Nguyễn Đại Dương (2000), *Giáo trình Điền kinh*, NXB TDTT.

[4]. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), *Giáo trình Điền kinh*, NXB ĐH Sư phạm.

## **Giáo dục thể chất 2/ Physical edycation**

### **Chọn 1 trong 5 học phần:**

#### **a. Học phần tự chọn môn Bóng chuyên**

- Số tín chỉ: 02 (0, 0, 30)

- Mã học phần: 191031

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

#### ***Nội dung học phần:***

Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyên; các kỹ thuật bóng chuyên; Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyên (Tur thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyển bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyển bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng)

#### ***Năng lực đạt được:***

Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyên (Tur thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyển bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyển bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng, đập bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyên ở các giải phong trào.

#### **Tài liệu tham khảo chính:**

*Tài liệu bắt buộc:*

1. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyên*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

2. Ủy ban TDTT (2003), *Luật bóng chuyên*, NXB TDTT, Hà Nội.

*Tài liệu tham khảo:*

3. Nguyễn Quang (2001), *Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyên* NXB TDTT, Hà Nội.

4. Ủy ban TDTT (1998), *Bóng chuyên bóng rổ*, NXB TDTT Hà Nội.

#### **b. Học phần tự chọn môn Bóng đá**

-Số tín chỉ: 02 (0,0,30)

-Mã học phần: 191033

-Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

-Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

#### ***Nội dung học phần:***

Học phần Bóng đá bao gồm: Lịch sử phát triển, luật bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), nguyên lý, các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá.

Phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá.  
Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.

**Năng lực đạt được:**

- Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu
- Biết thực hiện một số kỹ thuật Bóng đá cơ bản
- Hiểu được một số điểm của luật

**Tài liệu tham khảo chính:**

**Học liệu bắt buộc**

1. PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 207

**Học liệu tham khảo**

2. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 11 người, năm 2014* Nxb TDTT.
3. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 7 người, năm 2001* Nxb TDTT.
4. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 5 người, năm 2011* Nxb TDTT.

**c. Học phân tự chọn môn Bóng rổ.**

- Số tín chỉ: 02 (0,0,30)
- Mã học phần: 191034
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

**Nội dung học phần:**

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tur thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ;

**Năng lực đạt được:**

Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.

**Tài liệu tham khảo**

**Học liệu bắt buộc:**

[1]. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, ĐHSP.

**Học liệu tham khảo:**

[2]. Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, TDTT.

[3]. Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*, NXB TDTT.

[4]. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB ĐHTH Thái Nguyên.

#### **d. Học phần tự chọn môn Thể dục Aerobic**

-Số tín chỉ: 02 (0, 0,30)

-Mã học phần: 191032

-Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

-Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

##### ***Nội dung học phần:***

Học phần tự chọn thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

##### ***Năng lực đạt được:***

-Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu.

-Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khỏe, có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn thể aerobic

#### **2. Mục tiêu học phần**

##### **Tài liệu tham khảo:**

##### ***Học liệu bắt buộc:***

[1]. Đinh Khánh Thu (2014), *Giáo trình Thể dục Aerobic*, NXB TĐTT

##### ***Học liệu tham khảo:***

[2]. Vũ Thanh Mai (2011), *Giáo trình Khiêu vũ thể thao*, NXB TĐTT

[3]. Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, NXB TĐTT

#### **e. Học phần tự chọn môn võ Vovinam.**

-Số tín chỉ: 02 (0,0,30)

-Mã học phần: 191035

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

-Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

##### ***Nội dung học phần:***

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TĐTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

##### ***Năng lực đạt được:***

Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản

về trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).

### **Tài liệu tham khảo**

#### **Học liệu bắt buộc**

[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự “*Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TĐTT, 2008.

#### **Học liệu tham khảo**

[2]. Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

[3]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), Nhu khí công quyền 2 - Vovinam, NXB TĐTT.

## **VI. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG/MILITARY EDUCATION 165 tiết**

### **I. Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam**

- Số đơn vị học trình: 3

- Bộ môn quản lý học phần: Chính trị

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

**Nội dung học phần:** Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

#### **Năng lực đạt được:**

- Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

### **Tài liệu tham khảo chính**

#### **Học liệu chính**

[1]. *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

### ***Tài liệu tham khảo***

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

## **II. Học phần 2: Công tác quốc phòng và an ninh**

- Số đơn vị học trình: 2

- Bộ môn quản lý học phần: Chính trị

- Điều kiện tiên quyết: Không

***Nội dung học phần:*** Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

### ***Năng lực đạt được:***

- Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

### **Tài liệu tham khảo chính**

#### ***Giáo trình chính***

[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.

[2]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục.

### ***Tài liệu tham khảo***

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2017 và 2020), *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*.

[2]. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

### **III. Học phần 3: Quân sự chung**

- Số đơn vị học trình: 02
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết: Không

**Nội dung học phần:** Nội dung học phần quân sự chung: trang bị cho sinh viên nắm chắc được các chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao.

Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác.

#### **Năng lực đạt được:**

- Có khả năng vận dụng các chế độ trong ngày, trong tuần vào trong quá trình học tập cũng như công tác sau này.
- Có khả năng nhận biết về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.
- Thuần thục cách sử dụng bản đồ.
- Thuần thục cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.
- Thuần thục về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp.

#### **Tài liệu tham khảo chính**

##### ***Giáo trình chính***

[1]. BGD&ĐT (2012), *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

##### ***Tài liệu tham khảo***

[1]. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng. *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1* (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

[2]. Bộ quốc phòng (2015), *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân.

[3]. Bộ quốc phòng (2015), *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân.

### **IV. Học phần 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**

- Số đơn vị học trình: 4
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết: Không

**Nội dung học phần:** Nội dung học phần 4, kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ

chức kỹ thuật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra.

#### **Năng lực đạt được:**

-Nhớ được tính năng tác dụng của súng tiểu liên AK, khái niệm về ngắm bắn, biết cách ngắm trúng, ngắm chụm vào mục tiêu cố định.

-Có khả năng vận dụng linh hoạt vào trong quá trình công tác sau này khi có tình huống xảy ra.

-Hiểu về cấu tạo, chuyển động và các tư thế, động tác ném lựu đạn.

-Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu tiến công.

-Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu phòng ngự.

-Hiểu được nhiệm vụ chủ yếu khi làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.

#### **Tài liệu tham khảo chính**

##### ***Giáo trình chính***

[1]. BGD&ĐT (2012), *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

##### ***Tài liệu tham khảo***

[1]. Bộ Tổng Tham Mưu - Cục Quân huấn (2012), *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam

## **B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGÀNH**

### **I. KIẾN THỨC CƠ SỞ**

#### **6.18. ĐỊA CHẤT MÔI TRƯỜNG/ ENVIRONMENTAL GEOLOGY**

- Số tín chỉ: 03 (27, 18, 18)

- Mã học phần: 125039

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

##### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Các khái niệm về địa chất môi trường và các phương pháp nghiên cứu; đặc điểm của môi trường địa chất; động lực phát triển của môi trường địa chất gồm động lực tự nhiên và động lực nhân sinh; nghiên cứu tai biến môi trường, địa chất y học; nghiên cứu đánh giá môi trường địa chất từ đó đề xuất các biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, ngăn ngừa nguy cơ các tai biến xảy ra đối với con người.

##### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Trình bày được khái niệm, các phương pháp nghiên cứu, đặc điểm của môi trường địa chất (Trái đất, đặc điểm và nguồn gốc thành tạo các vật liệu cấu tạo trái đất, động lực phát triển của môi trường địa chất, tai biến môi trường, các vấn đề của môi trường địa chất đối với sức khỏe con người,...);

- CO2: Phân tích và đánh giá các hoạt động tác động của tự nhiên và con người đến môi trường địa chất, thành lập bản đồ đánh giá tác động môi trường, xây dựng các luận cứ khoa học cho quy hoạch môi trường địa chất, kiểm soát và quản lý môi trường địa chất.

- CO3: Phân tích, tổng hợp những tác động của các quá trình địa chất tự nhiên và nhân sinh lên môi trường tự nhiên và môi trường kinh tế - xã hội. Xây dựng được kế hoạch, quy trình đánh giá môi trường địa chất; thành lập bản đồ đánh giá môi trường địa chất ở một lãnh thổ cụ thể.

- CO4: Có ý thức tự học, tự nghiên cứu; trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Hiểu và trình bày được khái niệm, các phương pháp nghiên cứu, đặc điểm của môi trường địa chất (Trái đất, đặc điểm và nguồn gốc thành tạo các vật liệu cấu tạo trái đất, động lực phát triển của môi trường địa chất, tai biến môi trường, các vấn đề của môi trường địa chất đối với sức khỏe con người,...);

- CLO2: Phân tích và đánh giá các hoạt động tác động của tự nhiên và con người đến môi trường địa chất, thành lập bản đồ đánh giá tác động môi trường, xây dựng các luận cứ khoa học cho quy hoạch môi trường địa chất, kiểm soát và quản lý môi trường địa chất.

- CLO3: Kỹ năng quan sát, nhận xét hình ảnh, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ,... Phân tích, tổng hợp những tác động của các quá trình địa chất tự nhiên và nhân sinh lên môi trường tự nhiên và môi trường kinh tế - xã hội.

- CLO4: Xây dựng được kế hoạch, quy trình đánh giá môi trường địa chất; bước đầu thành lập bản đồ đánh giá môi trường địa chất ở một lãnh thổ cụ thể.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến môi trường địa chất.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p><b>Chương 1: Những đặc điểm của môi trường địa chất</b></p> <p><b>1. Khái niệm về môi trường địa chất</b></p> <p>1.1. Môi trường địa chất là hợp phần quan trọng nhất của môi trường tự nhiên</p> <p>1.2. Khái niệm môi trường địa chất</p> <p>1.3. Khoa học địa chất môi trường</p> <p>1.4. Vai trò của địa chất học và địa chất môi trường đối với các ngành kinh tế quốc dân và đời sống con người</p> <p><b>2. Đặc điểm của môi trường địa chất</b></p> <p>2.1. Trái đất và môi trường địa chất</p> <p>2.2. Cấu trúc của môi trường địa chất</p>	3	1			20	



<b>Chương 2: Động lực môi trường địa chất</b> 1. Địa động lực nội sinh và các biểu hiện cơ bản của chuyển động kiến tạo hiện đại 2. Động lực ngoại sinh 3. Động lực nhân sinh	4	4		3		25
<b>Chương 3: Tai biến địa chất</b> 1. Khái niệm chung về tai biến địa chất và sự cố môi trường 2. Tai biến địa chất 2.1. Hoạt động núi lửa 2.2. Động đất 2.3. Hiện tượng trượt lở 2.4. Hiện tượng sụt lún, nứt đất, xói mòn đất 2.5. Tác động của dòng chảy và sóng 2.7. Tai biến liana quan đến khai thác khoáng sản 2.8. Ô nhiễm nguồn nước	10	5		5		35
<b>Chương 4: Địa chất y học</b> 1. Ảnh hưởng của một số yếu tố và hợp chất tự nhiên trong môi trường địa chất lên sức khỏe con người 1.1. Ảnh hưởng của các yếu tố vết 1.2. Ảnh hưởng của các hoàn cảnh địa chất đặc biệt 1.3. Ảnh hưởng của các trường địa vật lý 2. Ô nhiễm môi trường địa chất và sức khỏe 2.1. Chất gây ô nhiễm 2.2. Nguồn gây ô nhiễm 2.3. Quá trình ô nhiễm môi trường địa chất 2.4. Kiểm soát các nguồn ô nhiễm 2.5. Khôi phục các bồn nước ngầm và thủy vực đã bị ô nhiễm 2.6. Kiểm soát chất thải phóng xạ	5	4		5		25
<b>Chương 5: Đánh giá môi trường địa chất</b> 1. Vài nét tổng quan về đánh giá môi trường địa chất 2. Đánh giá tương tác giữa môi trường địa chất và hành động phát triển 3. Các kiểu sử dụng môi trường địa chất 4. Thành lập các bản đồ đánh giá môi trường địa chất	5	2		5		20
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>		<b>18</b>		<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2, 3,4,5	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 3,4,5	
6	Bài tập	Rubic bài tập	CLO1, 2, 3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Bài tập, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3,4,5	20%
<b>III. Thi cuối kì</b>				
1	Tự luận (Bài tập)	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1, 2, 3,4,5	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

[1]. Nguyễn Đình Hòa (2001), *Địa chất môi trường*, Nxb ĐHQGHN.

### 8.2. Học liệu tham khảo:

[1]. Mai Trọng Nhuận, (2006), *Địa chất môi trường*, NXB ĐHQGHN.

[2]. Nguyễn Đình Hòa, (1996), *Tai biến môi trường khu vực ven biển Việt Nam*, Tổng luận phân tích, Bộ KH&CN, Hà Nội.

## **6.19. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN ĐẠI CƯƠNG/GENERAL PHYSICAL GEOGRAPHY**

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18)
- Mã học phần: 125238
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lý
- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần:**

Học phần Địa lý tự nhiên đại cương bao gồm những nội dung cơ bản sau: Vũ trụ và các thiên thể trong vũ trụ; Hệ Mặt trời và các giả thuyết về hệ Mặt trời; Trái đất và một số đặc điểm của Trái đất; Khái niệm và nguồn gốc thạch quyển; Khái niệm chung về địa hình bề mặt Trái đất; Hoạt động địa mạo do dòng nước trên mặt và địa hình do chúng tạo thành; Hoạt động địa mạo của nước dưới đất; Hoạt động địa mạo của gió; Địa mạo các miền núi lửa; Địa hình miền núi; Địa hình đồng bằng và cao nguyên; Các quá trình địa mạo và địa hình bờ biển; Địa hình đáy đại dương; Bức xạ Mặt trời và cân cân bức xạ; Nhiệt độ và nước trong khí quyển; Khí áp và gió; Khí hậu; Thủy quyển, thổ nhưỡng quyển, sinh quyển và Các quy luật địa lý chung trên Trái đất.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học hiểu được những vấn đề chung về Vũ trụ và các thiên thể trong vũ trụ; Trái đất và một số đặc điểm của Trái đất; Thạch quyển; Khí hậu; Thủy quyển, thổ nhưỡng quyển, sinh quyển và Các quy luật địa lý chung trên Trái đất

- CO2: Người học vận dụng được những kiến thức về các quyển của Trái đất và đặc trưng của các quyển này để đưa ra những nhận định, dự báo về tự nhiên như thời tiết, thiên tai, cách quan trắc, dự báo thời tiết; các giải pháp phòng chống thiên tai do thời tiết, khí hậu đem lại...v.v.

- CO3: Người học biết vận dụng các phương pháp nghiên cứu thổ nhưỡng, sinh vật, địa chất, khí hậu, khí tượng, các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống như sử dụng các dụng cụ đo lường, quan trắc khí tượng, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật.

- CO4: Người học nhận biết được các loại, kiểu địa hình, có khả năng quan sát khí tượng (mây, gió, nhiệt độ), đưa ra các dự báo về thời tiết; có khả năng đưa ra những giải pháp, đề xuất trong quản lý và khai thác hiệu quả tài nguyên khí hậu, phòng chống các loại thiên tai do biến đổi khí hậu mang lại; giải thích được các vấn đề thường ngày như hiện tượng thủy triều, tuần trăng, nhật thực, nguyệt thực, ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa, hiện tượng phơn, sự phân mùa của khí hậu...v.v.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được những vấn đề chung về Vũ trụ và các thiên thể trong vũ trụ; Trái đất và một số đặc điểm của Trái đất; Thạch quyển; Khí hậu; Thủy quyển, thổ nhưỡng quyển, sinh quyển và Các quy luật địa lý chung trên Trái đất.

- CLO2: Vẽ được các hình minh họa cho các vấn đề về Hệ Mặt trời, sự chuyển

động biểu kiến của trái đất quanh Mặt trời và hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa ở các vĩ độ; sự thay đổi góc nhập xạ của Mặt trời, các tầng khí quyển, các loại fron....v.v

- CLO3: Tính toán được giờ tại các địa phương khác nhau, biết đổi ngày theo quy ước quốc tế để phục vụ cho cuộc sống thường ngày và giao dịch quốc tế đơn giản. Tính toán được góc nhập xạ trên bề mặt Trái Đất vào các ngày phân (Xuân phân, Thu phân), ngày chí (Hạ chí, Đông chí) và các ngày khác trong năm.

- CLO4: Giải thích được các vấn đề thường ngày như hiện tượng thủy triều, tuần trăng, nhật thực, nguyệt thực, ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa, hiện tượng phơn, sự phân mùa của khí hậu, sự phân hóa của thổ nhưỡng và sinh quyển...

- CLO5: Nhận biết được các loại, kiểu địa hình và các đặc trưng cơ bản của chúng trên bề mặt đất gắn với nguồn gốc hình thành; các hình thái thời tiết và khí hậu, các loại gió mùa, front, các loại đất chính trên Trái đất, các kiểu cảnh quan điển hình...v.v.

- CLO6: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến phương pháp dạy học Địa lí.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1- Trái Đất</b> 1. Trái Đất trong vũ trụ 2. Hình dạng và kích thước của Trái Đất 3. Các chuyển động của Trái Đất 4. Nguồn gốc và cấu tạo của Trái Đất 5. Lớp vỏ Địa lí của Trái Đất	3	2		4		15
<b>Chương 2- Khí quyển</b> 1. Khái niệm về khí quyển 2. Thành phần và cấu tạo khí quyển 3. Thời tiết và khí hậu 4. Các nhân tố hình thành khí hậu 5. Các đới khí hậu, kiểu khí hậu trên Trái Đất	3	2		4		15
<b>Chương 3- Thủy quyển</b> 1. Khái niệm về thủy quyển 2. Thành phần và sự phân bố của thủy quyển 3. Sự tuần hoàn của nước trên Trái Đất 4. Nước trên bề mặt lục địa	3	2		2		15

5. Nước dưới đất và nước ngầm 6. Biển và đại dương						
<b>Chương 4- Thạch quyển</b> 1. Khái niệm về thạch quyển 1.1. Thạch quyển đồng nghĩa với khái niệm vỏ Trái Đất 1.2. Thạch quyển là phần cứng ngoài cùng của vỏ Trái Đất. 1.3. Nguồn gốc của thạch quyển. 2. Khái niệm về địa hình 3. Các dạng địa hình cơ bản	3	2		2		15
<b>Chương 5- Thổ nhưỡng quyển</b> 1. Khái niệm về thổ nhưỡng quyển 2. Thành phần và tính chất của thổ nhưỡng 3. Các nhân tố hình thành đất và quá trình phong hóa 4. Các kiểu đất chính trên thế giới	3	2		2		15
<b>Chương 6- Sinh quyển</b> 1. Khái niệm về sinh quyển 2. Tác động của nhân tố sinh thái lên sinh vật và sự thích nghi của chúng 2.1. Tác động của các nhân tố vô sinh. 2.2. Tác động của các nhân tố hữu sinh 3. Sự phân bố của sinh vật trên thế giới	3	2		2		15
<b>Chương 7- Các quy luật địa lý chung của Trái Đất</b> 1. Quy luật về tính thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ cảnh quan 2. Quy luật về sự tuần hoàn vật chất và năng lượng của vỏ cảnh quan 3. Quy luật về tính nhịp điệu của vỏ cảnh quan 4. Quy luật địa đới 5. Quy luật phi địa đới	3	2				15
<b>Chương 8- Các đới cảnh quan trên Trái Đất</b> 1. Các đới cảnh quan trên lục địa 1.1. Các đới cảnh quan của vòng đai lạnh 1.2. Các đới cảnh quan của vòng đai ôn hòa 1.3. Các đới cảnh quan của vòng đai cận nhiệt	3	2				15

1.4. Các đối cảnh quan của vòng đai nóng					
2. Các đối cảnh quan trên đại dương thế giới					
<b>Chương 9- Môi trường địa lí</b>					
1. Khái niệm về môi trường địa lí					
2. Vai trò của môi trường địa lí					
2.1. Trường phái chủ định luận					
2.2. Trường phái quyết định luận	3	2		2	15
2.3. Trường phái Luận thuyết khả năng					
2.4. Quan niệm Mác xít					
3. Tác động của xã hội loài người đến môi trường địa lí					
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>18</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2, 3, 4	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3,4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4, 5, 6	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 3, 4	
5	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3,4	20%
<b>III. Thi cuối kì</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3,5, 6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1, 2, 3, 4, 6	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,... (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp

đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình bắt buộc**

[1]. Nguyễn Trọng Hiếu (chủ biên). *Địa lý tự nhiên đại cương 1*, NXB ĐHSP Hà Nội, 2011.

[2]. Hoàng Ngọc Oanh (chủ biên). *Địa lý tự nhiên đại cương 2*, NXB ĐHSP Hà Nội, 2013.

[3]. *Địa lý tự nhiên đại cương 3*. Nguyễn Kim Chương (Chủ biên), NXB ĐHSP Hà Nội 2013.

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

[1]. Tìm hiểu Trái Đất. Nguyễn Hữu Danh. Nhà xuất bản Giáo dục, 2000

[2]. Địa hình bề mặt Trái Đất. Đỗ Hưng Thành. Nhà xuất bản Giáo dục, 2000

[3]. Trần Công Minh (2009). Khí tượng SYNÔP. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

## **6.20. Chọn 1 trong 3 học phần:**

### **20a. KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN/ ECONOMY AND DEVELOPMENT**

- Số tín chỉ: 02 (18; 18; 6)

- Mã học phần: 125085

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần**

Môn học cung cấp kiến thức về: Hệ thống chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế, phát triển bền vững của các quốc gia. Hệ thống kiến thức về các yếu tố đầu vào trong phát triển kinh tế của một quốc gia; Nội dung của các lý thuyết và mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu trên thế giới, tìm hiểu về mô hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Các vấn đề nảy sinh trong quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế như: công bằng xã hội, nghèo đói, bất bình đẳng, .... Vai trò, đặc điểm và định hướng hướng phát triển của các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ,... trong nền kinh tế các nước đang phát triển. Những chiến lược, chính sách đổi mới nền KTXH và thành tựu phát triển KTXH của Việt Nam.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học nắm vững kiến thức về bối cảnh ra đời của các nước đang phát triển, đặc điểm phân chia trình độ trên thế giới; hệ thống kiến thức về tăng trưởng kinh

tế, phát triển kinh tế, phát triển bền vững; các vấn đề tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam

- CO2: Người học có kiến thức về vai trò, tầm quan trọng, cách khai thác, sử dụng hiệu quả các yếu tố đầu vào trong tăng trưởng và phát triển kinh tế (tài nguyên, lao động, vốn, khoa học kỹ thuật).

- CO3: Vai trò, đặc điểm, đóng góp của các ngành, các lĩnh vực kinh tế trong quá trình phát triển KTXH của các quốc gia. Các vấn đề kinh tế xã hội nổi bật, phát sinh trong quá trình tăng trưởng và phát triển: vấn đề nghèo đói, bất bình đẳng,...

- CO4: Có kỹ năng tính toán các chỉ số KTXH, vẽ biểu đồ, sơ đồ các mô hình phát triển kinh tế; biết vận dụng kiến thức đã học vào luận giải, đánh giá, viết báo cáo, trình bày về các vấn đề kinh tế xã hội;

- CO5: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy tổng hợp; tư duy phản biện, có ý thức tích cực, chủ động làm việc, tự tin; hình thành kỉ luật, nghiêm túc; chăm chỉ, cần cù

- CO6: Có cái nhìn biện chứng giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế, mối quan hệ giữa con người với các đối tượng sản xuất, giữa nhu cầu tăng trưởng kinh tế cao với khai thác bảo vệ tài nguyên, môi trường; với bình đẳng và ổn định chính trị xã hội. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cá nhân đối với vấn đề phát triển kinh tế xã hội của đất nước; mỗi cá nhân cần nỗ lực làm việc, cống hiến

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Sinh viên hiểu, trình bày và phân tích được: các khái niệm về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển bền vững; các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng kinh tế, trình độ phát triển kinh tế, phát triển bền vững của các quốc gia; hiểu nội dung các mô hình tăng trưởng kinh tế tiêu biểu; các vấn đề xã hội: nghèo đói, bất bình đẳng, phúc lợi xã hội,...

- CLO2: Sinh viên phân tích, đánh giá được vai trò, đặc điểm của các nguồn lực phục vụ phát triển KTXH của quốc gia; vai trò, đặc điểm của ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) trong quá trình tăng trưởng và phát triển KT. Các chính sách mà chính phủ các nước sử dụng để phát triển kinh tế xã hội.

- CLO3: Hiểu, phân tích được những chính sách phát triển kinh tế quan trọng của Việt Nam; những thành tựu và hạn chế trong công cuộc đổi mới nền kinh tế của Việt Nam.

- CLO4: Vận dụng, tính toán được một số chỉ tiêu KTXH; vẽ biểu đồ, mô hình hóa bằng sơ đồ,... Kỹ năng trình bày vấn đề, viết báo cáo, thuyết trình, phản biện các vấn đề KTXH.

- CLO5: Sinh viên có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng thực tế. Bình tĩnh, tự tin, khả năng tư duy độc lập; ý thức chủ động học tập, kỉ luật, nghiêm túc; chăm chỉ, cầu thị.

- CLO6: Có năng lực tiếp nhận những vấn đề mới trong phát triển kinh tế xã hội; hình thành ý thức trách nhiệm đối với quá trình phát triển kinh tế của địa phương, đất nước.



#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	Tự học
Chương 1: Mở đầu	1	1				7
Chương 2: Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế	2	4		2		8
Chương 3: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	1	1		2		7
Chương 4: Nghèo đói và bất bình đẳng với phát triển kinh tế	1	1		2		7
Chương 5: Lao động với phát triển kinh tế	1	1		0		7
Chương 6: Tài nguyên thiên nhiên với phát triển kinh tế	1	1				7
Chương 7: Vốn với phát triển kinh tế	2	2		2		8
Chương 8: Khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế	1	1		0		7
Chương 9: Nông nghiệp và nông thôn trong phát triển kinh tế	2	1		2		8
Chương 10: Công nghiệp và công nghiệp hóa với phát triển kinh tế	2	2				8
Chương 11: Ngoại thương với phát triển kinh tế	2	2		2		8
Chương 12: Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam	2	1				8
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>		<b>6</b>		<b>90</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp phát vấn, phương pháp thảo luận nhóm, seminar, và sử dụng các phương tiện dạy học trong Địa lí (Atlas, bản đồ, Googlemap,...) và các thiết bị dạy học hiện đại (máy tính, máy chiếu)

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Vấn đáp	Rubric Vấn đáp	CLO1, CLO5, CLO7	

2	Viết	Rubric viết	CLO1,CLO2,CLO3, CLO5, CLO6	30%
3	Thuyết trình/thảo luận	Rubric Thuyết trình Rubric Thảo luận	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,	
4	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
<b>II Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Trắc nghiệm/viết	Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO7	20%
<b>III Thi cuối kì</b>				
1	Trắc nghiệm/viết	Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO4, CLO5, CLO6	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành... (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), Giáo trình kinh tế phát triển, NXB Lao động xã hội, Hà Nội

#### 8.2. Tài liệu tham khảo

[1] Ngô Thăng Lợi (chủ biên), Giáo trình kinh tế phát triển (2010). NXB ĐH Kinh tế quốc dân

[2] Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (đồng chủ biên) (2008), Giáo trình Kinh tế phát triển (*dùng cho sinh viên ngoài chuyên ngành*), NXB đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

[3] Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2005). *Địa lí kinh tế - xã hội đại cương*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

## **20b. KHOA HỌC QUẢN LÝ / MANAGEMENT SCIENCE**

- Số tín chỉ: 2 (18; 18; 6)
- Mã học phần: 182020
- Bộ môn quản lý học phần: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần gồm các nội dung: Hệ thống những lý luận cơ bản về quản lý và khoa học quản lý. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung làm rõ nhập môn khoa học quản lý, vai trò, chức năng quản lý, việc vận dụng quy luật trong quản lý; Lịch sử các tư tưởng quản lý; Các khái niệm, phạm trù, phương pháp, nguyên tắc khoa học quản lý. Kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin quản lý, quyết định quản lý, Tổ chức khoa học lao động và cán bộ quản lý.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Khái quát hóa được những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý; trình bày được các khái niệm, phạm trù, phương pháp, nguyên tắc quản lý một cách khoa học; xác định được cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin quản lý, quyết định quản lý, tổ chức khoa học lao động quản lý và người cán bộ quản lý.

- CO2: Vận dụng những quy luật và nguyên tắc, phương pháp quản lý vào hoạt động thực tiễn, vào hoạt động quản trị nhân sự ở các ngành, các cấp, các tổ chức cơ sở. Sau khi ra trường, sinh viên biết ra các quyết định quản lý và tổ chức thực hiện các quyết định một cách hiệu quả, có khả năng xử lý những tình huống xảy ra trong công tác nhân sự, quản lý.

- CO3: Có ý thức nghiên cứu, làm việc nhóm và làm việc độc lập.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, những hiểu biết cơ bản về khoa học quản lý. Nắm được vai trò, chức năng quản lý, việc vận dụng quy luật trong quản lý, lịch sử các tư tưởng quản lý, các khái niệm, phạm trù, phương pháp, nguyên tắc quản lý một cách khoa học, kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin quản lý, quyết định quản lý, tổ chức khoa học lao động quản lý và người cán bộ quản lý.

- CLO2: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức mới về công nghệ và kỹ thuật quản lý.

- CLO3: Vận dụng những quy luật và nguyên tắc, phương pháp quản lý vào hoạt động thực tiễn, vào hoạt động quản trị nhân sự ở các ngành, các cấp, các tổ chức cơ sở. Ra các quyết định quản lý và tổ chức thực hiện các quyết định một cách hiệu quả, xử lý những tình huống xảy ra trong quản trị nhân sự.

- CLO4: Tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong công việc; Có tư duy phản biện, độc lập và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề; có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả và chuyên nghiệp.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Nội dung	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đối tượng và phương pháp môn khoa học quản lý	2					6
Chương 2: Khái lược về lịch sử tư tưởng quản lý	2	2				9
Chương 3: Chức năng của quản lý	2	2				9
Chương 4: Vận dụng quy luật trong quản lý và các nguyên tắc quản lý	1	1		1		6
Chương 5: Mục tiêu và động lực trong quản lý	1	2				6
Chương 6 : Các phương pháp quản lý	2	1		1		9
Chương 7. Các công cụ quản lý	1	1		1		6
Chương 8. Cơ cấu tổ chức quản lý	1	2				6
Chương 9. Thông tin trong quản lý	1	2				6
Chương 10. Quyết định quản lý	1	1		1		7.5
Chương 11. Lao động quản lý	2	1		1		9
Chương 12. Cán bộ quản lý	2	2		1		10.5
Tổng	18	18		06		90

#### 5. Phương pháp dạy - học

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 4	10%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3	10%
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3	10%
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Viết	Rubric đánh giá giữa kỳ	CLO1,2,3,	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ (01)</b>			
	Viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50%

#### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên;

- Tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có 3 con điểm thường xuyên

- Điểm giữa kì: Có 1 con điểm

- Điểm thi kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc (01)**

1. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Quản lý kinh tế. (Hồ Văn Vĩnh chủ biên) (2006), *Giáo trình khoa học quản lý*, NXB Lý luận chính trị.

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

2. Harold Koontz (2004), *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*. NXB Khoa học và kỹ thuật.

3. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2018), *Quản lý học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

## **20c. ĐỊA LÍ NHÂN VĂN/ HUMAN GEOGRAPHY**

- Số tín chỉ: 02 (18;18;6)

- Mã học phần: 125190

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần địa lí nhân văn đề cập tới những kiến thức cơ bản về về khái niệm, đối tượng, phương pháp, lịch sử nghiên cứu địa lí nhân văn trên thế giới; vấn đề dân tộc- dân cư và định cư; điều kiện địa lí và sinh thái lãnh thổ với phân bố dân tộc và chủng tộc; dân cư và không gian phân bố; địa lí văn hóa và địa lí ngôn ngữ; các tôn giáo lớn và những vấn đề tôn giáo trong thời đại hiện nay; địa lí kinh tế- chính trị và những xu hướng thay đổi toàn cầu hóa; đô thị hóa, đô thị nông thôn và địa lí học; chiến lược phát triển bền vững.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp, lịch sử nghiên cứu địa lí nhân văn trên thế giới; vấn đề dân tộc- dân cư và định cư; điều kiện địa lí và sinh thái lãnh thổ với phân bố dân tộc và chủng tộc; dân cư và không gian phân bố; vấn đề định cư và di cư (nguyên nhân di cư, thuộc tính cơ bản của cộng đồng và cá nhân di cư, không gian nhập cư và sinh thái tộc người, thăm dò không gian di cư và quy hoạch tái định cư, tái định cư và sự phát triển cộng đồng);

văn hóa dân gian và văn hóa cộng đồng; ngôn ngữ và địa lí; địa lí tôn giáo và những vấn đề tôn giáo trong thời đại ngày nay; đô thị hóa; chiến lược phát triển bền vững.

- CO2: Người học thành thạo các kỹ năng phân tích số liệu thống kê; vẽ biểu đồ và biên tập bản đồ chuyên đề địa lí nhân văn; viết các báo cáo nhỏ. Có khả năng phân tích, đánh giá và tích hợp vấn đề địa lí nhân văn trên thế giới và Việt Nam trong quá trình dạy môn nghiên cứu chuyên ngành Địa lí- môi trường theo định hướng phát triển năng lực người học. Hình thành ở người học kỹ năng vận dụng các kiến thức đại cương để viết các báo cáo nhỏ về tình hình dân cư, tài nguyên thiên nhiên, tình hình KT- XH, sự phân hóa các vùng kinh tế, tác động của các hoạt động KT- XH đến tài nguyên, môi trường địa phương.

- CO3: Người học có ý thức tôn trọng các quy luật, quan điểm duy vật biện chứng về những vấn đề cơ bản của địa lí nhân văn và những vấn đề cơ bản của địa lí nhân văn trên thế giới, vận dụng những kiến thức để giải quyết những vấn đề địa lí nhân văn ở Việt Nam. Giúp SV hình thành ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức về địa lí nhân văn như: dân cư, tôn giáo, dân tộc, chủng tộc, ngôn ngữ... đã học vào cuộc sống thông qua các hoạt động tích cực mỗi ngày.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được những kiến thức về khái niệm, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý kinh - xã hội. Nhận diện được những yếu tố cơ bản trong các khái niệm: “địa lí nhân văn”, “di cư”, “địa lí tôn giáo”, “dân tộc, chủng tộc”, “đô thị hóa”, “chiến lược phát triển bền vững”, “văn hóa dân gian và văn hóa cộng đồng” ....

- CLO2: Phân tích đánh giá, phân loại TNTN và đánh giá vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trên thế giới; vấn đề môi trường và phát triển bền vững; liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống. Từ đó giải thích và dự báo được xu hướng phát triển trong tương lai và vai trò của con người trong việc phát triển KT- XH bền vững. Phân tích, đánh giá được các khía cạnh xã hội của đời sống con người như: tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa, dân tộc, các hình thức quần cư, chỉ số phát triển con người HDI. Đánh giá tác động của các vấn đề địa lí nhân văn thông qua hệ thống các chỉ tiêu, liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống.

- CLO3: Thành thạo các kỹ năng phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê; kỹ năng đọc bản đồ dân cư, tài nguyên, môi trường...; kỹ năng biên tập các bản đồ chuyên đề địa lý dân cư, phân bố và sử dụng tài nguyên, môi trường thế giới; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian. Hoàn thiện kỹ năng vận dụng kiến thức đại cương để viết các báo cáo nhỏ về tình hình dân cư, các loại hình quần cư; tài nguyên thiên nhiên và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; các vấn đề về tôn giáo, văn hóa, chủng tộc, dân tộc, ngôn ngữ... trên thế giới, ở Việt Nam và ở địa phương.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KT- XH của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Có ý

thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học về địa lí nhân văn vào thực tiễn cuộc sống và công việc hàng ngày.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí nhân văn.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. Những khái niệm cơ bản về địa lí nhân văn</b> 1.1 Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của Địa lí nhân văn 1.2 Mối quan hệ giữa địa lí nhân văn với các khoa học khác 1.3 Phương pháp nghiên cứu ĐL nhân văn	2	2				10
<b>Chương 2. Địa lí dân cư</b> 2.1 Dân tộc và chủng tộc 2.2 Dân cư và không gian phân bố 2.3 Di cư trên thế giới 2.4 Những nỗ lực nhân đạo của thế giới	3	3		2		10
<b>Chương 3. Địa lí văn hóa và địa lí ngôn ngữ</b> 3.1 Khái niệm cơ bản về văn hóa dân gian và văn hóa công cộng 3.2 Khái niệm về ngôn ngữ và phân bố ngôn ngữ trên thế giới 3.3 Những vấn đề văn hóa ngôn ngữ trên thế giới hiện nay	3	3				15
<b>Chương 4. Địa lí tôn giáo</b> 4.1 Khái niệm về tôn giáo 4.2 Đặc điểm và sự phân bố các tôn giáo chính trên thế giới 4.3 Những vấn đề tôn giáo trong thời đại ngày nay	3	3				12
<b>Chương 5. Địa lí kinh tế- chính trị</b> 5.1 Khái niệm về địa kinh tế- chính trị 5.2 Bản đồ sự thay đổi địa kinh tế- chính trị	2	2				13

5.3 Những xu hướng toàn cầu hóa và tác động của nó					
<b>Chương 6. Quần cư; đô thị hóa; đô thị nông thôn và Địa lí học</b>					
6.1. Quần cư	3	3		2	15
6.2 Đô thị hóa và quá trình đô thị hóa hiện nay trên thế giới					
6.3 Đô thị nông thôn					
<b>Chương 7. Chiến lược phát triển bền vững</b>					
7.1 Môi trường nhân văn và sự phát triển của con người	2	2		2	15
7.2 Những vấn đề phát triển hiện nay trên thế giới					
7.3 Chiến lược phát triển bền vững					
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>		<b>6</b>	<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận,



thực hành... (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình bắt buộc:**

[1]. Lê Thông (chủ biên), (1996), *Địa lý nhân văn*; NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu tham khảo:**

[1]. Lê Văn Trường (2005), *Địa lý kinh tế - xã hội đại cương*, NXB Chính trị quốc gia

[2]. Viện Địa lý nhân văn- Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn*;

[3]. Nguyễn Ngọc Tuấn (2003), *Từ điển thuật ngữ Địa lý nhân văn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

## **6.21. Chọn 1 trong 2 học phần:**

### **21a. ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẠI CƯƠNG/GENERAL SOCIOECONOMIC GEOGRAPHY**

- Số tín chỉ: 03 (27;18;18)

- Mã học phần: 125232

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lý

- Điều kiện tiên quyết: Địa lý tự nhiên đại cương

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần Địa lý kinh tế- xã hội đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về:

phương pháp luận và phương pháp của ĐLKTXH, các khái niệm cơ bản, quy luật Địa lý và bức tranh chung trong sự sử dụng tài nguyên thiên nhiên, môi trường bởi xã hội loài người; những khía cạnh của dân số học và Địa lý dân cư; những khía cạnh của Địa lý xã hội (Địa lý ngôn ngữ, Địa lý tôn giáo..); những kiến thức cơ bản về các nguồn lực để phát triển kinh tế- xã hội, cơ cấu và hệ thống không gian của nền kinh tế; tìm hiểu địa lý các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ .

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị những kiến thức về khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu địa lý KT- XH; biết cách phân loại và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; đánh giá được các khía cạnh xã hội của con người như: vấn đề tôn

giáo, ngôn ngữ, văn hóa, dân tộc, chỉ số phát triển con người HDI... Người học cũng được trang bị những kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển KT- XH; cơ cấu và hệ thống không gian của nền kinh tế; địa lí các ngành kinh tế và các vùng kinh tế. Trên cơ sở đó, SV có thể đánh giá tác động của các vấn đề địa lí KT- XH hiện nay thông qua hệ thống các chỉ tiêu (GDP/người, hệ số mở của nền kinh tế, chỉ số HDI...), liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống.

- CO2: Người học có kỹ năng thu thập số liệu, xử lí bảng số liệu thống kê, phân tích biểu đồ, đọc bản đồ dân cư, tài nguyên, môi trường...;hoàn thiện kỹ năng phân tích, so sánh và đưa ra kết luận; hoàn thiện kỹ năng biên tập các bản đồ chuyên đề địa lí KT- XH; bổ sung thêm cho người học tư duy lãnh thổ; định hướng không gian; Kỹ năng vận dụng các kiến thức đại cương để viết các báo cáo nhỏ về tình hình dân cư, tài nguyên thiên nhiên, tình hình KT- XH, sự phân hóa các vùng kinh tế, tác động của các hoạt động KT- XH đến tài nguyên, môi trường địa phương.

- CO3: Người học có ý thức tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KT- XH của đất nước; ý thức được tầm quan trọng của các loại tài nguyên thiên nhiên; vấn đề môi trường và phát triển bền vững; vấn đề dân cư- dân tộc- chủng tộc, vấn đề phát triển con người... từ đó có những thái độ tích cực trong việc nhìn nhận, đánh giá, giảm thiểu tác động của các hoạt động KT- XH đến tài nguyên, môi trường trên thế giới và ở địa phương thông qua các hoạt động tích cực mỗi ngày.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được những kiến thức về khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lí KT- XH. Biết cách phân loại và đánh giá vấn đề sử dụng hợp lý TNTN trên thế giới; vấn đề môi trường và phát triển bền vững. Phân tích đánh giá các khía cạnh xã hội của đời sống con người như: tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa, dân tộc, các hình thức quần cư, chỉ số phát triển con người HDI. Từ đó giải thích và dự báo được xu hướng phát triển trong tương lai và vai trò của con người trong việc phát triển KT- XH bền vững.

- CLO2: Phân tích, đánh giá được các nguồn lực phát triển KT- XH; cơ cấu và hệ thống không gian của nền kinh tế; biết cách vận dụng để phân tích các nguồn lực phát triển, cơ cấu kinh tế và hệ thống không gian KT- XH ở địa phương; đánh giá đặc điểm các ngành kinh tế trên thế giới bao gồm nguồn lực, thực trạng phát triển và phân bố, định hướng phát triển...; đặc điểm các vùng kinh tế trên thế giới. Đánh giá tác động của các vấn đề địa lí KT- XH thông qua hệ thống các chỉ tiêu (GDP/người, hệ số mở, chỉ số HDI...), liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống.

- CLO3: Thành thạo các kỹ năng phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê; kỹ năng đọc và biên tập các bản đồ chuyên đề như: bản đồ dân cư, tài nguyên, môi trường, các ngành kinh tế và các vùng kinh tế... có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian. Hoàn thiện kỹ năng vận dụng kiến thức đại cương để viết các báo cáo nhỏ về tình hình dân cư, tài nguyên thiên nhiên; nguồn lực, sự phát triển và phân hóa các ngành kinh tế; sự phân hóa các vùng kinh tế trên thế giới, ở Việt Nam và ở địa phương.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KT- XH của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH ở trường phổ thông.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí KT- XH.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu</b> 1.1. Vị trí của địa lí KT-XH trong hệ thống khoa học Địa lí. 1.2. Đối tượng nghiên cứu của Địa lí kinh tế- xã hội. 1.3. Các nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu của Địa lí kinh tế - xã hội 1.4. Các quan điểm cơ bản trong nghiên cứu 1.5 Các phương pháp nghiên cứu Địa lí kinh tế - xã hội 1.6 Địa lí kinh tế- xã hội và các khoa học có liên quan	3	2				15
<b>Chương 2. Môi trường, tài nguyên thiên nhiên và nền sản xuất xã hội</b> 2.1. Môi trường địa lí 2.2. Tài nguyên thiên nhiên 2.3. Tài nguyên thiên nhiên trên thế giới và việc sử dụng chúng 2.4. Môi trường và phát triển bền vững	3	2				15
<b>Chương 3. Địa lí dân cư và quần cư</b> 3.1. Sự biến động dân số 3.2. Cơ cấu dân số 3.3. Phân bố dân cư 3.4 Quần cư 3.5 Đô thị hóa	4	3		3		15

<b>Chương 4. Một số vấn đề của Địa lí xã hội</b> 4.1. Địa lí tôn giáo 4.2. Dân tộc, chủng tộc 4.3. Ngôn ngữ 4.3. Chỉ số phát triển con người	4	3				20
<b>Chương 5. Một số vấn đề về nền kinh tế</b> 5.1. Các nguồn lực phát triển KT-XH 5.2. Cơ cấu nền kinh tế 5.3. Hệ thống không gian của nền kinh tế	3	2				20
<b>Chương 6. Địa lí nông nghiệp</b> 6.1. Những vấn đề lí luận chung 6.2. Những vấn đề lí luận chung 6.3. Các hình thức TCLT nông nghiệp	3	2		5		20
<b>Chương 7. Địa lí công nghiệp</b> 7.1. Những vấn đề lí luận chung 7.2. Địa lí các ngành công nghiệp 7.3. Các hình thức TCLT công nghiệp	4	2		5		15
<b>Chương 8. Địa lí dịch vụ</b> 8.1 Những vấn đề lí luận chung 8.2. Địa lí các ngành dịch vụ	3	2		5		15
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>		<b>18</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	

<b>ii. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
<b>iii. Thi cuối kỳ (01)</b>				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,... (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

1) Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2007), *Địa lý kinh tế - xã hội đại cương*, NXB ĐH Sư phạm Hà Nội..

#### 8.2. Tài liệu tham khảo:

1) Lê Văn Trường (2005), *Địa lý kinh tế- xã hội đại cương*; NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

2) Bùi Văn Loãn (1983), *Cơ sở Địa lý kinh tế*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

3) Các trang Web của: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Thời báo kinh tế Việt Nam, phần mềm Encatar....

### 21b. ĐỊA LÍ VIỆT NAM/VIETNAM'S GEOGRAPHY

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18)

- Mã học phần: 127258

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết:

#### 1. Mô tả học phần

Học phần địa lí Việt Nam trang bị các kiến thức về: Đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ; lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam; đặc điểm của các thành phần tự nhiên; vấn đề sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững kiến thức về: đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ Việt Nam; những đặc điểm cơ bản của các thành phần tự nhiên Việt Nam. Vận dụng để phân tích, đánh giá được mối quan hệ giữa các thành phần, quy luật và sự thay đổi của hệ thống tự nhiên; Người học có kiến thức về sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tự nhiên Việt Nam.

- CO2: Người học có kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá sự vật, hiện tượng địa lí; kĩ năng sử dụng thành thạo các bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê...

- CO3: Người học có kĩ năng viết báo cáo, viết bài luận; phản biện vấn đề. Kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, phối hợp giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học.

- CO4: Người học biết tôn trọng các quy luật tự nhiên, có ý thức quan tâm đến một số vấn đề liên quan đến tự nhiên của đất nước; có ý thức và hành động thiết thực bảo vệ tài nguyên, môi trường.

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu rõ và trình bày được: đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, lịch sử hình thành và đặc điểm chung của các thành phần tự nhiên Việt Nam.

- CLO2: Phân tích được các đặc điểm của từng thành phần tự nhiên nước ta. Nắm vững, đánh giá được thế mạnh, hạn chế của tất cả các thành phần tự nhiên, mối quan hệ giữa tự nhiên và sự phát triển KT-XH. Từ đó có ý thức, hành động thiết thực bảo vệ tự nhiên, môi trường.

- CLO3: Kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá sự vật, hiện tượng địa lí; kĩ năng phân tích atlas, latcat địa lí; sử dụng thành thạo các bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê...

- CLO4: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến tự nhiên của đất nước; có ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên ở mỗi miền, khu vực tự nhiên ở nước ta.

## 4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. Đặc điểm chung và lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam</b> 1.1. Vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ 1.1.1. Vị trí địa lí 1.1.2. Phạm vi lãnh thổ 1.2. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam	6	4				30

1.3. Lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam. 1.3.1. Giai đoạn Tiền Cambri 1.3.2. Cổ kiến tạo 1.3.3. Tân kiến tạo					
<b>Chương 2. Đặc điểm chung của địa hình, khí hậu, thủy văn Việt Nam</b> 2.1. Địa hình 2.1.1. Đặc điểm chung của địa hình 2.1.2. Các khu vực địa hình 2.1.3. Thực hành 2.2. Khí hậu 2.2.1. §Æc ®iÓm chung cña khÝ hËu ViÖt Nam 2.2.2. C, c yếu tố khí hậu, so sánh các miền, vùng khí hậu Việt Nam 2.2.3. Thực hành 2.3. Thủy văn 2.3.1. Đặc điểm chung của thủy văn Việt Nam 2.3.2. Mạng lưới sông ngòi Việt Nam phản ánh tác động tổng hợp giữa khí hậu nội chí tuyến gió mùa ẩm và cấu trúc địa hình đồi núi già được Tân kiến tạo làm trẻ lại 2.3.3. Thủy chế sông ngòi Việt Nam theo sát nhịp điệu mùa mưa và mùa khô của khí hậu chí tuyến gió mùa ẩm.	6	4		6	30
<b>Chương 3. Đặc điểm chung của thổ nhưỡng, sinh vật, biển Đông</b> 3.1. Thổ nhưỡng 3.1.1. Đặc điểm chung của thổ nhưỡng Việt Nam 3.1.2. Các nhóm và loại đất chính 3.2. Sinh vật 3.2.1. Đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam 3.2.2. Các hệ sinh thái ở Việt Nam 3.3. Biển Đông 3.3.1. Đặc điểm chung của biển Đông Việt Nam	7	4		6	35

3.3.2. Đặc điểm địa chất - địa hình và khoáng sản Biển Đông					
3.3.3. Đặc điểm khí tượng - hải văn Biển Đông.					
<b>Chương 4. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững thiên nhiên Việt Nam</b>					
4.1. Đặc điểm chung của tài nguyên thiên nhiên Việt Nam	8	6	6		40
4.2. Hiện trạng môi trường tự nhiên Việt Nam					
4.3. Phát triển kinh tế - sinh thái để cải tại tự nhiên Việt Nam					
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>		<b>18</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 3,4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4	



## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành... (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

\* **Giáo trình bắt buộc:**

1) Vũ Tự Lập (2004), *Địa lí tự nhiên Việt Nam*, NXB ĐH Sư phạm.

\* **Tài liệu tham khảo:**

2) Đặng Duy Lợi (Chủ biên), (2012), *Địa lí tự nhiên Việt Nam 1*, NXB ĐHSP.

3) Lê Bá Thảo (2008), *Thiên nhiên Việt Nam*, NXB GD

## II. KIẾN THỨC NGÀNH

### 6.22. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN/Mineral resource management

- Số tín chỉ: 03 (27;27;09)

- Mã học phần: 125056

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

#### 1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: các vấn đề chung về tài nguyên khoáng sản; quá trình hình thành, thực trạng và ảnh hưởng của việc khai thác và sử dụng khoáng sản tới môi trường; các vấn đề chung về quản lý tài nguyên khoáng sản; Luật khoáng sản, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản và các vấn đề về quản lý tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam.

#### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững các kiến thức cơ bản về tài nguyên khoáng sản, luật khoáng sản, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- CO2: Phân tích các tác động của hoạt động khai thác khoáng sản đến môi trường; công tác quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản.

- CO3: Áp dụng Luật khoáng sản và Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản đối với các hoạt động khai thác và quản lý khoáng sản

- CO4: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, viết báo cáo, viết bài luận; trình bày vấn

đề, làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học; có các hành vi thiết thực trong vấn đề nghiên cứu chuyên ngành, có hành động thiết thực trong học tập và trong công tác nhằm giải quyết các vấn đề liên quan chuyên ngành quản lý tài nguyên và môi trường, địa lý, địa chính, các vấn đề môi trường của địa phương và đất nước.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Hiểu và trình bày được các vấn đề về tài nguyên khoáng sản như khái niệm, phân loại, phân bố, trữ lượng; hoạt động khai thác khoáng sản và những tác động của khai thác khoáng sản tới môi trường.

- CLO2: Phân tích, đánh giá được tác động của hoạt động khai thác khoáng sản tới môi trường; đề xuất các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản hiệu quả.

- CLO3: Nắm vững các văn bản pháp luật về tài nguyên khoáng sản và vận dụng trong quản lý tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam.

- CLO4: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc nâng cao ý thức tự học, thái độ nghiêm túc trong các hoạt động tập thể.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1. Đặc điểm địa chất, điều kiện thành tạo mỏ khoáng sản</b> 1.1. Đặc điểm địa chất các mỏ khoáng sản 1.2. Điều kiện thành tạo các mỏ khoáng sản 1.3. Phân loại khoáng sản và mỏ khoáng sản	3	2				20
<b>Nội dung 2. Tổng quan về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam</b> 2.1. Tổng quan về tài nguyên khoáng sản Việt Nam 2.2. Tổng quan về hoạt động khoáng sản ở Việt Nam 2.3. Một số tồn tại	6	6				25
<b>Nội dung 3. Một số nội dung quan trọng trong Luật khoáng sản 2010</b> 3.1. Chiến lược, quy hoạch khoáng sản 3.2. Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác 3.3. Điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản	5	6		3		25

<p>3.4. Khu vực khoáng sản</p> <p>3.5. Bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản</p> <p>3.6. Thăm dò khoáng sản</p> <p>3.7. Khai thác khoáng sản và khai thác tận thu khoáng sản</p> <p>3.8. Tài chính về khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản</p> <p>3.9. Trách nhiệm quản lý nhà nước về khoáng sản</p>					
<p><b>Nội dung 4. Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản</b></p> <p>4.1. Quy định chung</p> <p>4.2. Quy hoạch khoáng sản, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</p> <p>4.3. Quyền lợi của địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác; bảo vệ khoáng sản chưa khai thác</p> <p>4.4. Khu vực khoáng sản và quy định về hoạt động khoáng sản</p> <p>4.5. Thủ tục cấp phép hoạt động khoáng sản, phê duyệt trữ lượng khoáng sản và đóng cửa mỏ khoáng sản</p> <p>4.6. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p>	4	5			20
<p><b>Nội dung 5. Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản</b></p> <p>5.1. Quy định chung</p> <p>5.2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, hình thức xử phạt, mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả</p> <p>5.3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản</p>	4	5	3		20
<p><b>Nội dung 6. Bảo vệ môi trường trong khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản</b></p> <p>6.1. Tác động môi trường của quá trình khai thác và chế biến khoáng sản</p> <p>6.2. Sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản</p>	5	5	3		25
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>27</b>	<b>9</b>		<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2, 3,4	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3,4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 3,4	
6	Bài tập	Rubic bài tập	CLO1, 2, 3,4	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Bài tập, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3,4	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Tự luận (Bài tập)	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1, 2, 3,4	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Lại Hồng Thanh (2009), *Quản lý nhà nước về khoáng sản*, Cục địa chất và khoáng sản Việt Nam.

[2]. Luật khoáng sản, số 60/2010/QH12

[3]. Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản, số 158/2016/NĐ-CP

[4]. Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, số 33/2017/NĐ-CP

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

[5]. Lưu Đức Hải, Chu Văn Ngợi (2002), *Tài nguyên khoáng sản*, NXB QGHN

[6]. Atlas Việt Nam

## **6.23. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC/Water resource Management**

- Số tín chỉ: 03 (27, 27, 9)

- Mã học phần: 125091

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Học phần tiên quyết: Địa lý tự nhiên đại cương

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học những cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý tổng hợp tài nguyên nước; tài nguyên nước mưa; tài nguyên nước mặt; tài nguyên nước dưới đất; chất lượng nước sông; mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên nước; các giải pháp quản lý tài nguyên nước.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Người học nắm vững được kiến thức cơ bản về quản lý tổng hợp tài nguyên nước; tài nguyên nước mưa; tài nguyên nước mặt; tài nguyên nước dưới đất; chất lượng nước sông; mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên nước; các giải pháp quản lý tài nguyên nước.

- CO2: Người học tổ chức, lập kế hoạch quản lý tài nguyên nước và đề ra được các giải pháp quản lý tài nguyên nước ở một mô hình thí điểm,... phục vụ cho việc quản lý tài nguyên và môi trường.

- CO3: Có thái độ chủ động, chia sẻ trong công việc; xây dựng thái độ làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc, cộng đồng và xã hội. Sinh viên có thể giới quan duy vật biện chứng, có hành vi và thái độ bảo vệ tài nguyên môi trường vì sự phát triển bền vững của Trái Đất.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Người học trình bày được cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý tổng hợp tài nguyên nước; tài nguyên nước mưa; tài nguyên nước mặt; tài nguyên nước dưới đất; chất lượng nước sông; mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên nước; các giải pháp quản lý tài nguyên nước.

- CLO2: Người học biết tổ chức, lập kế hoạch quản lý tài nguyên nước và đề ra được các giải pháp quản lý tài nguyên nước ở một mô hình thí điểm,... phục vụ cho việc quản lý tài nguyên và môi trường.

- CLO3: Người học có các hành vi thiết thực trong vấn đề nghiên cứu chuyên ngành, có ý thức và hành động thiết thực trong học tập và trong công tác nhằm giải quyết các vấn đề liên quan chuyên ngành quản lý tài nguyên và môi trường.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1.</b> Cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý tổng hợp tài nguyên nước 1.1. Khái niệm tài nguyên nước 1.2. Quản lý tài nguyên nước và quản lý lưu vực 1.3. Cơ sở lý luận tổng hợp tài nguyên nước lưu vực 1.4. Cơ sở thực tiễn quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực 1.5. Những vấn đề liên quan đến tài nguyên nước	3	-		-		15
<b>Chương 2.</b> Tài nguyên nước mưa 2.1. Đặc trưng tài nguyên nước mưa và phương pháp tính 2.2. Tài nguyên nước mưa ở nước ta 2.3. Sự phân bố tài nguyên nước mưa trong năm ở nước ta 2.4. Các trung tâm mưa ở nước ta.	3	4		-		15
<b>Chương 3.</b> Tài nguyên nước mặt 3.1. Tổng lượng dòng chảy mặt 3.2. Tài nguyên nước mặt ở nước ta 3.3. Phân bố tài nguyên nước mặt trên lãnh thổ nước ta 3.4. Tài nguyên nước mặt tại các hệ thống sông chính ở nước ta 3.5. Các nhân tố ảnh hưởng tới tài nguyên nước	3	4		-		15
<b>Chương 4.</b> Tài nguyên nước dưới đất 4.1. Trữ lượng động 4.2. Trữ lượng tĩnh 4.3. Trữ lượng khai thác tiềm năng 4.4. Trữ lượng nước ngầm trên lãnh thổ nước ta	3	4		-		15
<b>Chương 5.</b> Chất lượng nước sông ở nước ta	5	5		-		15

<p>5.1. Hóa học nước sông</p> <p>5.2. Dòng chảy cát bùn</p> <p>5.3. Mặn và xâm nhập mặn vùng cửa sông ven biển nước ta.</p> <p>5.4. Ô nhiễm nguồn nước sông</p> <p>5.5. Ô nhiễm nước dưới đất</p>					
<p><b>Chương 6. Mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên nước</b></p> <p>6.1. Những nguyên tắc tổng hợp lưu vực sông</p> <p>6.2. Khó khăn thách thức trong hoạt động quản lý tổng hợp lưu vực sông</p> <p>6.3. Kinh nghiệm quản lý lưu vực sông tại một số nước trên thế giới</p> <p>6.4. Một số mô hình quản lý lưu vực sông ở nước ta</p> <p>6.5. Đánh giá tiềm năng, lợi thế và hạn chế của lưu vực</p> <p>6.6. Kiến nghị mô hình quản lý</p>	5	5	-		15
<p><b>Chương 7. Các giải pháp quản lý tài nguyên nước và môi trường lưu vực</b></p> <p>7.1. Giải pháp quy hoạch tổng hợp lưu vực</p> <p>7.2. Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước</p> <p>7.3. Giải pháp khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên đất</p> <p>7.4. Giải pháp khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản</p> <p>7.5. Giải pháp định hướng khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật</p> <p>7.6. Các biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường</p> <p>7.7. Xây dựng cơ chế, chính sách, luật pháp</p> <p>7.8. Xây dựng cơ chế dữ liệu thông tin</p> <p>7.9. Nâng cao năng lực của đội ngũ quản lý tài nguyên nước</p> <p>7.10. Sử dụng các công cụ chuyên ngành, công cụ trợ giúp</p>	5	5	-		15

Bài 1. Thực hành “Tìm hiểu tài nguyên nước mưa tại trạm khí tượng Thanh Hóa”	-			4		15
Bài 2. Thực hành “Tìm hiểu quá trình xử lý nước thải tại nhà máy xử lý nước thải Thanh Hóa”	-			5		15
Tổng cộng	27	27		9		135

### 5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp dạy học: phương pháp thuyết trình, phương pháp phát vấn, phương pháp thảo luận nhóm, và sử dụng các phương tiện thiết bị hiện đại.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.



- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình bắt buộc:**

[1]. Hoàng Ngọc Quang, *Giáo trình quản lý tài nguyên nước*, Hà Nội 2010

[2]. Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21/6/2012.

### **8.2. Tài liệu tham khảo:**

[3]. Lê Thạc Cán, Ngô Đình Tuấn (1998), *Quản lý tổng hợp tài nguyên nước*, Bài giảng chuyên đề tiến sỹ, ĐH Thủy Lợi, Hà Nội

[4]. Nguyễn Thái Hưng, (1996), *Quản lý tài nguyên nước hợp lý về mặt môi trường*, ĐH Thủy Lợi Hà Nội.

[5]. Thủ tướng chính phủ (2000), *Quyết định của thủ tướng chính phủ về việc thành lập Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước*, Hà Nội.

## **6.45. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI/ State management of land**

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)

- Mã học phần: 125092

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lý tự nhiên đại cương

- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

### **1. Mô tả học phần**

Học phần Quản lý nhà nước về đất đai bao gồm những kiến thức cơ bản về công tác quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về đất đai, luật đất đai; Quá trình phát triển về công tác quản lý nhà nước về đất đai qua các thời kỳ; Các nội dung quản lý nhà nước về đất đai; Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; Các thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học giải thích được các khái niệm, các vấn đề đại cương về quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước về đất đai, các vấn đề cơ bản về hệ thống pháp luật đất đai;

- CO2: Người học phân tích được các nội dung quản lý nhà nước về đất đai, các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất và trình bày được các thủ tục hành chính về đất đai;

- CO3: Người học biết vận dụng hệ thống pháp luật đất đai để giải quyết được các tình huống về đất đai trên thực tế; Thực hiện được các thủ tục hành chính về đất đai; Đánh giá được thực trạng công tác quản lý nhà nước về đất đai ở 1 địa phương;

- CO4: Người học thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các tình huống đất đai;

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Giải thích được các khái niệm, các vấn đề đại cương về quản lý hành

chính nhà nước và quản lý nhà nước về đất đai;

- CLO2: Phân tích được các vấn đề cơ bản về ngành Luật đất đai;

- CLO3: Trình bày được quá trình phát triển của công tác quản lý Nhà nước về đất đai ở nước ta;

- CLO4: Giải thích được các nội dung quản lý nhà nước về đất đai;

- CLO5: Làm rõ được các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất;

- CLO6: Trình bày được các thủ tục hành chính về đất đai;

- CLO7: Giải quyết được các tình huống về đất đai trên thực tế; Thực hiện được các thủ tục hành chính về đất đai; Đánh giá được thực trạng công tác quản lý nhà nước về đất đai ở 1 địa phương;

- CLO8: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các tình huống đất đai; Tham gia thảo luận nhóm và thuyết trình trước đám đông.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1: Đại cương về quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước về đất đai</b> 1.1. Đại cương về quản lý hành chính nhà nước 1.2. Đại cương về quản lý nhà nước về đất đai	2	1				15
<b>Chương 2: Các vấn đề cơ bản về ngành Luật đất đai</b> 2.1. Khái niệm Luật đất đai 2.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của ngành Luật đất đai 2.3. Quan hệ pháp luật đất đai 2.4. Luật đất đai và các văn bản dưới Luật	2	2				20
<b>Chương 3: Quá trình phát triển của công tác quản lý Nhà nước về đất đai ở nước ta</b> 3.1. Sơ lược về công tác quản lý Nhà nước về đất đai ở nước ta dưới chế độ cũ 3.2. Công tác quản lý Nhà nước về đất đai ở nước ta từ năm 1945 đến nay	2	2				20
<b>Chương 4. Nội dung quản lý NN về đất đai</b> 4.1. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đất đai 4.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về quản lý Nhà nước đối với đất đai	12	13		9		35

<b>Chương 5. Địa vị pháp lý của người sử dụng đất</b> 5.1. Địa vị pháp lý của người sử dụng đất 5.2. Những đảm bảo cho người sử dụng đất 5.3. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất 5.4. Các quy định cụ thể về địa vị pháp lý của người sử dụng đất	7	6			20
<b>Chương 6. Thủ tục hành chính trong quản lý sử dụng đất đai</b> 6.1. Khái quát chung về thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai 6.2. Các thủ tục hành chính cụ thể trong quản lý và sử dụng đất đai	2	3			25
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>27</b>		<b>9</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (04)</b>			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-7	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1-6, CLO8	
3	Thực hành	Rubric 3	CLO7	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Viết	Rubric 4	CLO4	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Viết	Rubric 5	CLO1-6	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ ĐK dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình bắt buộc**

[1]. Nguyễn Khắc Thái Sơn (2007), *Giáo trình Quản lý nhà nước về đất đai*. NXB Nông nghiệp

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

[2]. Giáo trình Luật đất đai (2020). Nhà xuất bản Đại học Luật Hà Nội.

[3]. Lê Kim Dung (2013), *Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên phục vụ quy hoạch sử dụng đất: Trường hợp lưu vực sông Chu (Phần lãnh thổ Việt Nam)*, NXB Khoa học xã hội.

## **6.25. THỰC TẾ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN/Visiting the natural environment**

- Số tín chỉ: 2 (5, 18, 32)

- Mã học phần: 125052

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Học phần tiên quyết: Địa chất đại cương; Địa lí tự nhiên đại cương; Bản đồ học đại cương.

### **1. Mô tả học phần**

Học phần Thực tế Môi trường thiên nhiên là môn học cơ bản và bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Đại học Quản lý Tài nguyên Môi trường. Môn học giúp sinh viên biết lập kế hoạch chuẩn bị thực địa. Xác định được mục tiêu, nhiệm vụ và các phương pháp sử dụng khi đi thực địa. Các bước chuẩn bị đi thực địa. Dự trù kinh phí, chuẩn bị tư trang cá nhân, tài liệu và trang thiết bị cần thiết... Vạch tuyến khảo sát thực địa các thành phần tự nhiên: địa chất, địa mạo, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật. Trong quá trình thực hiện chuyến thực địa sẽ khảo sát các đặc điểm môi trường thiên nhiên tại một số địa điểm thuộc thành phố Hải Phòng (đảo Cát Hải, Đồ Sơn...), tỉnh Quảng Ninh (Yên Tử, TP Hạ Long, một vài mỏ than...), TP Lạng Sơn và phụ cận, viết báo cáo thực địa

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Học phần nhằm mục tiêu: củng cố kiến thức địa lí tự nhiên đại cương, địa chất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản đã học, phân tích được các kiến thức lý luận về các học phần. Đồng thời phân tích đặc điểm môi trường thiên nhiên ở một số tỉnh thành khu vực Đông Bắc Việt Nam.

- CO2: Hiểu biết được một số đặc điểm môi trường thiên nhiên cụ thể ngài thực địa như: sự hình thành địa hình đá vôi, một số dạng địa hình, khoáng sản được hình thành ở khu vực khu vực đông Bắc, đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Cát Bà, các yếu tố khí tượng, công tác dự báo khí tượng và biểu hiện của biến đổi khí hậu qua một số yếu tố khí tượng (nhiệt độ, lượng mưa) ở Trạm KTTV.

- CO3: Hoàn thiện kỹ năng học và tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo về một vấn đề môi trường thiên nhiên, khả năng duy logic, tổng hợp,

phân tích các vấn đề môi trường, địa chất và bản đồ ở các dạng địa hình một cách chính xác, khách quan, khoa học.

- CO4: Có kỹ năng khảo sát, đo đạc địa chất, nhận biết các vấn đề môi trường.

- CO5: Có thái độ nghiêm túc trong quá trình tham gia thực địa và trung thực trong viết báo cáo thu hoạch; Có tinh thần cầu thị trong việc lĩnh hội kiến thức cơ sở khoa học chuyên ngành trên thực địa.

- CO6: Có khả năng tự định hướng, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch thực địa.

### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Học phần nhằm mục tiêu: củng cố kiến thức địa lí tự nhiên đại cương, địa chất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản đã học, phân tích được các kiến thức lý luận về các học phần. Đồng thời phân tích đặc điểm môi trường thiên nhiên ở một số tỉnh thành khu vực Đông Bắc Việt Nam.

- CLO2: Hiểu biết được một số đặc điểm môi trường thiên nhiên cụ thể ngoài thực địa như: sự hình thành địa hình đá vôi, một số dạng địa hình, khoáng sản được hình thành ở khu vực khu vực đông Bắc, đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Cát Bà, các yếu tố khí tượng, công tác dự báo khí tượng và biểu hiện của biến đổi khí hậu qua một số yếu tố khí tượng (nhiệt độ, lượng mưa) ở Trạm KTTV.

- CLO3: Hoàn thiện kỹ năng học và tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo về một vấn đề môi trường thiên nhiên, khả năng duy logic, tổng hợp, phân tích các vấn đề môi trường, địa chất và bản đồ ở các dạng địa hình một cách chính xác, khách quan, khoa học.

- CLO4: Có kỹ năng khảo sát, đo đạc địa chất, nhận biết các vấn đề môi trường.

- CLO5: Có khả năng tự định hướng, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch thực địa.

### 1. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>PHẦN 1: CÔNG TÁC CHUẨN BỊ</b>		0				10
<b>Nội dung 1: Làm các công tác tổ chức (phân nhóm, đoàn,...), chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đợt thực tế</b> 1.1. Công tác tổ chức chung. 1.2. Chuẩn bị phương tiện đi thực địa, điều kiện nghỉ ngơi cho toàn đợt thực tế. 1.3. Dự trù kinh phí cho mỗi sinh viên: 1.4. Phối hợp với Quản lý SV, CVHT, ban	2	3				

cán sự lớp chuẩn bị cơ sở vật chất cho đợt thực tế						
1.5. Các vấn đề cần chú ý khi đi thực tế:						
<b>Nội dung 2: Tập huấn các nội dung cần thiết phục vụ cho đợt thực tế</b>	3	3				
2.1. Giới thiệu và nêu các nhiệm vụ của sinh viên:						
2.2. Giới thiệu các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho đợt thực tế						
2.3. Tập huấn các nội dung thiết yếu phục vụ cho đợt thực tế						
2.4. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn						
2.5. Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch thực tế.						
<b>PHẦN 2: THỰC HÀNH, THỰC TẾ</b>						80
<u>Nội dung 3</u> : Thực tế tại mỏ than Hà Tu tỉnh Quảng Ninh			3			
<u>Nội dung 4</u> : Thực tế và thu thập tài liệu tại Cảng nước sâu Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh			2			
<u>Nội dung 5</u> : Tham quan và thu thập tài liệu tại vịnh Hạ Long và đảo Tuần Châu		2	2			
<u>Nội dung 6</u> : Tham quan, thu thập tài liệu tại khu vực di tích văn hóa cấp quốc gia Yên Tử			2			
<u>Nội dung 7</u> : Nghe báo cáo và thu thập tài liệu về tại Vườn quốc gia Cát Bà (Hải Phòng)		2	2			
<u>Nội dung 8</u> : Tham quan và thu thập tài liệu tại Lạng Sơn		2	2			
<u>Nội dung 10</u> : Tham quan thực tế thắng cảnh Tràng An cổ			2			
<u>Nội dung 11</u> : Tham quan tại Trạm KTTV TP Thanh Hóa			3			
<b><u>Nội dung 12</u>: Tổng hợp, phân tích tài liệu tham quan, khảo sát</b>		3	6			
<b><u>Nội dung 13</u>: Viết báo cáo thực tế</b>		3	8			
<b>Tổng</b>	<b>5</b>	<b>18</b>	<b>32</b>			<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp học tập

ngoài trời, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (0)</b>				
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (0)</b>				
<b>III. Viết báo cáo thực tế (01)</b>				
1	Báo cáo thực tế	Rubric báo cáo	CLO1,2,3,4,5	100%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy định thực địa

- Báo cáo được đánh máy hoặc viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài làm, mỗi SV viết một báo cáo thực tế để nộp

- Chuẩn bị bài trước khi đi thực địa theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

- Giáo viên có thể thưởng điểm cho sinh viên có nhiều đóng góp cho đợt thực tế (cung cấp tài liệu, chuẩn bị cơ sở vật chất cho đoàn,...). Điểm thưởng cộng vào điểm Báo cáo thực địa.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

[1] Phùng Ngọc Đĩnh, 1996, *Thực hành địa chất*, NXB ĐHQG Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] A.M. Berliant (Hoàng Phương Nga, Nhữ Thị Xuân biên dịch), 2004, *Phương pháp nghiên cứu bằng bản đồ*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[3] Lê Bá Thảo, 1983, *Cơ sở địa lý tự nhiên*, NXB ĐHSP Hà Nội.

## 6.26. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC/FOREST RESOURCES MANAGEMENT AND BIODIVERSITY PROTECTION

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18; 135)

- Mã học phần: 125352

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Sinh thái học

### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Khái niệm về rừng, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên rừng và bảo vệ đa dạng sinh học, vai trò của rừng và đa dạng sinh học đối với môi trường và con người; sinh trưởng, phát triển và tái sinh rừng; tài nguyên rừng và suy thoái; các hệ sinh thái rừng chủ yếu ở Việt Nam; chính sách quản lý rừng và bảo

vệ đa dạng sinh học bền vững.

## 2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Trình bày được khái niệm về rừng, đa dạng sinh học và vai trò của chúng; những nguyên nhân làm suy thoái rừng và giảm tính đa dạng sinh học; một số biện pháp trong việc bảo vệ rừng và bảo vệ đa dạng sinh học bền vững; cơ sở pháp lý trong việc quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng và đa dạng sinh học.

- CO2: Mô tả được đặc điểm đặc trưng, phân bố của các hệ sinh thái rừng cơ bản ở Việt Nam.

- CO3: Thực hiện xây dựng kế hoạch, quy trình, chiến lược phát triển và bảo vệ tài nguyên rừng, đa dạng sinh học bền vững của một VQG, Khu BTTN cụ thể.

- CO4: Vận dụng được cơ sở pháp lý của bảo vệ rừng và đa dạng sinh học trong công tác xây dựng kế hoạch quản lý và phát triển tài nguyên rừng và đa dạng sinh học.

- CO5: Hình thành các kỹ năng quan sát, phân tích đặc điểm cấu trúc của hệ sinh thái rừng.

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được vai trò của rừng và đa dạng sinh học; những nguyên nhân gây suy thoái rừng và giảm tính đa dạng sinh học; biện pháp bảo vệ rừng và bảo vệ đa dạng sinh học bền vững.

- CLO2: Mô tả được cấu trúc của một hệ sinh thái rừng cơ bản ở Việt Nam.

- CLO3: Xây dựng được kế hoạch, quy trình, chiến lược phát triển và bảo vệ tài nguyên rừng, đa dạng sinh học bền vững của một VQG, Khu BTTN cụ thể.

- CLO4: Xây dựng được kế hoạch quản lý, phát triển tài nguyên rừng và đa dạng sinh học.

- CLO5: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các tình huống; tham gia thảo luận nhóm và thuyết trình trước đám đông.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. Rừng và đa dạng sinh học</b> 1. Khái niệm, vai trò và phân loại rừng 1.1. Khái niệm rừng 1.2. Vai trò của rừng 1.3. Phân loại rừng 2. Sinh trưởng, phát triển và tái sinh rừng 2.1. Sinh trưởng và phát triển rừng 2.2. Tái sinh rừng 3. Tài nguyên rừng và sự suy giảm tài nguyên rừng	9	6		6		45



Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
3.1. Tài nguyên rừng 3.2. Nguyên nhân làm giảm tài nguyên rừng 4. Đa dạng sinh học và vai trò của đa dạng sinh học 4.1. Khái niệm về đa dạng sinh học 4.2. Vai trò của đa dạng sinh học 4.3. Các mức độ của biểu hiện đa dạng sinh học 4.4. Đa dạng sinh học ở Việt Nam 4.5. Những mối đe dọa đối với đa dạng sinh học 4.6. Bảo tồn đa dạng sinh học						
<b>Chương 2. Các hệ sinh thái rừng ở Việt Nam</b> 1. Hệ sinh thái rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới 1.1. Khái niệm 1.2. Phân bố 2. Hệ sinh thái rừng kín nửa rụng lá ẩm nhiệt đới 2.1. Khái niệm 2.2. Phân bố 3. Hệ sinh thái rừng lá kim tự nhiên 3.1. Khái niệm 3.2. Phân bố 4. Hệ sinh thái rừng lá rộng thường xanh trên núi đá vôi 4.1. Khái niệm 4.2. Phân bố 5. Hệ sinh thái rừng thưa cây họ Dầu (rừng khộp) 5.1. Khái niệm 5.2. Phân bố 6. Hệ sinh thái rừng ngập mặn 6.1. Khái niệm	9	6		6	45	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
6.2. Phân bố 7. Hệ sinh thái rừng tram 7.1. Khái niệm 7.2. Phân bố 8. Hệ sinh thái rừng tre nứa 8.1. Khái niệm 8.2. Phân bố						
<b>Chương 3. Quản lý tài nguyên rừng và bảo vệ đa dạng sinh học</b> 1. Văn bản pháp quy về bảo vệ tài nguyên rừng và đa dạng sinh học 1.1. Công ước về đa dạng sinh học 1.2. Luật bảo vệ và phát triển rừng, 1.3. Luật đa dạng sinh học. 2. Bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên rừng 2.1. Khôi phục tài nguyên rừng 2.2. Ngăn chặn tình trạng phá rừng 2.3. Thành lập và xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên 2.4. Kiểm soát cháy rừng 2.5. Thay đổi thói quen sử dụng gỗ 2.6. Ngăn chặn tình trạng phá rừng để sản xuất nông nghiệp 2.7. Tổ chức lại lực lượng quản lí, bảo vệ rừng 3. Bảo vệ và phát triển bền vững đa dạng sinh học 3.1. Khái niệm 3.2. Mối quan hệ biện chứng giữa đa dạng sinh học và phát triển bền vững 3.3. Giới thiệu khái quát về các VQG ở Việt Nam. 3.4. VQG và Khu bảo tồn thiên nhiên ở Thanh Hóa.	9	6		6	45	
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>		<b>18</b>	<b>135</b>	

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thảo luận, thực hành, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (04)</b>			
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO1-4	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1-4	
3	Thực hành	Rubric thực hành	CLO3-4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Viết	Rubric viết	CLO2, CLO3	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
	Viết	Rubric viết	CLO1-4	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học lý thuyết, thảo luận trên lớp và 100% thời gian thực hành.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### *Học liệu bắt buộc:*

[1]. Võ Hành (2009), *Đa dạng sinh học*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

### *Học liệu tham khảo:*

[1]. Nguyễn Nghĩa Thìn (2004), *Hệ sinh thái rừng nhiệt đới*, Nxb ĐH QGHN thuật.

[2]. Luật đa dạng sinh học (Luật số 20/2008/QH12, ngày 13/11/2008).

[3]. Luật bảo vệ và phát triển rừng (Luật số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2004).

## **6.27. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN VIỆT NAM /MANAGEMENT OF RESOURCES AND SEA ENVIRONMENT OF VIETNAM**

- Số tín chỉ: 03 (27;18;18)
- Mã học phần: 125116
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết:

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp kiến thức về: Quản lý tài nguyên và môi trường biển; Luật pháp về biển và việc áp dụng luật quốc tế về biển ở Việt Nam; về pháp luật và các văn bản dưới luật về quản lý tài nguyên, môi trường, pháp lý chủ quyền trên biển. Xây dựng mô hình quản lý biển. Hệ thống những kiến thức về những qui luật tự nhiên và tài nguyên môi trường Biển Đông, các giá trị của hệ sinh thái biển. Đánh giá và dự báo tác động của các hoạt động kinh tế-xã hội đối với môi trường và các hệ tự nhiên của biển.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Nắm vững kiến thức về những đặc điểm, quy luật tự nhiên và tài nguyên, môi trường của biển Đông; giá trị vật chất và tinh thần của tài nguyên biển cùng các di sản chung của nhân loại đối với đời sống con người.

- CO2: Trình bày, nhận xét và phân tích các đặc điểm tự nhiên, nguồn tài nguyên của biển Đông và dự báo tác động của các hoạt động kinh tế-xã hội đối với tài nguyên và môi trường biển Việt Nam.

- CO3: Nắm vững các văn bản Luật và dưới luật về quản lý tài nguyên, môi trường, pháp lý chủ quyền... trên biển Đông, vận dụng trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển Việt Nam.

- CO4: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, viết báo cáo, viết bài luận; trình bày vấn đề, làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học; có trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên biển Việt Nam.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu và trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên biển Việt Nam; vai trò và ý nghĩa của biển Đông đối với tự nhiên và đời sống, KTXH Việt Nam.

- CLO2: Phân tích giá trị các tài nguyên của biển Đông và tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội đối với tài nguyên và môi trường biển Đông.

- CLO3: Hiểu và trình bày được các văn bản luật và dưới luật về quản lý tài nguyên, môi trường biển Việt Nam. Vận dụng các văn bản đó trong quản lý tài nguyên và môi trường biển Việt Nam.

- CLO4: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc nâng cao ý thức tự học, thái độ nghiêm túc trong các hoạt động tập thể.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>PHẦN THỨ NHẤT: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐÔNG</b>						
<b>CHƯƠNG 1. ĐỊA LÍ BIỂN ĐÔNG</b> I. Khái quát về biển Đông II. Vùng biển Việt Nam 1. Các vùng biển và thềm lục địa 2. Các đảo và quần đảo trong vùng biển Việt Nam III. Một số đặc điểm tự nhiên của biển Đông IV. Vai trò của biển Đông	5	3		2		20
<b>CHƯƠNG 2: TÀI NGUYÊN BIỂN – ĐẢO VIỆT NAM</b> 1. Tài nguyên sinh vật 1.1. Đặc điểm chung 1.2. Các hệ sinh thái chính 1.3. Các hệ sinh thái tiêu biểu 2. Tiềm năng về khoáng sản 3. Giao thông vận tải biển ngày càng trở lên quan trọng 4. Du lịch	3	3		2		20
<b>CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG BIỂN VIỆT NAM</b> I. Môi trường biển và các nguy cơ gây ô nhiễm II. Hiện trạng tài nguyên và môi trường biển Việt Nam III. Giải pháp giữ gìn môi trường biển	5	3		3		19
<b>PHẦN II. LUẬT PHÁP VỀ BIỂN VÀ QUẢN LÝ BIỂN THEO PHÁP LUẬT</b>						
<b>CHƯƠNG 4 . LUẬT BIỂN QUỐC TẾ VÀ VIỆC ÁP DỤNG LUẬT BIỂN QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM</b> I. Khái quát chung về luật biển 1. Khái niệm về Luật biển 2. Nguồn của luật biển quốc tế	3	2		3		19

II. Khái quát về Công ước Luật biển 1982 1. Các vùng biển và quy chế pháp lý của chúng 2. Vấn đề bảo vệ và gìn giữ môi trường biển 3. Một số nội dung quan trọng khác của Công ước					
CHƯƠNG 5. LUẬT BIỂN VIỆT NAM 1. Sự phát triển của luật biển Việt Nam 2. Nguồn của luật biển Việt Nam 3. Các vùng biển Việt Nam 4. Đảm bảo thi hành pháp luật trên biển 4.1. Mục đích của việc đảm bảo thi hành pháp luật trên biển 4.2. Phạm vi của công tác đảm bảo thi hành pháp luật trên biển 4.3. Thực chất của việc đảm bảo thi hành pháp luật 4.4. Đảm bảo thi hành pháp luật trong các lĩnh vực cụ thể 4.5. Thủ tục tuần tra, kiểm soát, khám xét, bắt giữ và xử lý tàu thuyền vi phạm	3	2	3		19
CHƯƠNG 6. LUẬT TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN - ĐẢO VIỆT NAM I. Sự cần thiết ban hành luật II. Quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo, các chính sách lớn được thể chế hóa trong luật III. Bộ cục của Luật IV. Nội dung cơ bản của Luật V. Tổ chức thực hiện	4	2	3		19
CHƯƠNG 7. NHỮNG VẤN ĐỀ TRANH CHẤP TRÊN BIỂN VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BIỂN CỦA VIỆT NAM 1. Vấn đề ranh giới các vùng biển và thêm lục địa 2. Tranh chấp chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa 3. Tranh chấp chủ quyền trên thêm lục địa phía Nam Việt Nam 4. Bối cảnh tranh chấp tác động đến quản lý biển	4	3	2		19
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>18</b>		<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2, 3,4	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3,4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 3,4	
6	Bài tập	Rubic bài tập	CLO1, 2, 3,4	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Bài tập, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3,4	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Tự luận (Bài tập)	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1, 2, 3,4	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Đức Tô (chủ biên), Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh. *Quản lý biển*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2004.

[2]. Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII, *Luật biển Việt Nam*, 2012

[3]. Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII, *Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo*, 2016.

### **8.2. Học liệu tham khảo:**

[4]. Nguyễn Chu Hồi (chủ biên), *Quản lý bền vững biển, đảo Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2018.

[5]. Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh. *Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững*. NXB ĐHQG Hà Nội. Hà Nội, 2000.

[6]. *Công ước về Luật biển 1982*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.

## **6.28. QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI/ SOLID WASTE AND HAZARDOUS MANAGEMENT**

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18)

- Mã số học phần: 125097

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Môi trường và CN

### **1. Mô tả học phần**

Học phần quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại trang bị các kiến thức về chất thải rắn; nguồn gốc, thành phần, tính chất của chất thải rắn và chất thải nguy hại; thu gom vận chuyển và trung chuyển chất thải rắn và chất thải nguy hại; thu hồi tái chế chất thải rắn; xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; những vấn đề liên quan đến chất thải nguy hại; hiện trạng quản lý chất thải rắn ở Việt Nam; hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý một số loại chất thải rắn phổ biến.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về chất thải rắn và chất thải nguy hại; nguồn gốc, thành phần, tính chất của chất thải rắn; thu hồi tái chế chất thải rắn và chất thải nguy hại; xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; hiện trạng quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại ở Việt Nam; hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý một số loại chất thải rắn phổ biến.

- CO2: Người học có kỹ năng phân biệt được chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại, phân tích được tác động của ô nhiễm chất thải rắn đến môi trường đất, nước, không khí, sức khỏe con người và các vấn đề kinh tế - xã hội. Tổng hợp được hiện trạng phát sinh, thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nông nghiệp và nông thôn, chất thải rắn nhựa, chất thải rắn y tế, chất thải rắn công nghiệp ở Việt Nam.

- CO3: Người học ý thức được tầm quan trọng của công tác quản lý chất thải rắn trong vấn đề bảo vệ môi trường của đất nước.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại, hiện trạng quản lý chất thải rắn ở Việt Nam, hiện trạng thu gom và xử lý một số loại chất thải rắn ở Việt Nam.



- CLO2: Xây dựng được các dự án quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho khu dân cư hoặc chất thải rắn sản xuất cho các doanh nghiệp, xí nghiệp.

- CLO3: xử lý được các chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội của đất nước.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. Nguồn gốc, thành phần, tính chất của chất thải rắn</b> 1. Nguồn gốc phát sinh và phân loại chất thải rắn 2. Thành phần và tính chất của chất thải rắn	3	0	0	0		17
<b>Chương 2. Thu gom, vận chuyển và trung chuyển chất thải rắn</b> 1. Thu gom chất thải rắn 2. Trung chuyển và vận chuyển	3	2	0	3		17
<b>Chương 3. Thu hồi, tái chế, chất thải rắn</b> 1. Khái quát về thu hồi, tái chế chất thải rắn 2. Lợi ích của hoạt động thu hồi, tái chế 3. Thu hồi và tái chế chất dẻo 4. Tái chế và tái sử dụng giấy cacton 5. Thu hồi và tái chế các sản phẩm cao su 6. Thu hồi và tái chế các sản phẩm công nghiệp khác 7. Thu hồi năng lượng	3	4	0	3		17
<b>Chương 4. Xử lý chất thải rắn</b> 1. Phương pháp cơ học 2. Công nghệ sản xuất phân hữu cơ từ rác đô thị 3. Xử lý chất thải rắn bằng phương pháp nhiệt 4. Bãi chôn lấp chất thải rắn	3	4	0	2		25

<b>Chương 5. Chất thải rắn nguy hại</b> 1. Khái niệm chất thải rắn nguy hại 2. Thành phần của chất thải rắn nguy hại 3. Tính chất của chất thải rắn nguy hại 4. Thu gom, lưu trữ, vận chuyển Các phương pháp xử lý chất thải nguy hại	6	4	0	2		25
<b>Chương 6. Hiện trạng về quản lý và xử lý chất thải rắn tại Việt Nam</b> 1. Hệ thống quản lý chất thải rắn tại Việt Nam 2. Hiện trạng và thách thức của việc quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tại Việt Nam 3. Các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại tại Việt Nam.	6	4	0	2		17
<b>Chương 7: Hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý một số chất thải rắn phổ biến</b> 1. Chất thải rắn đô thị 2. Chất thải rắn sinh hoạt 3. Chất thải rắn nông thôn và làng nghề 4. Chất thải nhựa 5. Chất thải rắn y tế 6. Chất thải rắn công nghiệp	3	0	0	6		17
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>18</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	

5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

1) Nguyễn Văn Phước (2008), *Quản lý và xử lý chất thải rắn*, Nhà xuất bản xây dựng.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo:

1) Lê Thị Trinh, Vũ Thị Mai, *Quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường, 2010

2) Lâm Minh Triết - Lê Thanh Hải (2012), *Quản lý chất thải nguy hại*, Nhà xuất bản xây dựng

## 6.29. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ LÀNG NGHỀ/ Environmental Management of Agriculture, Rural area and Craft villages

- Số tín chỉ: 03 (27;18;18)

- Mã học phần: 125353

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Môi trường và CN

### 1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về: hiện trạng nông thôn Việt Nam, các vấn đề môi trường ở nông thôn, ô nhiễm làng nghề, chất thải rắn sinh hoạt, các chính sách

và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đối với công tác quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề, tác động của ô nhiễm môi trường nông thôn, các nguyên tắc trong quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề; các vấn đề chủ chốt về môi trường nông thôn và làng nghề ở tầm vĩ mô và đưa ra các giải pháp trong công tác quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề trong bối cảnh phát triển bền vững hiện nay. Qua học phần người học hình thành năng lực tư duy và phán đoán các tình huống trong công tác quản lý môi trường nông thôn và làng nghề; có năng lực quan sát và phân tích các vấn đề môi trường, giải quyết các vấn đề môi trường dựa trên điều kiện thực tiễn địa phương và tuân thủ theo nguyên tắc quản lý và công cụ quản lý.

## **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về: hiện trạng nông thôn Việt Nam, các vấn đề môi trường ở nông thôn, ô nhiễm làng nghề, chất thải rắn sinh hoạt, các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đối với công tác quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề, tác động của ô nhiễm môi trường nông thôn,..

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích các vấn đề môi trường chủ chốt; kỹ năng sử dụng các công cụ áp dụng cho quản lý môi trường nông thôn và làng nghề.

- CO3: Người học có kiến thức thực tế để xây dựng và áp dụng các biện pháp, chiến lược cụ thể trong công tác quản lý môi trường nông thôn và làng nghề cho từng địa phương cụ thể; có kỹ năng đề xuất các giải pháp phù hợp với từng khu vực nhằm bảo vệ môi trường và phát triển nền nông nghiệp bền vững.

- CO4: Người học có kỹ năng hợp tác làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các dự án về bảo vệ môi trường nông thôn và làng nghề hoặc trong công tác tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho người dân, ngăn chặn, xử lý những hành vi gây suy thoái, ô nhiễm môi trường tại nông thôn và làng nghề.

## **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ các nội dung cơ bản về: hiện trạng nông thôn Việt Nam, các vấn đề môi trường ở nông thôn, ô nhiễm làng nghề, chất thải rắn sinh hoạt, các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đối với công tác quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề, tác động của ô nhiễm môi trường nông thôn,..

- CLO2: Phân tích được các vấn đề môi trường chủ chốt; kỹ năng sử dụng các công cụ áp dụng cho quản lý môi trường nông thôn và làng nghề.

- CLO3: Đề xuất thiết kế, xây dựng và áp dụng các biện pháp, chiến lược cụ thể trong công tác quản lý môi trường nông thôn và làng nghề cho từng địa phương cụ thể.

- CLO4: Nhận thức tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường cho người dân, ngăn chặn, xử lý những hành vi gây suy thoái, ô nhiễm môi trường tại nông thôn và làng nghề.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Phát triển nông thôn và môi trường	3	2		0		19
Chương 2. Sức ép đối với môi trường nông thôn	4	2		2		19
Chương 3. Hiện trạng môi trường nông thôn, làng nghề	4	2		4		19
Chương 4. Tác động của ô nhiễm môi trường nông thôn, làng nghề	4	4		4		18
Chương 5. Quản lý môi trường nông thôn, làng nghề	4	2		2		20
Chương 6. Những vấn đề bức xúc về môi trường nông thôn, làng nghề	4	4		2		20
Chương 7. Công cụ áp dụng trong công tác quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề	4	2		4		20
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>		<b>18</b>		<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình, thực hành.

#### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1,CLO2	30%
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO3, CLO4	
4	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2, CLO3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2, CLO4	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên:**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Tài liệu tham khảo**

### ***8.1. Giáo trình/Bộ tài liệu bắt buộc***

(1) Bộ Tài nguyên và môi trường (2022), Báo cáo môi trường quốc gia năm 2021: Môi trường không khí (Thực trạng và giải pháp).

(2) Hồ Thị Lam Trà, Lương Đức Anh, Cao Trường Sơn (2012). Giáo trình Quản lý môi trường. Nhà xuất bản Đại học nông nghiệp Hà Nội

### ***8.2. Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo***

(1) Viện Môi trường Nông nghiệp, Bộ NN&PTNT: Báo cáo Tổng kết nhiệm vụ Lập báo cáo công tác BVMT ngành Nông nghiệp năm 2021.

(2) Đặng Kim Chi (chủ biên) (2014), Làng nghề Việt Nam và vấn đề môi trường, Phần 3, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

## **6.30. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP/Urban environment and industrial zones management**

- Số tín chỉ: 03 (27;18;18)

- Mã học phần: 125354

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Môi trường và con người

### **1. Mô tả học phần**

Học phần Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp cung cấp những kiến thức về: Khái niệm đô thị, KCN; lịch sử phát triển của các đô thị, KCN; các vấn đề môi trường của đô thị, KCN; các tiêu chí đánh giá chất lượng môi trường đô thị, KCN; các loại hình ô nhiễm đô thị, KCN; quản lý môi trường đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu; ngăn ngừa ô nhiễm công nghiệp; khu dân cư thân thiện môi trường, KCN thân thiện môi trường; Nhân sinh thái; mô hình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng; mô hình sản xuất tiêu thụ công nghiệp theo hướng sinh thái.

## **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về khái niệm đô thị, khu công nghiệp, sự phát sinh và phát triển của các đô thị, KCN; đặc điểm môi trường đô thị và KCN; nguyên nhân, các quá trình phát sinh, phát triển, hậu quả, mức độ nguy hiểm đối với con người, tác hại đến môi trường của các loại hình ô nhiễm đô thị, KCN, cũng như các hiểu biết cần thiết trong việc ứng xử và giải quyết các vấn đề môi trường ở đô thị, KCN; góp phần tham gia lồng ghép công tác quy hoạch, quyết định mang tính định hướng về chính sách quản lý môi trường, nhằm đảm bảo phát triển bền vững các đô thị và KCN.

- CO2: Kỹ năng đánh giá chất lượng môi trường, kỹ năng quan trắc và phân tích môi trường, kỹ năng quản lý môi trường tại đô thị và KCN nói riêng, tại các vùng lãnh thổ, địa phương nói chung.

- CO3: Kỹ năng lập báo cáo hiện trạng môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phát triển kinh tế, từ đó đề ra được những giải pháp, kiến nghị trong quản lý môi trường, phát triển bền vững.

- CO4: Kỹ năng hợp tác làm việc trong các dự án về môi trường của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ như dự án trồng rừng, duy trì bảo vệ hệ sinh thái, giáo dục cộng đồng và điều tra thực tế. Những kỹ năng này đặc biệt phù hợp với sinh viên chuyên ngành Địa lý học và đại học quản lý Tài nguyên môi trường.

## **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về đô thị, KCN; các vấn đề môi trường của đô thị, KCN; các tiêu chí đánh giá chất lượng môi trường đô thị, KCN; các loại hình ô nhiễm đô thị, KCN; quản lý môi trường đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu; ngăn ngừa ô nhiễm công nghiệp; khu dân cư thân thiện môi trường, KCN thân thiện môi trường; Nhân sinh thái và các mô hình quản lý môi trường.

- CLO2: Người học có kỹ năng đánh giá chất lượng môi trường, kỹ năng quan trắc và phân tích môi trường, kỹ năng quản lý môi trường tại đô thị và KCN nói riêng, tại các vùng lãnh thổ, địa phương nói chung.

- CLO3: Kỹ năng lập báo cáo hiện trạng môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phát triển kinh tế, từ đó đề ra được những giải pháp, kiến nghị trong quản lý môi trường, phát triển bền vững.

- CLO4: Kỹ năng hợp tác làm việc trong các dự án về môi trường của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ như dự án trồng rừng, duy trì bảo vệ hệ sinh thái, giáo dục cộng đồng và điều tra thực tế. Những kỹ năng này đặc biệt phù hợp với sinh viên chuyên ngành Địa lý học và đại học quản lý Tài nguyên môi trường.

- CLO5: Sinh viên có nhận thức đúng về quản lý môi trường đô thị và KCN. Có thái độ cầu thị, ham học hỏi, có ý thức trách nhiệm đối với môi trường ; ý thức bảo vệ môi trường đô thị và KCN trong quá trình phát triển kinh tế.

- CLO6: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến môi trường đô thị và KCN.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ</b> 1.1. Khái niệm đô thị 1.2. Khái niệm quản lý môi trường đô thị 1.3. Một số vấn đề môi trường cơ bản liên quan đến môi trường đô thị 1.4. Một số vấn đề môi trường mới liên quan đến đô thị hiện nay.	2	2		0		10
<b>Chương 2. TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM</b> 2.1. Ô nhiễm không khí đô thị 2.2. Chất thải rắn đô thị 2.3. Nước thải đô thị.	2	2		3		10
<b>Chương 3. KHU DÂN CƯ THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG</b> 3.1. Các khái niệm 3.2. Những lợi ích, cơ hội và thách thức khi phát triển mô hình khu dân cư hướng đến thân thiện môi trường 3.3. Hệ thống tiêu chí để đánh giá mức độ thân thiện môi trường của khu dân cư hiện hữu 3.4. Các giải pháp kỹ thuật bền vững áp dụng cho việc xây dựng mô hình khu dân cư hướng đến thân thiện môi trường. 3.5. Ví dụ về định hướng xây dựng mô hình dân cư thân thiện môi trường.	2	2		3		10
<b>Chương 4. MÔ HÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG</b> 4.1. Công cụ quản lý môi trường đô thị dựa vào cộng đồng 4.2. Vai trò và nhiệm vụ của cộng đồng trong quản lý và bảo vệ môi trường 4.3. Thiết kế mô hình quản lý và bảo vệ	2	2		2		10



<p>môi trường với sự tham gia của cộng đồng</p> <p>4.4. Nội dung hoạt động chính của chương trình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng</p> <p>4.5. Giới thiệu các giải pháp tuyên truyền vận động, các hình thức về vệ sinh môi trường</p> <p>4.6. Ví dụ mô hình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng.</p>						
<p><b>Chương 5. MÔ HÌNH SẢN XUẤT TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SINH THÁI Ở KHU VỰC NÔNG THÔN ĐÔ THỊ</b></p> <p>5.1. Sự cần thiết xây dựng mô hình sản xuất theo hướng sinh thái khép kín tại các hộ sản xuất ở khu vực nông thôn đô thị</p> <p>5.2. Đánh giá sự phù hợp trong áp dụng kỹ thuật sinh thái cho các hộ sản xuất quy mô nhỏ tại khu vực nông thôn trong đô thị</p> <p>5.3. Mô hình sản xuất tiêu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái ít chất thải quy mô hộ gia đình tại khu vực nông thôn đô thị</p> <p>5.4. Ví dụ đề xuất mô hình sản xuất theo hướng sinh thái.</p>	2	2		2		10
<p><b>Chương 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ RỦI RO VÀ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUẢN LÝ CHẤT THẢI ĐÔ THỊ</b></p> <p>6.1. Quản lý sự cố môi trường đô thị liên quan đến rò rỉ, tràn chất thải nguy hại</p> <p>6.2. Quản lý sự cố môi trường đô thị liên quan đến nước thải</p> <p>6.3. Giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tràn đổ chất thải nguy hại dạng lỏng trong quá trình vận chuyển bằng đường bộ trong đô thị</p> <p>6.4. Giải pháp phòng ngừa SCMT khi hư hỏng thiết bị xử lý CTNH gây tràn đổ</p>	2	2		2		10

lượng lớn CTNH dạng lỏng ra đường sông khu vực đô thị 6.5. Quản lý sự cố môi trường đô thị liên quan đến khí thải.					
<b>Chương 7. QUẢN LÝ KHÍ NHÀ KÍNH TRONG ĐÔ THỊ</b> 7.1. Tổng quan về nguồn gốc phát sinh KNK 7.2. Tiềm năng phát thải KNK của các lĩnh vực 7.3. Phát thải KNK trên thế giới và tại Việt Nam 7.4. Các phương pháp tính phát thải khí nhà kính 7.5. Các phương pháp giảm thiểu phát thải KNK	2	2		2	15
<b>Chương 8. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TRONG ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b> 8.1. Các khái niệm có liên quan đến biến đổi khí hậu 8.2. Nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu 8.3. Các kịch bản biến đổi khí hậu 8.4. Các tác động của biến đổi khí hậu 8.5. Giải pháp quản lý môi trường đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu 8.6. Lồng ghép biến đổi khí hậu trong quản lý môi trường đô thị 8.7. Phương pháp đánh giá, xác định thứ tự ưu tiên, các chương trình dự án lồng ghép biến đổi khí hậu.	2	2		2	15
<b>Chương 9. TỔNG QUAN VỀ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM CÔNG NGHIỆP</b> 9.1. Ngăn ngừa ô nhiễm công nghiệp 9.2. Các giải pháp thực hiện IPP 9.3. Các bước thực hiện IPP 9.4. Các kỹ thuật và hệ thống có thể áp dụng để đạt được IPP 9.5. Một số chương trình IPP ở các nước trên thế giới.	2	2		2	15

<b>Chương 10. KHU CÔNG NGHIỆP THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG</b> 10.1. Tổng quan về khu công nghiệp thân thiện môi trường 10.2. Những tiêu chí để xây dựng khu công nghiệp thân thiện môi trường 10.3. Những đặc trưng của các giải pháp kỹ thuật để xây dựng khu công nghiệp thân thiện môi trường.	3	3		3		10
<b>Chương 11. NHÂN SINH THÁI</b> 11.1. Giới thiệu chung về nhân sinh thái 11.2. Phân loại nhân sinh thái 11.3. Xây dựng tiêu chí chung để đánh giá tiềm năng áp dụng nhân sinh thái.	3	3		3		10
<b>Chương 12. QUẢN LÝ CÁC NGUỒN PHÁT THẢI HỢP CHẤT HỮU CƠ BỀN KHÔNG CHỦ ĐỊNH TRONG ĐÔ THỊ</b> 12.1. Khái niệm về hợp chất ô nhiễm hữu cơ bền (POPs) 12.2. Nguyên tắc giảm thiểu phát thải PCDD/PCDF từ các nguồn không chủ định 12.3. Các giải pháp ngăn ngừa phát thải hợp chất POPs không chủ định.	3	3		3		10
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>		<b>18</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2, 3, 4	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3, 4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5, 6	

4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6	
5	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3, 4	
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3, 4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành... (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

[1]. Lê Thanh Hải, Giáo trình Quản lý môi trường đô thị, 2016. NXB ĐH Quốc gia TP. HCM

[2]. Lê Thanh Hải, Giáo trình Quản lý môi trường công nghiệp, 2017. NXB ĐH Quốc gia TP. HCM

#### 8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Phạm Ngọc Đăng, Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp, 2011. NXB Xây dựng.

[2]. Phạm Ngọc Đăng. Môi trường không khí. NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội, 1997

[3]. Nguyễn Văn Cư. Bảo vệ môi trường và tài nguyên nước. Tập bài giảng dùng cho Nghiên cứu sinh ngành thủy sản – môi trường Hà Nội 1996.

## **6.31. KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG/ RESOURCES AND ENVIRONMENTAL ECONOMICS**

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18)
- Mã số học phần: 125276
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần kinh tế môi tài nguyên và môi trường trang bị các kiến thức về khái niệm kinh tế tài nguyên và môi trường trong đó đề cập đến việc quản lý môi trường thông qua các biện pháp kinh tế, các biện pháp giảm nhẹ ô nhiễm, các giải pháp lựa chọn để tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp và giảm nhẹ gánh nặng khắc phục môi trường cho nhà nước; Cơ sở tính thuế, khả năng áp dụng việc tính thuế và việc tính phí môi trường đối với một số chất gây ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước ở Việt Nam.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về quản lý môi trường thông qua các biện pháp kinh tế, các biện pháp giảm nhẹ ô nhiễm, các giải pháp lựa chọn để tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp và giảm nhẹ gánh nặng khắc phục môi trường cho nhà nước;

- CO2: Người học có kỹ năng phân biệt được các biện pháp kinh tế dùng trong quản lý môi trường, đề xuất được những giải pháp hiệu quả để tối thiểu chi phí trong khắc phục ô nhiễm của toàn xã trong một công ty gây ô nhiễm cụ thể. Linh hoạt sử dụng các công cụ đó khi quản lý môi trường trong phạm vi cụ thể; Nhận diện được những vấn đề môi trường địa phương gặp phải, hiểu rõ các quy định về pháp luật trong quản lý môi trường.

- CO3: Người học ý thức được vai trò của các công cụ kinh tế trong kiểm soát ô nhiễm môi trường.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về các công cụ kinh tế sử dụng trong quản lý môi trường như thuế môi trường, phí môi trường, cota ô nhiễm...

- CLO2: Xây dựng được những giải pháp hiệu quả để tối thiểu chi phí trong khắc phục ô nhiễm của toàn xã trong một công ty gây ô nhiễm cụ thể

- CLO3: Đánh giá tính khả thi trong áp dụng việc tính thuế và việc tính phí môi trường đối với một số chất gây ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước ở Việt Nam.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, bảo vệ môi trường đất nước.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. Kinh tế vi mô và kinh tế môi trường</b> 1.1. Tổng quan về kinh tế học vi mô 1.2. Sự ra đời và phát triển của kinh tế môi trường 1.3. Mối quan hệ giữa hệ thống kinh tế và môi trường 1.4. Nền kinh tế bền vững	2	0	0	0		20
<b>Chương 2. Kinh tế ô nhiễm</b> 2.1. Mức ô nhiễm tối ưu 2.2. Ô nhiễm tối ưu và thị trường 2.3. Thuế ô nhiễm và ô nhiễm tối ưu 2.4. Tiền phạt ô nhiễm và quyền sở hữu 2.5. Các biện pháp kinh tế để giảm nhẹ ô nhiễm 2.6. Tiêu chuẩn môi trường, thuế và tiền trợ cấp 2.7. Côta ô nhiễm (giấy phép được thải) 2.8. Đo đạc tổn thất môi trường	10	0	08	0		20
<b>Chương 3. Kinh tế tài nguyên</b> 3.1. Tài nguyên tái tạo được 3.2. Sự tuyệt chủng các loài	06	06	0	0		30
<b>Chương 4. Các công cụ kinh tế và khả năng áp dụng giải quyết các vấn đề môi trường</b> 4.1. Thu phí/thuế môi trường 4.2. Những vấn đề nảy sinh trong việc xác lập thuế	04	04	0	02		30
<b>Chương 5. Khả năng áp dụng thu phí ô nhiễm môi trường trong điều kiện Việt Nam</b> 5.1. Đối tượng phải nộp phí môi trường 5.2. Cơ sở tính phí môi trường 5.3. Phương pháp xác định mức phí 5.4. Khả năng xác định phí một số chất gây ô nhiễm môi trường nước và không khí ở Việt Nam 5.5. Nghị định 67/2003/NĐ- CP của chính phủ về thu phí nước thải.	05	0	0	16		35
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>10</b>	<b>8</b>	<b>18</b>		<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

\* **Giáo trình bắt buộc:**

1) Hoàng Xuân Cơ (2006), *Kinh tế môi trường* NXB Giáo Dục Việt Nam.

**\* Tài liệu tham khảo:**

- 1) Lưu Đức Hải, (2009) *Cẩm nang quản lý môi trường*, NXB Giáo dục.
- 2) Phạm Văn Nhật (chủ biên), 2013, *Giáo trình kinh tế môi trường*, NXB Tài chính.

**6.32. THANH TRA TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG/ Environmental Auditing**

- Số tín chỉ: 03 (27;18;18)
- Mã học phần: 125236
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: không

**1. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm kiến thức về những quy định chung của hoạt động thanh tra, nội dung cơ bản của thanh tra tài nguyên và môi trường; các vấn đề của hoạt động thanh tra ở một số lĩnh vực như đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, bảo vệ môi trường và một số biểu mẫu sử dụng trong công tác thanh tra tài nguyên và môi trường. Qua đó, người học có thể hiểu, vận dụng được những kiến thức liên quan đến hoạt động thanh tra tài nguyên và môi trường; nhận thức đúng đắn các vấn đề còn tồn tại trong công tác thanh tra tài nguyên môi trường; thực hành và sử dụng đúng các biểu mẫu liên quan.

**2. Mục tiêu học phần**

- CLO1: Người học có kiến thức cơ bản về thanh tra tài nguyên và môi trường như các khái niệm thanh tra, thanh tra tài nguyên môi trường, các nội dung thanh tra, các tổ chức, nguyên tắc, hình thức, phương thức thanh tra; nhiệm vụ và quyền hạn của thanh tra Tài nguyên và Môi trường; một số vấn đề cụ thể như giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai,....

- CLO2: Người học có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu các tài liệu, VBPL có liên quan; nhận diện được các VPHC, có thể tham vấn, tư vấn cho người dân trong những tình huống đơn giản.

- CLO3: Người học có kỹ năng giải thích, thuyết trình, đàm phán thông qua việc tham gia vào công tác thanh tra TNMT như giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; hòa giải đất đai; thông thạo kỹ năng viết một số biểu mẫu trong lĩnh vực thanh tra TNMT.

- CLO4: Người học thái độ đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của công tác thanh tra TNMT; có ý thức chấp hành pháp luật; luôn tích cực chủ động trong việc phát hiện, xử lý VPHC trong lĩnh vực TNMT.

**3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Trình bày được các khái niệm thanh tra, thanh tra tài nguyên môi trường, các nội dung thanh tra, các tổ chức, nguyên tắc, hình thức, phương thức thanh tra; nhiệm vụ và quyền hạn của thanh tra Tài nguyên và Môi trường

- CLO2: Nghiên cứu, phân tích các tài liệu, văn bản pháp luật có liên quan đến thanh tra tài nguyên và môi trường; tham vấn, tư vấn về các vấn đề liên quan.



- CLO3: Thuyết trình, đàm phán, hỗ trợ điều phối trong quá trình xử lý các khiếu nại, tố cáo, hoà giải về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- CLO4: Nhận thức đúng trách nhiệm, vai trò, ý nghĩa của công tác thanh tra TNMT, thực hiện đúng pháp luật của nhà nước liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những quy định chung về hoạt động thanh tra	3	2	0			15
Chương 2. Những quy định chung về thanh tra Tài nguyên và Môi trường	3	2	0			15
Chương 3. Tổ chức của thanh tra Tài nguyên và Môi trường	3	2	2			15
Chương 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của thanh tra Tài nguyên và Môi trường	3	2	2			15
Chương 5. Hoạt động của thanh tra Tài nguyên và Môi trường	3	2	2			15
Chương 6. Thanh tra về lĩnh vực đất đai	4	3	4			20
Chương 7. Thanh tra về lĩnh vực bảo vệ môi trường	5	3	4			20
Chương 8. Thanh tra về các lĩnh vực khác	3	2	4			20
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>18</b>			<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình, thực hành.

#### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1,CLO2	30%
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO3, CLO4	
4	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2, CLO3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2, CLO3	20%

<b>III. Thi cuối kì (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kì và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên

## **8. Tài liệu tham khảo**

### **8.1. Tài liệu bắt buộc**

- (1) Luật Bảo vệ Môi trường 2020
- (2) Nghị định Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường của Chính phủ, Số: 35/2009/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2009

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

- (1) Luật Thanh tra 2010, 2020.
- (2) Luật Tài nguyên nước 2018.
- (3) Luật Đất đai 2023.
- (4) Luật Đa dạng sinh học 2018.
- (5) Luật Thủy sản 2017.

## **6.33. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/ENVIRONMENTAL IMPACT ASSESSMENT**

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18)
- Mã số học phần: 125192
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần đánh giá tác động môi trường trang bị các kiến thức về: khái niệm đánh giá tác động môi trường, các hình thức đánh giá tác động môi trường; nội dung, trình tự thực hiện, cấu trúc báo cáo bản cam kết BVMT, ĐTM, ĐMC; Các phương pháp sử dụng trong đánh giá tác động môi trường; Đánh giá các tác động môi trường nước, đất, không khí, tài nguyên sinh vật, xã hội và rủi ro.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về đánh giá tác động môi trường, các hình thức đánh giá tác động môi trường từ đó có thể vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề liên quan đến đánh giá tác động môi trường như tác động môi trường tự nhiên của dự án, tác động môi trường xã hội, lập các báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- CO2: Người học có kỹ năng phân biệt được các đối tượng phải lập bản cam kết BVMT, đánh giá tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược; ứng dụng hiệu quả các phương pháp sử dụng trong đánh giá tác động môi trường vào việc đánh giá một dự án cụ thể cũng như thực hiện các nghiên cứu khoa học khác; Lập kế hoạch, đề cương, viết báo cáo bản cam kết BVMT, ĐTM một dự án cụ thể, đánh giá môi trường chiến lược.

- CO3: Người học ý thức được tầm quan trọng của công tác đánh giá tác động môi trường trong sự phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường.

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về đánh giá tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược và bản cam kết bảo vệ môi trường...phân biệt các đối tượng phải lập các báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược và bản cam kết bảo vệ môi trường. Từ đó vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Ứng dụng hiệu quả các phương pháp sử dụng trong đánh giá tác động môi trường vào việc đánh giá một dự án cụ thể cũng như thực hiện các nghiên cứu khoa học khác.

- CLO3: Lập kế hoạch, đề cương, viết báo cáo bản cam kết BVMT, ĐTM một dự án cụ thể, đánh giá môi trường chiến lược.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội của đất nước.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Giới thiệu chung về đánh giá tác động môi trường 1.1. Những vấn đề chung về ĐTM 1.1.1. Lịch sử phát triển ĐTM	3	0	0	0		20

<p>1.1.2. Định nghĩa đánh giá tác động môi trường</p> <p>1.1.3. Mục đích của ĐTM</p> <p>1.1.4. Ý nghĩa của ĐTM</p> <p>1.1.5. Phân loại đánh giá tác động môi trường</p> <p>1.2. Các hình thức đánh giá môi trường</p> <p>1.2.1. Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)</p> <p>1.2.2. Đánh giá tác động môi trường (ĐTM)</p> <p>1.2.3. Cam kết bảo vệ môi trường (CKBVMT)</p>						
<p>Chương 2. Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và đánh giá tác động môi trường chiến lược.</p> <p>2.1. Các bước thực hiện bản cam kết bảo vệ môi trường</p> <p>2.1.1. Lập bản cam kết bảo vệ môi trường (CKBVMT)</p> <p>2.1.2. Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường</p> <p>2.1.3. Xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường</p> <p>2.1.4. Gửi hồ sơ xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường</p> <p>2.2. Các bước thực hiện ĐTM</p> <p>2.2.1. Lược duyệt</p> <p>2.2.2. Xác định mức độ, phạm vi đánh giá.</p> <p>2.2.3. Lập báo cáo ĐTM chi tiết và đầy đủ</p> <p>2.2.4. Tham vấn cộng đồng trong ĐTM</p> <p>2.2.5. Thẩm định báo cáo ĐTM</p> <p>2.2.6. Quản lí và giám sát môi trường</p> <p>2.3. Đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>2.3.1. Giới thiệu chung</p> <p>2.3.2. Lợi ích của việc đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>2.3.3. Ứng dụng</p> <p>2.3.4. ĐMC ở Việt Nam</p>	12	6	0	6		40
<p>Chương 3: Các phương pháp sử dụng trong đánh giá tác động môi trường</p> <p>3.1. Phương pháp danh mục các điều kiện môi trường</p>	6	4	0	4		40

3.1.1. Phương pháp danh mục các câu hỏi 3.1.2. Phương pháp danh mục có ghi trọng số 3.2. Phương pháp ma trận 3.2.1. Ma trận đơn giản 3.2.1. Ma trận định lượng 3.3. Phương pháp chồng ghép bản đồ 3.4. Phương pháp phân tích chi phí- lợi ích mở rộng 3.4.1. Giá trị lợi nhuận hiện tại 3.4.2. Suất lợi nhuận hoặc tỷ suất lợi ích chi phí						
Chương 4. Đánh giá các tác động đến chất lượng môi trường 4.1. Đánh giá tác động đến môi trường nước 4.2. Đánh giá các tác động đến môi trường không khí 4.3. Đánh giá tác động đến môi trường đất 4.4. Đánh giá tác động đến môi trường xã hội 4.5. Đánh giá tác động đến tài nguyên sinh vật 4.6. Đánh giá và quản lý rủi ro môi trường	6	8	0	6		35
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>18</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	

<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.4

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### \* *Giáo trình bắt buộc:*

1) Phạm Ngọc Hồ, Hoàng Xuân Cơ (2010), *Đánh giá tác động môi trường*, NXB Quốc gia Hà Nội, 2001.

#### \* *Tài liệu tham khảo:*

1) Nguyễn Đình Mạnh (2008), *Đánh giá tác động môi trường*, NXB Nông nghiệp

2) Đặng Văn Minh (2013), *Đánh giá tác động môi trường*, NXB Nông nghiệp.

## 6.34. QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG/ENVIRONMENT PLANNING

- Số tín chỉ: 03 (27;18;18)

- Mã học phần: 125050

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

### 1. Mô tả học phần

Học phần Quy hoạch môi trường bao gồm những nội dung về khái niệm cơ bản về quy hoạch môi trường (QHMT), nội dung QHMT, phương pháp đánh giá trong QHMT, QH phòng ngừa ô nhiễm môi trường, QHMT khu vực,..; phân tích các vấn đề môi trường chủ chốt; các công cụ, các phương pháp đánh giá áp dụng cho QHMT. Từ đó, người học có thái độ đúng đắn trong việc tham gia QHMT ở các phạm vi quy mô khác nhau. Học phần hình thành cho người học năng lực tư duy và phán đoán các tình huống trong công tác QHMT; năng lực quan sát và phân tích các vấn đề môi trường,

giải quyết các vấn đề môi trường dựa trên điều kiện thực tiễn địa phương và tuân thủ theo nguyên tắc QHMT và đảm bảo quy trình QHMT phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương ở từng giai đoạn cụ thể.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về: Các khái niệm cơ bản về quy hoạch môi trường (QHMT), nội dung QHMT, phương pháp đánh giá trong QHMT, QH phòng ngừa ô nhiễm môi trường, QHMT khu vực.

- CO2: Người học phân tích được các vấn đề môi trường chủ chốt; các công cụ, các phương pháp đánh giá áp dụng cho QHMT và vận dụng vào tình hình thực tiễn địa phương.

- CO3: Người học có kiến thức thực tế để xây dựng và áp dụng các biện pháp, chiến lược cụ thể trong công tác QHMT cho từng vùng hoặc từng địa phương cụ thể.

CO4: Người học có kỹ năng hợp tác làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các dự án về QHMT hay QHBVMT và có thái độ đúng đắn trong việc tham gia QHMT ở các phạm vi quy mô khác nhau.

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được những khái niệm cơ bản về QHMT, đặc điểm, nguyên tắc, quy trình QHMT, cơ sở pháp lý và vị trí của QHMT.

- CLO2: Hiểu rõ, phân tích và vận dụng được các nội dung QHMT như điều tra, đánh giá điều kiện môi trường, đánh giá tác động môi trường, đánh giá phương án, thiết kế và quản lý QHMT.

- CLO3: Nhận biết các vấn đề pháp lý, mục tiêu sinh thái, các khu vực nhạy cảm môi trường, đa dạng sinh học,... trong quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch bảo vệ tài nguyên môi trường trên thế giới và Việt Nam.

- CLO4: Hiểu và phân tích được các vấn đề liên quan đến quy hoạch phòng ngừa ô nhiễm môi trường và quy hoạch môi trường khu vực.

- CLO5: Nhận thức đúng về quy trình QHMT, từ đó có thái độ đúng đắn trong việc tham gia QHMT ở các phạm vi quy mô khác nhau.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những khái niệm cơ bản về quy hoạch môi trường	3	2		0		25
Chương 2. Nội dung quy hoạch môi trường	4	3		4		20
Chương 3. Các phương pháp đánh giá trong quy hoạch môi trường	6	2		3		25
Chương 4. Sử dụng đất và quy hoạch bảo vệ tài nguyên môi trường	6	4		6		25

Chương 5. Quy hoạch phòng ngừa ô nhiễm môi trường	4	4		5		20
Chương 6. Quy hoạch môi trường khu vực	4	3				20
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>		<b>18</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình, thực hành.

### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1,CLO2	30%
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO3, CLO4, CLO5	
4	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2, CLO4	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2, CLO3, CLO2	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu



## **8. Tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

[1]. Vũ Quyết Thắng (2007), *Quy hoạch môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

[2]. *Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam 2020*

[3]. *Luật đất đai 2023*

[4]. *Luật đất đai 2013*

[5]. Hoàng Thị Mỹ Hương (2015), *Bài giảng Quy hoạch môi trường*

## **6.35. THỰC TẾ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG / SURVEY OF RESOURCES AND ENVIRONMENTAL MANAGEMENT**

- Số tín chỉ: 02 (3; 9; 45)

- Mã học phần: 125109

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần quản lý TN và MT

### **1. Mô tả học phần**

Học phần Thực tế công tác quản lý tài nguyên và Môi trường cung cấp các kiến thức về công tác quản lý tài nguyên và môi trường. Người học đi khảo sát, nghe báo cáo thực tế tại một số điểm được lựa chọn tại một số tỉnh miền Trung : Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, viết báo cáo thực địa.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Học phần nhằm mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học, phân tích được các kiến thức lý luận về công tác quản lý tài nguyên và môi trường; Phân tích đặc điểm, thực trạng tình hình công tác quản lý tài nguyên và môi trường ở một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề ở Việt nam; Phân tích được những ảnh hưởng của các hoạt động ở các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề đến tài nguyên, môi trường.

- CO2: SV có kỹ năng tư duy logic, tổng hợp, phân tích các vấn đề về tài nguyên môi trường ở một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề một cách chính xác, khách quan, khoa học; Hoàn thiện kỹ năng học và tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo về một vấn đề trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường; SV có kỹ năng tự tìm kiếm và lựa chọn những vấn đề nghiên cứu về công tác quản lý tài nguyên và môi trường.

- CO3: Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước; có ý thức trách nhiệm công dân đối với tài nguyên, môi trường của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ và trình bày được: vai trò, đặc điểm hoạt động của một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề Việt Nam...; Tóm tắt và so sánh được các lý

thuyết về công tác quản lí tài nguyên và môi trường từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn.

- CLO2: Người học hiểu và phân tích, đánh giá được hiện trạng và xu hướng phát triển một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề Việt Nam; những ảnh hưởng của nó đến các vấn đề tài nguyên, môi trường và công tác quản lí tài nguyên môi trường tại đây.

- CLO3: Vẽ biểu đồ, sơ đồ; đọc atlas Địa lí; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian.

- CLO4: Có năng lực hiểu rõ những nguyên tắc của công tác quản lí tài nguyên và môi trường, có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất được các giải pháp cần thiết; hình thành ý thức trách nhiệm đối với công tác quản lí tài nguyên và môi trường của quê hương, đất nước.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến công tác quản lí tài nguyên và môi trường.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p><b>Nội dung 1. Công tác tổ chức (phân nhóm, đoàn,...), chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đợt thực tế</b></p> <p>1. Công tác tổ chức chung.            2. Chuẩn bị phương tiện đi thực địa, điều kiện nghỉ ngơi cho toàn đợt thực tế.            3. Dự trù kinh phí cho mỗi sinh viên.            4. Phối hợp với Quản lí SV,CVHT, ban cán sự lớp chuẩn bị cơ sở vật chất.            5. Các vấn đề cần chú ý khi đi thực tế.</p>	1	6		0		10
<p><b>Nội dung 2: Tập huấn các nội dung cần thiết phục vụ cho đợt thực tế</b></p> <p>1. Giới thiệu và nêu các nhiệm vụ của SV.            2. Giới thiệu các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho đợt thực tế.            3. Tập huấn các nội dung thiết yếu phục vụ cho đợt thực tế.            3.1. Địa lí một số tỉnh thành phố</p>	2	3		0		20

(nguồn lực cơ bản, ngành SX chuyên môn hóa, trung tâm kinh tế) 3.2. Thực trạng môi trường và công tác quản lí tài nguyên và môi trường tại một số tỉnh thành phố. 3.3. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn 4. Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch thực tế.						
<b>Nội dung 3: Thực hành, thực tế</b> 1. Thực tế tại bãi biển Cửa Lò, đánh giá giá trị nổi bật về môi trường và công tác quản lí tài nguyên và môi trường tại Cửa Lò. 2. Thực tế Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha-Kẻ Bàng, nghe báo cáo của Trung tâm Văn hóa và Du lịch sinh thái. 3. Tham quan Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng và thu thập tài liệu thực tế về Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng. 4. Nghe báo cáo và thu thập tài liệu của Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế, tham quan các Di sản văn hoá thế giới Cố đô Huế: Lăng Khải Định, Lăng Tự Đức, Đại nội. 5. Quan sát và thu thập tài liệu về các khu công nghiệp, đô thị từ Huế đến Đà Nẵng . 6. Tham quan một số thắng cảnh của TP Đà Nẵng, làng nghề chạm khắc đá Ngũ Hành Sơn, khu Bảo tồn thiên nhiên Bà Nà-Núi chúa, vịnh Đà Nẵng. 7. Tham quan thực tế Đô thị cổ hội An. 8. Thực tế Di sản thế giới Mỹ Sơn. 9. Thực tế các thắng cảnh của TP Quy Nhơn 10. Thực tế thắng cảnh TP Nha Trang, nghe báo cáo MT biển của Viện HD 11. Tổng hợp, phân tích tài liệu tham quan, khảo sát. 12. Viết báo cáo thực tế	0	0	48	60		
<b>Tổng</b>	<b>03</b>	<b>9</b>	<b>48</b>	<b>90</b>		

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (0)</b>				
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (0)</b>				
<b>III. Viết báo cáo thực tế (01)</b>				
1	Báo cáo thực tế	Rubric báo cáo	CLO1,2,3,4,5	100%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy định thực địa
- Báo cáo được đánh máy hoặc viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài làm, mỗi SV viết một báo cáo thực tế để nộp
- Chuẩn bị bài trước khi đi thực địa theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Giáo viên có thể thưởng điểm cho sinh viên có nhiều đóng góp cho đợt thực tế (cung cấp tài liệu, chuẩn bị cơ sở vật chất cho đoàn...). Điểm thưởng cộng vào điểm Báo cáo thực địa.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

1) Phạm Ngọc Đăng, Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp, 2011. NXB Xây dựng.

### 8.2. Giáo trình tham khảo

1) Lê Thông – Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên), 2012, *Việt Nam các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2) Lê Thanh Hải, Giáo trình Quản lý môi trường đô thị, 2016. NXB ĐH Quốc gia TP. HCM

2) Lê Thanh Hải, Giáo trình Quản lý môi trường công nghiệp, 2017. NXB ĐH Quốc gia TP. HCM

## 6.36. Chọn 1/2 học phần:

### 36a. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN KHÍ HẬU, KHÍ TƯỢNG/ Climate and meteorology resource management

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18)
- Mã học phần: 125234
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Địa lí tự nhiên đại cương

## 1. Mô tả học phần

Học phần Quản lý tài nguyên khí hậu khí, tương bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khí quyển của Trái đất; nguồn gốc, thành phần và cấu trúc khí quyển; bức xạ Mặt trời; các quá trình biến đổi bức xạ Mặt trời trong khí quyển và trên bề mặt đất; các quá trình khí quyển; khí hậu, thời tiết và dự báo thời tiết; các yếu tố của thời tiết, khí hậu (nhiệt độ, gió và độ ẩm) và sự biến thiên của chúng trong không gian, thời gian; các quy luật phân hóa khí hậu chung trên Trái đất; Biến đổi khí hậu; các đới và các kiểu khí hậu trên Trái đất; dự báo và quản lý tài nguyên khí hậu, khí tượng.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu được những vấn đề chung về nguồn gốc, thành phần và cấu trúc khí quyển; bức xạ Mặt trời; các quá trình biến đổi bức xạ Mặt trời trong khí quyển và trên bề mặt đất; các yếu tố của thời tiết, khí hậu (nhiệt độ, gió và độ ẩm) và sự biến thiên của chúng trong không gian, thời gian; các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất; Hiểu rõ sự biến đổi khí hậu đang diễn ra trên Trái đất.

- CO2: Người học vận dụng được những kiến thức về các đại lượng đặc trưng của khí hậu, khí tượng và phương pháp quan sát các đại lượng này để đưa ra những nhận định, dự báo về thời tiết; cách quan trắc và các điều kiện của dự báo thời tiết; các giải pháp phòng chống thiên tai do thời tiết, khí hậu đem lại.

- CO3: Người học biết vận dụng các phương pháp nghiên cứu khí hậu, khí tượng, các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống: sử dụng các dụng cụ quan trắc khí tượng, thủy văn.

- CO4: Có khả năng quan sát khí tượng (mây, gió, nhiệt độ) đưa ra các dự báo về thời tiết; Có khả năng đưa ra giải pháp, đề xuất trong quản lý và khai thác hiệu quả tài nguyên khí hậu, phòng chống các loại thiên tai do biến đổi khí hậu mang lại.

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được những vấn đề chung về nguồn gốc, thành phần và cấu trúc khí quyển; bức xạ Mặt trời; các quá trình biến đổi bức xạ Mặt trời trong khí quyển và trên bề mặt đất; các yếu tố của thời tiết, khí hậu (nhiệt độ, gió và độ ẩm) và sự biến thiên của chúng trong không gian, thời gian; các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất; Hiểu rõ sự biến đổi khí hậu đang diễn ra trên Trái đất.

- CLO2: Có kỹ năng quan sát khí tượng (mây, gió, nhiệt độ) đưa ra các dự báo về thời tiết; Có khả năng đưa ra những giải pháp, đề xuất trong quản lý và khai thác hiệu quả tài nguyên khí hậu, phòng chống các loại thiên tai do biến đổi khí hậu mang lại.

- CLO3: Vận dụng được những kiến thức về các đại lượng đặc trưng của khí hậu, khí tượng và phương pháp quan sát các đại lượng này để đưa ra những nhận định, dự báo về thời tiết; cách quan trắc và các điều kiện của dự báo thời tiết; các giải pháp phòng chống thiên tai do thời tiết, khí hậu đem lại.

- CLO4: Biết vận dụng các phương pháp nghiên cứu khí hậu, khí tượng, các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống: sử dụng các dụng cụ quan trắc khí tượng, thủy văn.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến phương pháp dạy học Địa lí.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1- Các vấn đề chung</b> 1. Khái niệm về khí quyển, thời tiết, khí hậu 2. Nguồn gốc và đặc điểm phân bố của khí quyển 3. Sự phát triển của khí quyển 4. Thành phần và cấu tạo khí quyển 5. Thời tiết và khí hậu 5.1-Khái niệm về thời tiết và khí hậu 5.2. Các nhân tố hình thành khí hậu.5.3-Quan trắc khí tượng, khí hậu và dự báo thời tiết 5.4-Lịch sử hình thành, phát triển khoa học khí tượng, khí hậu trên thế giới và Việt Nam.	3	2				15
<b>Chương 2- Bức xạ Mặt Trời và cân bức xạ</b> 1-Khái niệm chung về bức xạ 2. Bức xạ Mặt Trời 2.1-Hằng số Mặt Trời 2.2- Bức xạ Mặt Trời bị suy yếu do khí quyển 3- Bức xạ Mặt Trời đến bề mặt đất 4-Cân bằng nhiệt của bề mặt đất	3	2				15
<b>Chương 3-Nhiệt độ</b> 1. Chế độ nhiệt của khí quyển 2.Biến trình ngày của nhiệt độ không khí. 3. Biến trình năm của nhiệt độ không khí. 4. Sự thay đổi nhiệt độ của không khí theo chiều thẳng đứng.	3	2		3		15

5. Phân bố nhiệt độ không khí trên bề mặt đất 6. Các vòng đai nhiệt						
<b>Chương 4- Nước trong khí quyển</b> 1. Khái niệm chung 2. Các đại lượng đặc trưng của hơi nước 3. Sự bốc hơi và biến trình của độ ẩm không khí 4. Hạt nhân ngưng kết 5. Các sản phẩm ngưng kết 6. Mưa khí quyển ( <i>nước rơi</i> )	3	2		3		15
<b>Chương 5- Khí áp và gió</b> 1. Khí áp 2. Gió, khối khí, fron 2.1-Gió 2.2-Khối khí 2.3-Fron 3-Hoàn lưu khí quyển	3	2				15
<b>Chương 6- Khí hậu. Phân loại và phân đới khí hậu</b> 1. Thời tiết và khí hậu 2. Phân loại khí hậu của Kopen 3. Phân loại khí hậu B.P.Alixov 4. Các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất	2	2				15
<b>Chương 7- Biến đổi khí hậu Trái đất</b> 1. Một số khái niệm về biến đổi khí hậu 2. Nguyên nhân của biến đổi khí hậu 3. Biểu hiện của biến đổi khí hậu 4. Kịch bản biến đổi khí hậu 5. Các loại hình thời tiết đặc biệt và thiên tai 6. Ứng phó với biến đổi khí hậu	3	2				15
<b>Chương 8- Quản lí và khai thác tài nguyên khí hậu, khí tượng</b> 1. Các yếu tố và điều kiện của dự báo khí tượng, khí hậu 2. Các phương pháp quan trắc và dự báo thời tiết	3	2				15

3. Các dụng cụ quan sát, quan trắc thời tiết, khí hậu 4. Dự báo thời tiết 5. Quản lí và khai thác tài nguyên khí hậu, khí tượng.					
<b>Chương 9: Thực hành quan sát và sử dụng các dụng cụ quan trắc thời tiết, khí hậu</b> 1. Quan sát các đại lượng thời tiết: mây, gió, độ ẩm, ánh sáng 2. Cấu tạo, công dụng của các dụng cụ quan trắc khí tượng. 3. Sử dụng các dụng cụ, đo đạc và xử lý số liệu quan trắc khí tượng. 4. Sắp xếp thiết bị quan trắc và trình tự quan trắc các yếu tố thời tiết trong vườn khí tượng. 5. Thu tín hiệu vệ tinh và dự báo thời tiết. 6. Phân tích các bản đồ: bức xạ, nhiệt độ không khí, khí áp, gió và phân bố mưa 7. Vẽ biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; phân tích biểu đồ và xác định vị trí trạm khí tượng.	3	2	12	15	
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>135</b>	

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2, 3, 4	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3,4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4, 5	



4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 3, 4	
5	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 3, 4, 5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3,4	
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1, 2, 3, 4	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Mai Trọng Thông – Hoàng Xuân Cơ (2001). Giáo trình Tài nguyên khí hậu. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

2. Đặng Ngọc San, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Dũng và nkc (2022), *Đặc điểm khí hậu Thanh Hóa*, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Thanh Hóa.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Công Minh (2009). Khí tượng SYNÔP. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

[2]. Trần Tân Tiến (2002). Xử lý số liệu khí tượng và dự báo thời tiết bằng phương pháp thống kê vật lý. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

### 36b. ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG/ RESPONDING TO CLIMATE CHANGE AND ENVIRONMENTAL HAZZARDS

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18)

- Mã học phần: 125256

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

## 1. Mô tả học phần

Học phần Ứng phó với Biến đổi khí hậu và tai biến môi trường bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm, nguyên nhân, các quá trình phát sinh, phát triển, hậu quả, mức độ nguy hiểm đối với con người, tác hại đến môi trường của biến đổi khí hậu và tai biến môi trường; ứng xử và thích ứng với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường; lồng ghép công tác quy hoạch, quyết định mang tính định hướng về chính sách quản lý môi trường, nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu được các khái niệm về biến đổi khí hậu và tai biến môi trường, nguyên nhân, các quá trình phát sinh, phát triển, hậu quả, mức độ nguy hiểm đối với con người, tác hại đến môi trường của biến đổi khí hậu và tai biến môi trường; ứng xử và thích ứng với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường.

- CO2: Người học giải thích được các hiện tượng khí hậu và tai biến môi trường trong thực tiễn ở nhiều lĩnh vực công việc, nhất là trong việc lồng ghép giáo dục kiến thức biến đổi khí hậu và tai biến môi trường vào dạy học ở phổ thông.

- CO3: Người học có kỹ năng ứng xử và thích ứng với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường, góp phần tham gia lồng ghép công tác quy hoạch, quyết định mang tính định hướng về chính sách quản lý môi trường, nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

- CO4: Người học có thể nhận biết và giải thích được các vấn đề và hiện tượng liên quan đến biến đổi khí hậu và tai biến môi trường xảy ra ở trong nước và trên thế giới như En nino, La nila, nước biển dâng, nóng lên toàn cầu, suy giảm các bể hấp thụ và bể chứa khí nhà kính...

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về biến đổi khí hậu và tai biến môi trường, nguyên nhân của biến đổi khí hậu và tai biến môi trường, các quá trình phát sinh, phát triển, hậu quả, mức độ nguy hiểm đối với con người của biến đổi khí hậu và tai biến môi trường, tác hại đến môi trường của biến đổi khí hậu và tai biến môi trường, cách ứng xử và thích ứng với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường.

- CLO2: Có phương pháp trong đánh giá mức độ nhạy cảm tai biến môi trường do biến đổi khí hậu nguy hiểm như lũ lụt, hạn hán, bão tố, sóng thần,...; khai thác thông tin từ các bảng số liệu, tranh ảnh, băng từ ghi lại những biểu hiện của biến đổi khí hậu và tai biến môi trường đã diễn ra trên thế giới, Việt Nam và ở địa phương.

- CLO3: Có thể xây dựng được và áp dụng các biện pháp, chiến lược cụ thể trong ứng phó với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường cho từng địa phương cụ thể. Đồng thời có kỹ năng đề xuất các giải pháp phù hợp với từng khu vực nhằm ứng phó và giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu và tai biến môi trường gây ra nhờ nắm rõ nguyên nhân và những nhạy cảm tai biến.

- CLO4: Có kỹ năng hợp tác làm việc trong các dự án về biến đổi khí hậu của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ như dự án trồng rừng, duy trì bảo vệ hệ sinh thái, giáo dục cộng đồng và điều tra thực tế.

- CLO5: Đối với sinh viên các lớp sư phạm, học phần còn giúp các em có được kĩ năng tích hợp, lồng ghép giáo dục biến đổi khí hậu và tai biến môi trường trong chương trình giáo dục phổ thông thông qua rất nhiều hoạt động ở nhà trường các cấp học.

- CLO6: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, tôn trọng các quy luật tự nhiên; Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến các lĩnh vực địa lí tự nhiên.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1: MỘT SỐ KIẾN THỨC CHUNG VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b> 1.1. Một số khái niệm cơ bản về biến đổi khí hậu 1.2. Một số thuật ngữ có liên quan với biến đổi khí hậu 1.3. Một số phương pháp nghiên cứu biến đổi khí hậu.	2					11
<b>Chương 2. BIỂU HIỆN VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b> 1.1. Nhiệt độ không khí tăng, khí hậu Trái đất nóng lên 1.2. Biến động trong chế độ mưa và lượng mưa 1.3. Các hiện tượng thời tiết cực đoan 1.4. Sự dâng cao của mực nước biển.	3	2				11
<b>Chương 3. NGUYÊN NHÂN CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b> 1.1. Thuyết kiến tạo mảng và biến đổi khí hậu 1.2. Giả thuyết về sự va chạm của các thiên thạch với Trái đất 1.3. Sự hoạt động của núi lửa 1.4. Sự dao động trong quỹ đạo của Trái đất và biến đổi khí hậu 1.5. Dao động quỹ đạo chuyển động của Trái đất quanh Mặt trời và biến đổi khí hậu	2	2				11

1.6. Chu kì hoạt động của Mặt trời và biến đổi khí hậu. 1.7. Do hoạt động của con người					
<b>Chương 4. KỊCH BẢN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, NƯỚC BIỂN DÂNG</b> 1.1. Cơ sở xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng 1.2. Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên thế giới 1.3. Lựa chọn phương pháp để xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu cho Việt Nam 1.4. Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam 1.5. Một số điều cần lưu ý khi sử dụng kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng.	1	2		4	12
<b>Chương 5. TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TOÀN CẦU</b> 1.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến hệ tự nhiên và hệ sinh thái 1.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội 1.3. Tác động của biến đổi khí hậu đến các khu vực trên thế giới. 1.4. Tác động của biến đổi khí hậu ở Việt Nam	3	1			11
<b>Chương 6: KHÁI NIỆM CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG</b> 1.1. Khái niệm về môi trường và tai biến môi trường 1.2. Phân loại tai biến môi trường 1.3. Rủi ro 1.4. Sự cố, hiểm họa và thảm họa	1	1			12
<b>Chương 7: NHẠY CẢM TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC YẾU TỐ LÀM TĂNG TÍNH NHẠY CẢM TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG</b> 1.1. Khái niệm về nhạy cảm tai biến môi trường	2	0			11

<p>1.2. Nhạy cảm tai biến chủ quan của con người</p> <p>1.3. Nhạy cảm tai biến chủ quan của môi trường tự nhiên</p> <p>1.4. Nhạy cảm tai biến môi trường nhân sinh</p> <p>1.5. Các yếu tố làm tăng tính nhạy cảm của tai biến</p>						
<p><b>Chương 8: TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG LÝ- SINH</b></p> <p>1.1. Khái niệm về tai biến môi trường lý - sinh</p> <p>1.2. Các yếu tố tác động đến tính nhạy cảm của tai biến môi trường lý - sinh</p> <p>1.2.1. Các hiện tượng, điều kiện môi trường lý sinh vì môi trường và sự biến đổi nghịch môi trường sống của chúng</p> <p>1.2.2. Các hiện tượng môi trường xã hội và nhạy cảm tai biến sinh lý</p> <p>1.3. Phòng vệ tai biến lý - sinh</p>	2	2		2		11
<p><b>Chương 9: TAI BIẾN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC QUÁ TRÌNH ĐỊA ĐỘNG LỰC NỘI SINH</b></p> <p>1.1. Động đất</p> <p>1.2. Nứt đất, nứt đất ngầm</p> <p>1.3. Phun trào núi lửa</p>	2	2				11
<p><b>Chương 10: TAI BIẾN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC QUÁ TRÌNH ĐỊA ĐỘNG LỰC NGOẠI SINH</b></p> <p>1. Trượt lở, xói lở</p> <p>2. Lũ, lũ quét</p> <p>3. Bão tố</p> <p>4. Hạn hán</p>	2	2		4		11
<p><b>Chương 11: TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG NHÂN SINH</b></p> <p>1.1. Khái niệm chung</p> <p>1.2. Các tai biến nhân sinh phổ biến và nguy cơ thiệt hại liên quan</p> <p>1.2.1. Các tai biến trong lĩnh vực công nghiệp</p>	2	2				11

1.2.2. Các tai biến trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, nhiên liệu 1.2.3. Các tai biến trong lĩnh vực giao thông - vận tải 1.2.4. Các tai biến trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp và cháy rừng 1.3. Ứng xử với tai biến môi trường nhân sinh						
<b>Chương 12. ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG</b> 1.1. Ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn cầu 1.1.1. Chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu 1.1.2. Các giải pháp cụ thể để giảm nhẹ biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn cầu 1.1.3. Các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu 1.2. Ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam 1.2.1. Việt Nam tham gia các công ước quốc tế về biến đổi khí hậu 1.2.2. Xây dựng và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.	5	2		8		12
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>18</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2, 3, 4	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3, 4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5, 6	

4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6	
5	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3, 4	
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3, 4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành... (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

[1]. Đặng Duy Lợi - Đào Ngọc Hùng, *Giáo trình Biến đổi khí hậu*, 2014. NXB ĐHSP.

[2]. Nguyễn Cần - Nguyễn Đình Hoè, *Tai biến môi trường*, 2005. NXB ĐHQG.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Văn Khoa – Trần Trung Dũng – Lưu Đức Hải – Nguyễn Văn Viết. *Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu*, 2012. NXB Giáo dục Việt Nam.

[2]. Nguyễn Văn Cư. *Bảo vệ môi trường và tài nguyên nước*. Tập bài giảng dùng cho Nghiên cứu sinh ngành thủy sản – môi trường Hà Nội 1996

[3]. Công ước Quốc tế về bảo vệ môi trường, 1995. NXB Chính trị Quốc gia.

### 6.37. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT, NƯỚC VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ/ENVIRONMENTAL POLLUTION OF LAND, WATER AND TREATMENT MEASURES

- Số tín chỉ: 04 (36;30;18)

- Mã học phần: 125233

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Môi trường và con người

## 1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: Khái niệm về ô nhiễm môi trường nước, đất; các tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước, đất; các quá trình vi sinh vật trong đất làm tăng ô độ phì trong đất và làm giảm ô nhiễm đất; các quá trình tự làm sạch của nước mặt, nước ngầm; Các phương pháp xử lý nước ô nhiễm, đất ô nhiễm; Các quy chuẩn Việt Nam về chất lượng môi trường đất và nước, văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường đất, bảo vệ môi trường nước.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và trình bày được khái niệm về ô nhiễm môi trường đất, các tác nhân và nguồn gốc gây ô nhiễm môi trường đất, các biện pháp xử lý đất ô nhiễm, các quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành để quản lý môi trường đất, các văn bản pháp lý bảo vệ môi trường đất.

- CO2: Khái niệm về ô nhiễm môi trường nước; các tác nhân và nguồn gốc gây ô nhiễm môi trường nước; sự khác nhau cơ bản giữa nước mặt và nước ngầm, các biện pháp xử lý ô nhiễm nước, các quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành để quản lý môi trường nước, các văn bản pháp lý bảo vệ môi trường nước.

- CO3: Quan sát, phân tích các tác nhân, hoạt động gây ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm môi trường nước; Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn (Việt Nam, thế giới) để xác định các mức độ ô nhiễm môi trường đất và nước ở các địa điểm cụ thể; Xây dựng được kế hoạch, quy trình xử lý ô nhiễm đất, nước cho các khu vực bị ô nhiễm.

- CO4: Có thái độ học tập nghiêm túc, ý thức tự học, tự nghiên cứu; trách nhiệm bảo vệ môi trường sống, sử dụng tiết kiệm, khai thác hợp lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và trình bày được các vấn đề về ô nhiễm môi trường đất và nước (khí niệm, nguồn gốc, tác nhân, hậu quả và các biện pháp bảo vệ, xử lý nguồn nước).

- CLO2: Nắm vững các quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nguồn đất và nước đồng thời áp dụng để xác định mức độ ô nhiễm đất và nước ở các địa điểm khác nhau; vận dụng các văn bản pháp lý để xử lý các hành vi gây ô nhiễm đất và nước.

- CLO3: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc nâng cao ý thức tự học, thái độ nghiêm túc trong các hoạt động tập thể.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>PHẦN 1: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ</b>						
<b>Chương 1. Một số vấn đề chung về ô nhiễm môi trường đất</b>	4	4		2		25
1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường đất						



<p>2. Các loại ô nhiễm môi trường đất</p> <p>2.1. Ô nhiễm vật lý</p> <p>2.2. Ô nhiễm hóa học</p> <p>2.3. Ô nhiễm sinh học</p> <p>3. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất</p>						
<p><b>Chương 2. Những quá trình vi sinh vật xảy ra trong đất làm tăng độ phì và làm giảm ô nhiễm môi trường đất</b></p> <p>1. Quá trình khoáng hóa các hợp chất nitơ hữu cơ</p> <p>2. Quá trình chuyển hóa các hợp chất chứa lưu huỳnh trong đất</p> <p>3. Quá trình hữu cơ hóa nitơ phân tử của khí quyển</p> <p>4. Quá trình tạo mùn</p> <p>5. Đất – Filt lọc tự nhiên làm sạch các chất nhiễm bẩn môi trường</p>	4	4		2		25
<p><b>Chương 3. Một số phương pháp xử lý ô nhiễm đất</b></p> <p>1. Phương pháp nhiệt để xử lý ô nhiễm đất</p> <p>2. Phương pháp đóng khối để xử lý ô nhiễm đất</p> <p>3. Phương pháp bóc và chôn lấp để xử lý ô nhiễm đất</p> <p>4. Phương pháp bay hơi để xử lý đất ô nhiễm</p> <p>5. Phương pháp đốt để xử lý đất ô nhiễm</p> <p>6. Phương pháp xử lý đất ô nhiễm bằng thực vật</p>	5	5		3		25
<p><b>Chương 4. Một số văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường đất</b></p> <p>1. Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>2. Các quy chuẩn môi trường về chất lượng môi trường đất hiện hành và các văn bản pháp lý khác liên quan đến môi trường đất.</p>	5	3		2		25
<p><b>PHẦN 2: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ</b></p>						
<p><b>Chương 1. Một số vấn đề chung về ô nhiễm môi trường nước</b></p> <p>1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường nước</p>	6	4		2		25

2. Các loại ô nhiễm môi trường nước 2.1. Ô nhiễm vật lý 2.2. Ô nhiễm hóa học 2.3. Ô nhiễm sinh học 3. Các thông số chính đặc trưng cho chất lượng môi trường nước					
<b>Chương 2. Một số phương pháp xử lý ô nhiễm nước</b> 1. Phương pháp làm mềm nước 2. Phương pháp xử lý sắt trong nước 3. Phương pháp xử lý mangan trong nước 4. Phương pháp xử lý asen trong nước 5. Phương pháp xử lý amoni trong nước 6. Phương pháp khử trùng 7. Các phương pháp khác xử lý nguồn nước cấp	6	5		3	25
<b>Chương 3. Một số văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường nước</b> 1. Luật Bảo vệ môi trường 2. Luật Tài nguyên nước 3. Các quy chuẩn môi trường về chất lượng môi trường nước hiện hành và các văn bản pháp lý khác liên quan đến môi trường nước	6	5		2	30
<b>Tổng</b>	<b>36</b>	<b>30</b>		<b>18</b>	<b>180</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (05)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2, 3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3,	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 3	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 3	

6	Bài tập	Rubic bài tập	CLO1, 2, 3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Bài tập, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3	
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				50%
1	Tự luận (Bài tập)	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubic bài tập lớn	CLO1, 2, 3	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 05 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Văn Khoa (2010), *Ô nhiễm môi trường đất và biện pháp xử lý*, NXB Giáo dục Việt Nam

[2]. Phạm Ngọc Hồ - Đồng Kim Loan – Trịnh Thị Thanh (2009), *Cơ sở môi trường nước*, NXB Giáo dục Việt Nam.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Lương Đức Phẩm (2009), *Cơ sở khoa học trong công nghệ bảo vệ môi trường tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[4]. Lương Đức Phẩm (2009), *Cơ sở khoa học trong công nghệ bảo vệ môi trường tập 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[5]. Luật bảo vệ môi trường (Luật số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014).

## 6.38. Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ VÀ TIẾNG ÒN/AIR AND NOISE POLLUTION

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18)

- Mã số học phần: 125114

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

### 1. Mô tả học phần

Học phần ô nhiễm không khí và tiếng ồn trang bị các kiến thức về ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn; đặc điểm của môi trường không khí, sự biến đổi của

chất ô nhiễm trong không khí, phương pháp đánh giá chất lượng môi trường không khí, kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn; đặc điểm của môi trường không khí, sự biến đổi của chất ô nhiễm trong không khí, phương pháp đánh giá chất lượng môi trường không khí, kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn.

- CO2: Người học phân tích được các tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí và hậu quả; Đánh giá được chất lượng không khí, Lựa chọn được các phương pháp, giải pháp phù hợp để kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn.

- CO3: Người học ý thức được vai trò của việc kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn trong bảo vệ môi trường.

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về ô nhiễm không khí, ô nhiễm tiếng ồn, sự biến đổi của các chất ô nhiễm trong không khí

- CLO2: Lấy mẫu, phân tích ô nhiễm không khí

- CLO3: Đánh giá chất lượng môi trường không khí

- CLO4: Xây dựng được kế hoạch, dự án kiểm soát môi trường không khí và tiếng ồn cho một khu vực

- CLO5: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, bảo vệ môi trường đất nước.

- CLO6: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p><i>Chương 1. Một số đặc điểm cơ bản của khí quyển</i></p> <p>1.1. Môi trường không khí và sự hình thành lớp khí quyển Trái Đất</p> <p>1.2. Thành phần không khí khô của khí quyển</p> <p>1.3. Phân lớp của khí quyển</p> <p>1.4. Sự bất đồng ngang của tầng Đối lưu. Các khối khí và front</p> <p>1.5. Các dòng không khí và hoàn lưu chung khí quyển</p>	3	0	0	0	20	

1.6. Quy luật biến đổi của các yếu tố khí tượng					
<i>Chương 2. Ô nhiễm không khí</i> 2.1. Tổng quan về ô nhiễm không khí 2.2. Các tác nhân gây ô nhiễm không khí 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí 2.4. Các tác động của ô nhiễm không khí	04	04	0	0	20
<i>Chương 3. Quá trình biến đổi và phát tán của chất ô nhiễm trong khí quyển</i> 3.1. Sự biến đổi của chất ô nhiễm trong khí quyển 3.2. Phát tán chất ô nhiễm trong khí quyển	06	02	0	0	20
<i>Chương 4: Đánh giá chất lượng môi trường không khí</i> 4.1. Các chỉ số đo cơ bản của môi trường không khí 4.2. Phương pháp đánh giá chất lượng môi trường không khí 4.3. Thực hành đánh giá chất lượng môi trường không khí	05	04	0	0	20
<i>Chương 5: Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí</i> 5.1. Giới thiệu chung về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí 5.2. Luật và những quy định về kiểm soát ô nhiễm không khí, nguyên tắc kiểm soát ô nhiễm 5.3. Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí	04	02	0	0	20
<i>Chương 6. Tiếng ồn và các biện pháp chống ồn</i> 6.1. Khái niệm chung về tiếng ồn 6.2. Phân loại tiếng ồn 6.3. Tác hại của tiếng ồn 6.4. Kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn.	05	04	0	06	15

<p><i>Chương 7. Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đối với một số nguồn thải công nghiệp đặc trưng ở Việt Nam</i></p> <p>7.1. Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đối với nhà máy sử dụng lò hơi công suất vừa và nhỏ tại Việt Nam</p> <p>7.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đối với nhà máy luyện thép công nghệ lò hồ quang tại Việt Nam</p> <p>7.3. Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đối với nhà máy xi măng lò quay, phương pháp khô</p> <p>7.4. Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đối với nhà máy sản xuất giấy và bột giấy</p> <p>7.5. Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đối với nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam</p>	0	02	0	12	20
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>18</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5,6	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành... (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

1) Đinh Xuân Thắng (2006), *Ô nhiễm không khí*, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

### 8.2. Tài liệu tham khảo:

1) Phạm Ngọc Hồ (2009), *Cơ sở môi trường không khí*, NXB Giáo dục Việt Nam

2) Phạm Văn Quân, (2010), *Mô hình kiểm soát ô nhiễm không khí*, NXB Xây dựng.

## 6.39-40. Chọn 2 trong 3 học phần:

### 39-40a. BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH/CADASTRAL MAP

- Số tín chỉ: 03 (12; 14; 52)

- Mã học phần: 125099

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và Môi trường

- Điều kiện tiên quyết: Trắc địa

### 1. Mô tả học phần

Học phần gồm: những khái niệm cơ bản về bản đồ địa chính: mục đích, yêu cầu thành lập bản đồ địa chính, sơ lược quá trình thành lập bản đồ địa chính; cơ sở toán học thành lập bản đồ địa chính: cơ sở trắc địa, hệ thống tỷ lệ bản đồ, phép chiếu bản đồ, chia mảnh và đánh số bản đồ địa chính, bố cục và khung bản đồ; nội dung và nguyên tắc thể hiện các yếu tố nội dung trên bản đồ địa chính: các yếu tố cơ bản của bản đồ địa chính, nội dung bản đồ địa chính, nguyên tắc biểu thị các yếu tố nội dung trên bản đồ địa chính, ký hiệu bản đồ địa chính, yêu cầu độ chính xác bản đồ địa chính; sử dụng bản đồ địa chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai: sử dụng bản đồ địa chính trong phòng, sử dụng bản đồ địa chính ngoài trời, tính khoảng cách từ bản đồ ra thực địa, chuyển khoảng cách từ thực địa lên bản đồ, tính diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính; chỉnh lý bản đồ địa chính: mục đích, yêu cầu của chỉnh lý bản đồ địa chính, các phương pháp chỉnh lý biến động đất đai.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về bản đồ địa chính cũng như cơ sở toán học, hệ thống các phép chiếu, các nội dung toán học của bản đồ địa chính, cơ sở phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa chính. Các nguyên tắc biểu thị chúng lên bản đồ cũng như cách sử dụng, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính;

- CO2: Trình bày được các khái niệm về bản đồ địa chính, bản đồ địa chính gốc; phân biệt được sự giống và khác nhau của các phép chiếu bản đồ; tính được khoảng cách từ bản đồ ra thực địa, chuyển khoảng cách từ thực địa lên bản đồ. Tính được diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính; chỉnh lý bản đồ địa chính. Trích đo được thửa đất từ bản đồ; chỉnh lý biến động đất đai trên bản đồ địa chính;

- CO3: Có thái độ học hỏi, tôn trọng chuyên môn, người dạy và người học. Cập nhật thường xuyên các thông tư, nghị định của Chính phủ về quy phạm thành lập bản đồ địa chính;

- CO4: Nhận biết, đánh giá, phân biệt được sự khác nhau của các loại bản đồ trong công tác quản lý nhà nước về đất đai; nắm chắc các nội dung cần thể hiện trên bản đồ địa chính và vai trò của bản đồ địa chính trong quản lý nhà nước về đất đai.

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Trình bày được các khái niệm về bản đồ, cơ sở toán học bản đồ, hệ thống tọa độ và các phép chiếu bản đồ, nội dung nguyên tắc phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa chính. Tính toán và chuyển đổi được các số liệu đo vẽ ngoài thực địa lên trên bản đồ. Nắm vững các nguyên tắc chỉnh lý biến động, cập nhật dữ liệu lên trên bản đồ địa chính;

- CLO2: Vận dụng tốt các kiến thức chuyên môn về thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật phục vụ thành lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai;

- CLO3: Phân biệt được sự giống và khác nhau của hệ thống các phép chiếu. Sự giống và khác nhau của phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa chính so với bản đồ địa hình. Nắm chắc các phương pháp tính toán diện tích. Các phương pháp thành lập bản đồ địa chính trên thế giới và của Việt nam, những quy phạm về thành lập bản đồ địa chính cho từng loại đất theo pháp luật đất đai và các văn bản pháp luật hướng dẫn hiện hành;

- CLO4: Thể hiện được năng lực học tập, phân tích, tổng hợp dữ liệu từ công tác điều tra nội nghiệp và ngoại nghiệp phục vụ cho việc xây dựng dựng các loại bản đồ chuyên ngành. Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; có năng lực, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây dựng các loại bản đồ chuyên ngành.



#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. Khái quát về bản đồ địa chính</b> 1.1. Khái quát về bản đồ học 1.2. Phân loại bản đồ 1.3. Các yếu tố bản đồ 1.4. Tỷ lệ bản đồ 1.5. Khái niệm, tính chất, phân loại bản đồ địa chính 1.6. Nội dung bản đồ địa chính	3	2				15
<b>Chương 2. Cơ sở toán học bản đồ địa chính</b> 2.1. Lưới không chế tọa độ, độ cao 2.2. Hệ thống tỷ lệ bản đồ địa chính 2.3. Phân mảnh và phiên hiệu bản đồ địa chính 2.4. Phép chiếu và hệ tọa độ địa chính 2.5. Yêu cầu độ chính xác bản đồ địa chính	3	4		10		35
<b>Chương 3. Nội dung bản đồ địa chính</b> 3.1. Các yếu tố cơ bản của bản đồ địa chính 3.2. Nội dung bản đồ địa chính 3.3. Nguyên tắc biểu thị các yếu tố nội dung bản đồ địa chính 3.4. Ký hiệu bản đồ địa chính 3.5. Yêu cầu độ chính xác bản đồ địa chính	3	4		12		35
<b>Chương 4. Sử dụng bản đồ địa chính</b> 4.1. Sử dụng bản đồ địa chính trong phòng 4.3. Tính khoảng cách từ bản đồ ra thực địa 4.4. Chuyển khoảng cách từ thực địa lên bản đồ 4.5. Tính diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính	1	2	2	20		25
<b>Chương 5. Chinh lý bản đồ địa chính</b> 5.1. Mục đích, yêu cầu của chinh lý bản đồ địa chính 5.2. Các phương pháp chinh lý biến động	2	2	4	10		25
<b>Tổng</b>	<b>12</b>	<b>14</b>		<b>52</b>		<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (04)</b>			
1	<i>Kiểm tra thường xuyên (viết):</i> Khái niệm cơ bản của bản đồ, bản đồ địa chính, cơ sở toán học bản đồ	Rubric 1	CLO1, CLO2	30%
2	<i>Làm bài tập cá nhân:</i> phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa chính.	Rubric 1	CLO1, CLO2	
3	<i>Làm bài tập thực hành:</i> Tính toán chỉnh lý biến động bản đồ, đo diện tích, sử dụng bản đồ địa chính ngoài thực địa	Rubric 2	CLO3, CLO4	
4	<i>Đánh giá kết quả điểm chuyên cần</i>	Rubric 3	CLO4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
<i>Tổng hợp kiến thức chương 1, 2, 3</i>		Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
<i>Tổng hợp kiến thức chương 1, 2, 3, 4, 5</i>		Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ ĐK dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Thị Kim Hiệp, Vũ Thị Thanh Thủy, Võ Quốc Việt, Phan Đình

Binh, Lê Văn Thơ (2016), *Giáo trình Bản đồ địa chính*, NXB Nông nghiệp.

## **8.2. Tài liệu tham khảo**

[2]. Nguyễn Thanh Trà (1999), *Giáo trình Bản đồ địa chính*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

[3]. Luật đất đai (2013), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

## **39-40b. TRẮC ĐỊA/ GEODESY**

- Số tín chỉ: 03 (12: 14: 52)

- Mã học phần: 162101

- Bộ môn quản lý học phần: Kỹ thuật công trình

- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Kiến thức cơ bản về trắc địa; Kiến thức cơ bản về máy kinh vĩ, máy và mia thủy chuẩn; Các dạng đo cơ bản; Thiết kế đo đạc bình sai đường chuyền kinh vĩ; đo vẽ chi tiết bằng phương pháp toàn đạc; Sử dụng bản đồ địa hình trong thực tế.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Kiến thức chung về trắc địa, khái niệm về sai số trong trắc địa;

- CO2: Các phương pháp đo đạc cơ bản (đo góc, đo chiều dài, đo cao) và các thiết bị đo;

- CO3: Sử dụng bản đồ địa hình và ứng dụng trong chuyên ngành; ứng dụng các kiến thức trắc địa trong công tác quy hoạch, khảo sát, quản lý tài nguyên môi trường

- CO4: Thực hành đo vẽ lưới không chế mặt bằng, lưới không chế độ cao, đo vẽ và thành lập bản đồ địa hình.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về Trắc địa và tầm quan trọng của trắc địa trong quản lý đất đai và quản lý tài nguyên môi trường, khái niệm về sai số trong trắc địa;

- CLO2: Hiểu được các nguyên lý và phương pháp đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao;

- CLO3: Đo vẽ, phân tích, tính toán, xử lý số liệu để thành lập bản đồ, bình đồ, mặt cắt;

- CLO4: Đọc hiểu và sử dụng được các bản đồ địa hình trong công tác quản lý đất đai, quản lý tài nguyên môi trường.

- CLO5: Sử dụng được máy đo hiện đại như máy toàn đạc điện tử, máy thủy chuẩn trong việc thiết lập bản vẽ địa hình;

- CLO6: Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, chính xác, có ý thức tổ chức và kỷ luật, tính cẩn thận và kiên nhẫn; thực hiện đúng tiêu chuẩn, quy định trong việc thiết lập bản vẽ, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn liên quan đến trắc địa.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những kiến thức cơ bản về trắc địa	4	0	4	0		35
Chương 2: Đo các yếu tố cơ bản	3	0	5	20		30
Chương 3: Lưới khống chế	2	0	5	6		30
Chương 4: Đo vẽ thành lập bản đồ	3	0	0	26		40
<b>Tổng</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>52</b>		<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; vấn đáp; bài tập; hướng dẫn; thực hành; hoạt động nhóm;

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Viết	Rubric viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thực hành (2 bài)	Rubric thực hành	CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2	20%
<b>III. Thi cuối kì</b>				
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4	50%
<b>Thang điểm</b>				10

#### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:

- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

[1] Hoàng Xuân Thành (Chủ biên) (2008), *Trắc địa đại cương*, NXB Xây dựng Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

[2] Phạm Văn Chuyên - *Trắc địa*. Nhà xuất bản Xây dựng, 2006.

## **39-40c. ỨNG DỤNG PHẦN MỀM ĐỊA CHÍNH TRONG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI/APPLICATION OF CADASTRAL SOFTWARE IN MANAGEMENT AND LAND USE**

- Số tín chỉ: 03 (12; 14; 52)
- Mã học phần: 125107
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và Môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Trắc địa

### **1. Mô tả học phần**

Học phần gồm: những khái niệm cơ bản về bản đồ số, đặc điểm của bản đồ số, khái quát sự ra đời và phát triển của bản đồ số, cơ sở dữ liệu bản đồ số, các chuẩn về bản đồ số; Quy trình thành lập bản đồ số: thu thập và số hoá dữ liệu, xử lý dữ liệu, biểu thị dữ liệu, lưu trữ dữ liệu; Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất bằng phần mềm MicroStation; Xây dựng bản đồ địa chính bằng phần mềm Famis.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Áp dụng được các kiến thức chuyên môn về thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật phục lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai; tổng hợp được các kiến thức chuyên môn nhằm ứng dụng phần mềm tin học trong công tác xây dựng bản đồ số, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai;
- CO2: Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành, phục vụ xử lý số liệu để xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề khác; có khả năng phân tích, tổng hợp, xử lý số liệu điều tra phục vụ cho công tác thành lập, cập nhật và chỉnh lý bản đồ;
- CO3: Có khả năng học tập, phân tích, tổng hợp dữ liệu từ công tác điều tra nội nghiệp và ngoại nghiệp phục vụ cho việc xây dựng dựng các loại bản đồ chuyên ngành; có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; có năng lực, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây các loại bản đồ chuyên ngành;- CO4: Chấp hành đúng, đầy đủ các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, các nội qui, quy định; có ý chí vươn lên trong học tập;

tích cực tham quả các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong nhà trường.

### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên môn về thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật phục lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai;

- CLO2: Tổng hợp được các kiến thức chuyên môn nhằm ứng dụng phần mềm tin học trong công tác xây dựng bản đồ số, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai. Ứng dụng tin học trong việc cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai;

- CLO3: Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành, phục vụ xử lý số liệu để xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề khác. Có khả năng phân tích, tổng hợp, xử lý số liệu điều tra phục vụ cho công tác thành lập, cập nhật và chỉnh lý bản đồ;

- CLO4: Có khả năng học tập, phân tích, tổng hợp dữ liệu từ công tác điều tra nội nghiệp và ngoại nghiệp phục vụ cho việc xây dựng dựng các loại bản đồ chuyên ngành;

- CLO5: Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; có năng lực, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây các loại bản đồ chuyên ngành.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. Bản đồ số</b> 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm của bản đồ số 1.3. Khái quát về sự ra đời và phát triển bản đồ số 1.4. Cơ sở dữ liệu bản đồ số 1.5. Các chuẩn về bản đồ số	3	2				10
<b>Chương 2. Khái quát quy trình thành lập bản đồ số</b> 2.1. Khái quát 2.2. Thu thập và số hóa dữ liệu 2.3. Xử lý dữ liệu 2.4. Biểu thị dữ liệu 2.5. Lưu trữ dữ liệu	3	2				15

<b>Chương 3. Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất bằng phần mềm MicroStation</b> 3.1. Giới thiệu chung 3.2. Thanh công cụ và các chức năng cơ bản của MicroStation 3.3. Các bước xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên MicroStation 3.4. In ấn bản đồ	3		6			20
<b>Chương 4. Xây dựng bản đồ địa chính bằng phần mềm Famis</b> 4.1. Giới thiệu chung 4.2. Các chức năng của phần mềm Famis 4.3. Các bước xây dựng bản đồ địa chính bằng phần mềm Famis	3		4			15
<b>Phân thực hành</b>						
<b><u>Bài 1:</u></b> Các lệnh vẽ cơ bản của MicroStation.				3		10
<b><u>Bài 2:</u></b> Các lệnh biên tập bản đồ của MicroStation.				7		15
<b><u>Bài 3:</u></b> Xây dựng hệ thống ký hiệu quy ước cho BĐ hiện trạng SDD và bản đồ địa chính.				7		15
<b><u>Bài 4:</u></b> Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất dạng số từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất dạng giấy				15		15
<b><u>Bài 5:</u></b> Thành lập bản đồ địa chính từ cơ sở dữ liệu trị đo				10		15
<b><u>Bài 6:</u></b> Biên tập và hoàn thiện một tờ bản đồ cụ thể				10		15
<b>Tổng</b>	<b>12</b>	<b>4</b>	<b>10</b>	<b>52</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (04)</b>			
1	<b>Làm bài tập cá nhân (tự luận):</b> Quy trình thành lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng, bản đồ QHSD đất	Rubric 1	CLO1 CLO2	30%
2	<b>Đánh giá kết quả bài thực hành số 1:</b> thực hành nắn ảnh và số hóa các đối tượng bản đồ	Rubric 2	CLO3 CLO4	
3	<b>Đánh giá kết quả bài thực hành số 2:</b> thực hành sửa lỗi và biên tập nội dung bản đồ	Rubric 2	CLO3 PLO4	
4	<b>Đánh giá kết quả bài thực hành số 3:</b> Biên tập hoàn thiện nội dung bản đồ	Rubric 2	CLO3 PLO4	
4	<b>Đánh giá kết quả điểm chuyên cần</b>	Rubric 3	CLO4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	<b>Thực hành:</b> số hóa và biên tập nội dung của bản đồ hiện trạng SDD	Rubric 4	CLO2 CLO3 CLO4	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	<b>Thực hành trên máy:</b> Xây dựng và hoàn thiện được một tờ bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Trần Quốc Vinh và cộng sự - *Giáo trình Tin học ứng dụng vẽ bản đồ*, NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2016

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Tài nguyên và Môi trường - *Hướng dẫn sử dụng các phần mềm Famis - MicroStation - IrasB - Geovec - MRFClean - MRFFlag*, 2007.



[3]. Tổng cục Địa chính - *Hướng dẫn sử dụng MicroStation trong việc thành lập bản đồ địa chính*, 2007.

#### **6.41. XÂY DỰNG CÁC BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG/Thematic mapping for resource and environmental management**

- Số tín chỉ: 3 (15, 10, 50)
- Mã học phần: 125158
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Bản đồ học đại cương; Hệ thống thông tin địa lí (GIS)

##### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đặc điểm bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường; quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai; biên tập, xây dựng được bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường.

##### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Người học nắm vững kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đặc điểm bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường; quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai; biên tập, xây dựng được bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường.

- CO2: Người học biết tổ chức, lập quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu và biên tập, xây dựng được bản đồ chuyên đề về tài nguyên và môi trường: đất, nước, không khí, sinh vật,... phục vụ cho việc quản lý tài nguyên và môi trường.

- CO3: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.

##### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Người học nắm vững các kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đặc điểm bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường; quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai; biên tập, xây dựng được bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường.

- CLO2: Người học biết tổ chức, lập quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu và biên tập, xây dựng được bản đồ chuyên đề về tài nguyên và môi trường: đất, nước, không khí, sinh vật,.. phục vụ cho việc quản lý tài nguyên và môi trường.

- CLO3: Sinh viên có các hành vi thiết thực trong vấn đề nghiên cứu chuyên ngành, có hành động thiết thực trong học tập và trong công tác nhằm giải quyết các vấn đề liên quan chuyên ngành quản lý tài nguyên và môi trường.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1.</b> Các khái niệm cơ bản 1.1. Bản đồ chuyên đề là gì 1.2. Đặc điểm của bản đồ chuyên đề 1.3. Một số yêu cầu của bản đồ chuyên đề 1.4. Tổng quát hóa của bản đồ chuyên đề 1.5. Ý nghĩa của bản đồ chuyên đề	4	-	-			25
<b>Nội dung 2.</b> Giải pháp để thể hiện nội dung bản đồ 2.1. Nguyên lí 2.2. Khả năng diễn đạt của các phương pháp thể hiện bản đồ	4	3	-			30
<b>Nội dung 3.</b> Xây dựng bản đồ chuyên đề bằng phần mềm MapInfo 3.1. Khái niệm cơ bản 3.2. Thành phần Mapinfo 3.3. Công cụ trong Mapinfo 3.4. Ứng dụng Mapinfo	4	4	-	20		30
<b>Nội dung 4.</b> Quy trình, phương thức xây dựng bản đồ chuyên đề quản lý tài nguyên và môi trường 4.1. Quy trình, phương thức xây dựng bản đồ chuyên đề quản lý tài nguyên đất 4.2. Quy trình, phương thức xây dựng bản đồ chuyên đề quản lý tài nguyên Rừng 4.3. Quy trình, phương thức xây dựng bản đồ chuyên đề quản lý tài nguyên Nước 4.4. Quy trình, phương thức xây dựng bản đồ chuyên đề quản lý tài nguyên Khí hậu 4.5. Quy trình, phương thức xây dựng bản đồ chuyên đề quản lý tài nguyên Khoáng sản 4.6. Quy trình, phương thức xây dựng bản đồ chuyên đề quản lý môi trường không khí 4.7. Quy trình, phương thức xây dựng bản đồ chuyên đề quản lý môi trường nước	3	3	-	30		50
<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>	<b>10</b>		<b>50</b>		<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp dạy học: phương pháp thuyết trình, thực hành, phương pháp phát vấn, phương pháp thảo luận nhóm, và sử dụng các phương tiện thiết bị hiện đại.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,2	30%
2	Kiểm tra thực hành	Rubric viết	CLO 2	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 4 con điểm kiểm tra thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

[1]. Lê Huỳnh, Lê Ngọc Nam (2001), Bản đồ chuyên đề, NXB Giáo dục

[2]. Phạm Thị Xuân, Nguyễn Xuân Bắc (2011), Lý thuyết và thực hành Mapinfo Professional, NXB ĐHSP TP Hồ Chí Minh

## **8.2. Tài liệu tham khảo:**

[3]. Trung tâm GIS, Giáo trình hệ thống thông tin địa lý, (2004) ĐH Bách khoa TP HCM

[4]. Trần tấn Lộc - Lê Tiến Thuận (2004), Bản đồ chuyên đề, NXB ĐHQG TPHCM

## **III. KIẾN THỨC BỔ TRỢ**

### **6.42-43. Chọn 2/4 học phần:**

#### **42-43a. HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ/GEOGRAPHY INFORMATION SYSTEM**

- Số tín chỉ: 03 (20, 0, 50)
- Mã học phần: 125045
- Bộ môn quản lí học phần: Địa lí
- Học phần tiên quyết:

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản của GIS, những cách thức tiếp cận và ứng dụng của GIS vào quá trình sản xuất, quản lý xã hội, điều tra và quản lý tài nguyên, môi trường, nghiên cứu khoa học, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác. Học phần cũng giới thiệu phần mềm ứng dụng GIS là Mapinfo, với các kỹ thuật ứng dụng gắn với ngành nghề đào tạo.

#### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Người học nắm vững những khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, cơ sở dữ liệu, đặc điểm của GIS, những phần mềm GIS; lịch sử hình thành và phát triển của GIS trên thế giới; những ứng dụng của GIS trong mọi lĩnh vực: quản lý và bảo vệ tài nguyên môi trường, hoạt động chính phủ, nghiên cứu khoa học

- CO2: Nắm được những kiến thức cơ bản về phần mềm MAP, các bước cài đặt, tổ chức cơ sở dữ liệu của MAP, biên tập và xây dựng các bản đồ chuyên đề và những ứng dụng hiển thị khác của Map;

- CO3: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của *Geography Information System- GIS* và những phần mềm MAPINFO, những cách thức hiển thị bản đồ đáp ứng những yêu cầu của ngành học; Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ, khả năng cập nhật và làm mới cơ sở dữ liệu và những kỹ năng hiển thị các đối tượng địa lý trên bản đồ.

- CO4: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực GIS.

#### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Người học nắm vững những khái niệm cơ bản về GIS: GIS là gì?, các thành phần của GIS, cơ sở dữ liệu, đặc điểm của GIS, những phần mềm GIS; lịch sử hình thành và phát triển của GIS trên thế giới; những ứng dụng của GIS trong mọi lĩnh vực: quản lý và bảo vệ tài nguyên môi trường, hoạt động chính phủ, nghiên cứu khoa học

- CLO2: Nắm được những kiến thức cơ bản về phần mềm MAP, các bước cài đặt, tổ chức cơ sở dữ liệu của MAP, biên tập và xây dựng các bản đồ chuyên đề và những ứng dụng hiển thị khác của Map;

- CLO3: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của *Geography Information System-GIS* và những phần mềm MAPINFO, những cách thức hiển thị bản đồ đáp ứng những yêu cầu của ngành học;

- CLO4: Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ, khả năng cập nhật và làm mới cơ sở dữ liệu và những kỹ năng hiển thị các đối tượng địa lý trên bản đồ.

- CLO5: Rèn luyện sự năng động cần thiết của một nhà địa lý để thích ứng với công nghệ tin học; những kỹ năng ứng dụng GIS- MAP nhằm mục đích đưa khoa học tương thích với thời đại kỹ thuật số.

- CLO6: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực GIS.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p><b>Chương 1. Một số khái niệm cơ bản về Hệ thống thông tin địa lý</b></p> <p>I. GIS là gì?</p> <p>II. Các thành phần và hoạt động của GIS</p> <p>III. Cấu trúc và cơ sở dữ liệu của GIS</p> <p>IV. Đặc điểm của GIS</p> <p>V. Giới thiệu những phần mềm của GIS</p> <p><b>Nội dung thực hành</b></p> <p>1. Phân loại các đối tượng địa lý;</p> <p>1.1. Đối tượng không gian</p> <p>1.2. Đối tượng phi không gian</p> <p>2. Tìm hiểu các lớp đối tượng từ MAP (Dữ liệu tỉnh Thanh Hóa)</p>	4	-		5		25
<p><b>Chương 2: Đặc điểm của GIS, giới thiệu những phần mềm của GIS</b></p> <p>I. Đặc điểm chung về những hướng ứng dụng của GIS</p> <p>II. Ứng dụng của GIS trong trắc địa và bản đồ</p> <p>III. GIS trong quản lý tài nguyên</p> <p>IV. GIS trong quản lý và quy hoạch môi trường</p>	6	-		5		30

V. Ứng dụng của GIS trong sự phát triển kinh tế xã hội VI. Nghiên cứu và ứng dụng GIS tại Việt Nam					
<b>Chương 3. Giới thiệu và cài đặt Mapinfo</b> I. Giới thiệu Mapinfo II. Cài đặt Mapinfo III. Những công cụ và thực đơn IV. Thành lập bản đồ chuyên đề V. Số hóa bản đồ VI. Một số ứng dụng khác trong Map	5	-	6		40
<b>Chương 4. Ứng dụng Map trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu và hiển thị bản đồ</b> I. Đối tượng tự nhiên và môi trường II. Dân cư, xã hội III. Hoạt động kinh tế khu vực sản xuất vật chất IV. Hoạt động kinh tế khu vực dịch vụ V. Một số đối tượng tự nhiên, môi trường và kinh tế - xã hội tại Thanh Hóa	5	-	34		40
<b>Tổng</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>50</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp dạy học: phương pháp thuyết trình, thực hành, phương pháp phát vấn, phương pháp thảo luận nhóm, và sử dụng các phương tiện thiết bị hiện đại.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,2	30%
2	Kiểm tra thực hành	Rubric viết	CLO 3,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	

<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
<b>III. Thi cuối kì (01)</b>				50%
1	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5,6	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### \* *Giáo trình bắt buộc:*

[1] Phạm Thị Xuân - Nguyễn Xuân Bắc, (2011), *Lý thuyết và thực hành Mapinfo Professional version 10.5*, Nhà xuất bản ĐHSP TP Hồ Chí Minh.

#### \* *Tài liệu tham khảo:*

[1] Lê Thị Giang, (2015), *Giáo trình Thực hành Hệ thống thông tin địa lý GIS*, NXB ĐH Nông nghiệp.

[2] Phạm Trọng Mạnh, Phạm Vọng Thành. (1999), *Cơ sở hệ thống thông tin địa lý*. Trường Đại Học Kiến Trúc Hà Nội. Nhà Xuất Bản Xây Dựng. Hà Nội.

## 42-43b. CÔNG NGHỆ VIỄN THÁM/TECHNOLOGY EXPLORE

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)

- Mã học phần: 125024

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Các học phần tiên quyết:

### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và thiết yếu nhất về Viễn thám như: lịch sử phát triển của khoa học Viễn thám trên thế giới; nguyên lý cơ bản của viễn thám; cơ sở vật lý của viễn thám cũng như cách thu nhận và phân tích tư liệu viễn thám. Các khái niệm chung về ảnh hàng không; nguyên lý chụp ảnh hàng không; các phương pháp giải đoán ảnh viễn thám. Từ đó có những hành động cụ thể

nhằm tăng cường, nâng cao khả năng ứng dụng các tư liệu viễn thám vào giải quyết các công việc cụ thể của ngành Địa chính.

## **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Viễn thám và lịch sử phát triển của khoa học viễn thám trên thế giới. Nguyên lý cơ bản của viễn thám, cơ sở vật lý của viễn thám cũng như cách thu nhận và phân tích tư liệu này. Các khái niệm chung về ảnh hàng không và nguyên lý chụp ảnh hàng không.

- CO1: Các vấn đề chung về đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên như bức xạ điện từ, năng lượng bức xạ mặt trời, sự biến đổi năng lượng bức xạ mặt trời trong môi trường khí quyển, đặc biệt phải nắm được đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên như đất, nước, thảm thực vật và các yếu tố ảnh hưởng đến đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên.

- CO2: Khái niệm cơ bản về giải đoán ảnh viễn thám, cơ sở, phương pháp và kỹ năng giải đoán ảnh viễn thám; Nắm được cách thức sử dụng ảnh viễn thám trong quản lý tài nguyên môi trường nói chung, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai nói riêng.

- CO3: Kỹ năng thực hành với phần mềm giải đoán hình ảnh ENVI 4.7, Kỹ năng thực hành tiền xử lý và tách chiết thông tin trên ảnh bằng phần mềm xử lý ảnh.

- CO4: Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của các tư liệu viễn thám đối với quản lý tài nguyên môi trường nói chung, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai nói riêng, từ đó có những hành động cụ thể nhằm tăng cường, nâng cao khả năng ứng dụng các tư liệu viễn thám vào giải quyết các công việc cụ thể của ngành Địa chính.

## **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Người học nắm vững lịch sử phát triển của khoa học viễn thám trên thế giới. Nguyên lý cơ bản của viễn thám, cơ sở vật lý của viễn thám cũng như cách thu nhận và phân tích tư liệu này.

- CLO2: Nắm được đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên như bức xạ điện từ, năng lượng bức xạ mặt trời, sự biến đổi năng lượng bức xạ mặt trời trong môi trường khí quyển, đặc biệt phải nắm được đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên như đất, nước, thảm thực vật,....

- CLO3: Người học nắm khái niệm cơ bản về giải đoán ảnh viễn thám, cơ sở, phương pháp và kỹ năng giải đoán ảnh viễn thám; Nắm được cách thức sử dụng ảnh viễn thám trong quản lý tài nguyên môi trường nói chung, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai nói riêng.

- CLO4: Người học có kỹ năng thực hành với phần mềm giải đoán hình ảnh ENVI 4.7, Kỹ năng thực hành tiền xử lý và tách chiết thông tin trên ảnh bằng phần mềm xử lý ảnh.

- CLO5: Người học nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của các tư liệu viễn thám đối với quản lý tài nguyên môi trường nói chung, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai nói riêng, từ đó có những hành động cụ thể nhằm tăng cường, nâng



cao khả năng ứng dụng các tư liệu viễn thám vào giải quyết các công việc cụ thể của ngành Địa chính.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Chương 1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ VIỄN THÁM</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Lịch sử phát triển của viễn thám</p> <p>1.3. Nguyên lý cơ bản của viễn thám</p> <p>1.4. Cơ sở vật lý của kỹ thuật viễn thám</p> <p>1.5. Phân loại viễn thám</p> <p>1.6. Vấn đề thu nhận và phân tích tư liệu viễn thám</p> <p>1.7. Cấu trúc của một hệ thống viễn thám lý tưởng</p>	3			-		19
<p>Chương 2. CHỤP ẢNH HÀNG KHÔNG</p> <p>2.1. Giới thiệu chung</p> <p>2.2. Những ưu điểm và hạn chế khi sử dụng không ảnh</p> <p>2.2.1. Ưu điểm</p> <p>2.2.2. Những hạn chế của ảnh hàng không</p> <p>2.2.3. Nguyên lý chụp ảnh hàng không</p> <p>2.2.4. Đặc điểm của ảnh hàng không</p> <p>a) Độ phủ mặt đất của ảnh (Overlap)</p> <p>b) Tỷ lệ của ảnh hàng không</p> <p>c) Độ phân giải của ảnh hàng không</p> <p>d) Độ lệch của địa hình (Relief Displacement)</p> <p>e) Hiệu ứng lập thể của ảnh hàng không</p> <p>f) Sự phóng đại theo chiều thẳng đứng của ảnh máy bay</p> <p>g) Các điểm lưu ý chính về ảnh hàng không</p>	3			-		19
<p>Chương 3. CÁC HỆ THỐNG VIỄN THÁM PHỔ BIẾN TRÊN THẾ GIỚI</p> <p>3.1. Các vệ tinh Landsat của Mỹ</p>	3			3		19

<p>3.1.1. Vệ tinh Landsat</p> <p>3.1.2 Các vệ tinh có độ phân giải siêu cao của Mỹ</p> <p>3.2. Các vệ tinh SPOT của Pháp</p> <p>3.3. Các dạng tư liệu viễn thám của Liên Xô (cũ) và Nga</p> <p>3.4. Các tư liệu viễn thám của Ấn Độ</p> <p>3.5. Các tư liệu viễn thám của Nhật Bản</p> <p>3.6. Các vệ tinh khí tượng và môi trường</p> <p>3.7. Các vệ tinh nghiên cứu biển</p> <p>3.8. Các hệ thống viễn thám quan trắc Trái đất quốc tế</p> <p>3.9. Các nguồn tư liệu radar</p> <p>3.9.1. Tư liệu radar của Mỹ</p> <p>3.9.2. Các hệ thống chụp ảnh Radar của Liên Xô (cũ) và Nga hiện nay</p> <p>3.9.3. Hệ thống vệ tinh radar châu Âu</p> <p>3.9.4. Vệ tinh chụp ảnh radar của Nhật</p> <p>3.9.5. Vệ tinh chụp ảnh radar của Canada</p> <p>3.10. Trạm vũ trụ cho viễn thám</p>						
<p>Chương 4. CÁC ĐẶC TRƯNG PHẢN XẠ PHỔ CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG TỰ NHIÊN</p> <p>4.1. Bức xạ điện từ</p> <p>4.2. Năng lượng bức xạ Mặt trời</p> <p>4.3. Sự biến đổi năng lượng bức xạ Mặt trời trong môi trường khí quyển</p> <p>4.4. Đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên</p> <p>4.4.1. Khái niệm về đặc trưng phản xạ phổ</p> <p>4.4.2. Đặc trưng phản xạ phổ của một số đối tượng tự nhiên</p> <p>a) Đặc trưng phản xạ phổ của thực vật</p> <p>b) Đặc trưng phản xạ phổ của thổ nhưỡng</p> <p>c) Đặc trưng phản xạ phổ của nước</p> <p>4.5. Một số yếu tố ảnh hưởng đến đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên</p> <p>4.5.1. Ảnh hưởng của yếu tố không gian - thời gian đến đặc trưng phản xạ phổ của</p>	3			3		20

<p><i>các đối tượng tự nhiên</i></p> <p>a) <i>Yếu tố thời gian</i></p> <p>b) <i>Yếu tố không gian</i></p> <p>4.5.2. <i>Ảnh hưởng của khí quyển</i></p>						
<p><b>Chương 5. GIẢI ĐOÁN ẢNH VIỄN THÁM</b></p> <p>5.1. <i>Khái niệm về giải đoán ảnh viễn thám</i></p> <p>5.2. <i>Cơ sở giải đoán ảnh viễn thám</i></p> <p>5.2.1. <i>Cơ sở địa lý của giải đoán ảnh viễn thám</i></p> <p>5.2.2. <i>Cơ sở sinh lý của giải đoán ảnh viễn thám</i></p> <p>a) <i>Thụ cảm thị giác của mắt người</i></p> <p>b) <i>Các đặc điểm thụ cảm thị giác của mắt người</i></p> <p>c) <i>Nhìn lập thể cặp ảnh</i></p> <p>5.2.3. <i>Cơ sở chụp ảnh của giải đoán ảnh viễn thám</i></p> <p>a) <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh</i></p> <p>b) <i>Đặc trưng phản xạ phổ của bề mặt đất</i></p> <p>c) <i>Các đặc điểm khôi phục hình ảnh</i></p> <p>d) <i>Đặc trưng độ sáng của cảnh quan</i></p> <p>e) <i>Lựa chọn tham số tối ưu để chụp ảnh</i></p> <p>5.3. <i>Các phương pháp giải đoán ảnh viễn thám</i></p> <p>5.3.1. <i>Giải đoán ảnh bằng mắt</i></p> <p>a) <i>Các chuẩn đoán đọc ảnh</i></p> <p>b) <i>Các yếu tố địa kỹ thuật</i></p> <p>5.3.2. <i>Giải đoán ảnh bằng xử lý số</i></p> <p>a) <i>Khái niệm</i></p> <p>b) <i>Các hệ nhập số liệu</i></p> <p>c) <i>Hiệu chỉnh ảnh</i></p> <p>d) <i>Biến đổi ảnh</i></p> <p>e) <i>Phân loại đa phổ</i></p>	3			6		19
<p><b>Chương 6. MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA VIỄN THÁM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI</b></p> <p>6.1. <i>Thành lập và hiện chỉnh bản đồ địa hình</i></p> <p>6.1.1. <i>Thành lập bản đồ địa hình</i></p> <p>6.1.2. <i>Hiện chỉnh bản đồ địa hình</i></p> <p>6.2. <i>Thành lập và hiện chỉnh bản đồ hiện</i></p>	2			10		19

<p>trạng sử dụng đất</p> <p>6.2.1. Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất (HTSDD) bằng tư liệu viễn thám</p> <p>6.2.2. Thành lập bản đồ HTSDD bằng cách sử dụng tư liệu viễn thám để hiện chỉnh bản đồ HTSDD chu kỳ trước</p> <p>6.3. Ứng dụng viễn thám trong bảo vệ môi trường</p> <p>6.3.1. Phương pháp viễn thám trong nghiên cứu ô nhiễm không khí</p> <p>6.3.2. Phương pháp viễn thám nghiên cứu ô nhiễm nước bề mặt</p> <p>6.3.3. Các phương pháp viễn thám nghiên cứu ô nhiễm đất</p> <p>6.3.4. Các phương pháp viễn thám nghiên cứu sự ô nhiễm và phá huỷ thực vật</p>					
<p>Chương 7. ỨNG DỤNG PHẦN MỀM GIẢI ĐOÁN HÌNH ẢNH ENVI 4.7</p> <p>7.1. Phần mềm xử lý ảnh ENVI</p> <p>7.1.1. Giới thiệu phần mềm, cài đặt và kích hoạt</p> <p>7.1.2. Đọc các thông tin ảnh trên Metadata, tổ hợp màu</p> <p>7.2. Tiền xử lý ảnh</p> <p>7.2.1. Tăng cường chất lượng ảnh, nắn ảnh, cắt ảnh theo khu vực nghiên cứu</p> <p>7.2.2. Tập nhận dạng các đối tượng trên ảnh</p> <p>7.3. Xử lý ảnh</p> <p>7.3.1. Lấy mẫu xử lý ảnh</p> <p>7.3.2. Đánh giá chất lượng mẫu đã lấy</p> <p>7.3.3. Phân loại ảnh theo phương pháp kiểm định.</p> <p>7.3.4. Thực hành phân loại ảnh theo phương pháp không kiểm định</p> <p>7.3.5. Chồng xếp, gộp lớp, xử lý sau phân loại</p> <p>7.3.6. Tính toán với các kênh phổ tạo ảnh chỉ số, phân ngưỡng trên ảnh chỉ số</p> <p>7.3.7. Kết hợp với GIS, biên tập bản đồ hiện trạng sử dụng đất</p>	3		34		20
<b>Tổng</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>50</b>		<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp dạy học: phương pháp thuyết trình, thực hành, phương pháp phát vấn, phương pháp thảo luận nhóm, và sử dụng các phương tiện thiết bị hiện đại.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,2	30%
2	Kiểm tra thực hành	Rubric viết	CLO 3,4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	20%
<b>III. Thi cuối kì (01)</b>				
1	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

[1] Nguyễn Ngọc Thạch (2005), Cơ sở viễn thám, Nxb Đại học Khoa học tự nhiên (Đại học Quốc gia).

[2] Nguyễn Quang Tuấn (2003), Hướng dẫn sử dụng phần mềm xử lý tư liệu viễn thám, NXB Khoa học và Kỹ thuật

## **8.2. Tài liệu tham khảo:**

[3] Nguyễn Ngọc Thạch (1997), Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên môi trường, NXB Khoa học và kỹ thuật;

[4] Phạm Vọng Thành (2009), Ứng dụng viễn thám và hệ thống tin địa lý trong công tác thành lập, hiện chỉnh bản đồ, Đại học Mở địa chất;

### **42-43c. BẢN ĐỒ HỌC ĐẠI CƯƠNG/General cartography**

- Số tín chỉ học tập: 3 (20, 0, 50)

- Mã môn học: 125005

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lý

- Học phần tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về: các khái niệm bản đồ học, bản đồ địa lý; cơ sở toán học của bản đồ; ngôn ngữ bản đồ; tổng quát hoá bản đồ; phân loại bản đồ; quy trình thành lập bản đồ; sử dụng bản đồ trong nghiên cứu và dạy học.

#### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Người học nắm vững hệ thống khái niệm bản đồ học, bản đồ địa lý và các yếu tố của bản đồ. Nắm vững đặc điểm về cơ sở toán học, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hoá bản đồ, phân loại bản đồ và quy trình thành lập bản đồ và cách sử dụng bản đồ.

- CO2: Nhận biết các phép chiếu hình bản đồ; biết rõ quy luật chia mảnh và đánh số hiệu đối với bản đồ tỷ lệ lớn; các phương pháp biểu hiện bản đồ; phương pháp so sánh, phân tích và tổng hợp... bản đồ địa lý; biết sử dụng ngôn ngữ bản đồ trong thành lập và sử dụng bản đồ. Mỗi nhóm sinh viên thực hiện biên tập một bản đồ địa lý.

- CO3: Sử dụng bản đồ địa lý để học tập, nghiên cứu khoa học, nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của xã hội và phục vụ cho việc giảng dạy sau này ở trường phổ thông.

- CO4: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực địa lý.

#### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học nắm vững hệ thống khái niệm bản đồ học, bản đồ địa lý và các yếu tố của bản đồ, những đặc điểm về cơ sở toán học, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hoá bản đồ, phân loại bản đồ và quy trình thành lập bản đồ và cách sử dụng bản đồ.

- CLO2: Kỹ năng về nhận biết các phép chiếu hình bản đồ; biết rõ quy luật chia mảnh và đánh số hiệu đối với bản đồ tỷ lệ lớn; các phương pháp biểu hiện bản đồ; phương pháp so sánh, phân tích và tổng hợp... bản đồ địa lý; biết sử dụng ngôn ngữ bản đồ trong thành lập và sử dụng bản đồ. Mỗi nhóm sinh viên thực hiện biên tập một bản đồ địa lý.

- CLO3: Kỹ năng trình bày, viết báo cáo, thuyết trình; phản biện các vấn đề BĐ.

- CLO4: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập

và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực địa lí.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương I. Nhập môn Bản đồ học</b> 1. Định nghĩa 2. Đối tượng và nhiệm vụ của Bản đồ học 3. Những bộ môn cơ bản của khoa học bản đồ 4. Mối quan hệ giữa Bản đồ học với các bộ môn khoa học và nghệ thuật 5. Lịch sử phát triển Bản đồ học 6. Lịch sử phát triển ngành đo vẽ ở Việt Nam	3					15
<b>Chương II. Trái Đất - Khối elipsoit Trái Đất</b> 1. Hình dạng, kích thước khối elipsoit Trái Đất 2. Các điểm và đường cơ bản trên elipsoit Trái Đất 3. Tọa độ địa lý và phương pháp xác định tọa độ địa lý	3			6		15
<b>Chương III: Bản đồ địa lý</b> 1. Khái niệm về sơ đồ, hoành đồ, bản đồ địa lý 2. Các yếu tố cấu thành bản đồ địa lý 3. Vai trò và ý nghĩa thực tiễn của bản đồ	2			6		15
<b>Chương IV. Cơ sở toán học của bản đồ</b> 1. Tỷ lệ bản đồ 2. Sơ lược về phép chiếu hình bản đồ địa lý 3-Phân loại phép chiếu 4-Các phép chiếu phương vị 5-Các phép chiếu hình nón 6-Phép chiếu hình ống 7-Một số lưới chiếu bản đồ thường dựng cho bản đồ Việt Nam và Đông Dương	2			6		15

8-Cách nhận biết phép chiếu 9- Lựa chọn phép chiếu trong thiết kế, biên tập và thành lập bản đồ 10-Hệ thống phân mảnh và danh pháp bản đồ 11-Khung bản đồ						
<b>Chương V. Ngôn ngữ bản đồ</b> 1. Những đặc điểm về ngôn ngữ bản đồ 2. Hệ thống ký hiệu quy ước bản đồ. 3. Các phương pháp biểu hiện bản đồ	2			6		15
<b>Chương VI: Tổng quát hoá bản đồ</b> 1. Tổng quát hóa bản đồ là gì 2-Các nhân tố ảnh hưởng tới sự tổng quát hóa bản đồ 3. Các dạng tổng quát hóa và các phương pháp tổng quát hóa bản đồ chủ yếu	2					15
<b>Chương VII. Phân loại bản đồ - tập bản đồ địa lý</b> 1. Phân loại bản đồ 2. Các hệ thống phân loại bản đồ chủ yếu 3. Các kiểu bản đồ địa lý 4.Tập bản đồ địa lý (át lát) và sự phân loại	2					15
<b>Chương VIII. Thành lập bản đồ địa lý</b> 1. Khái quát công tác thành lập bản đồ địa lý 2.Thiết kế bản đồ 3. Thu thập thụng tin 4. Biên vẽ bản đồ 5. Các phương pháp cơ bản thành lập bản đồ 6. Công nghệ thành lập bản đồ 7. Gợi ý thiết kế, xây dựng một số loại bản đồ chuyên đề	2			16		15
<b>Chương IX. Sử dụng bản đồ địa lý</b> 1-Khái niệm 2-Các phương pháp sử dụng bản đồ 3.Các hình thức sử dụng bản đồ 4. Phân tích bản đồ	2			10		15
<b>Tổng</b>	<b>20</b>			<b>50</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:



STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,2	30%
2	Kiểm tra thực hành	Rubric viết	CLO 3,4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	20%
<b>III. Thi cuối kì (01)</b>				
1	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Lâm Quang Dốc (1995), *Bản đồ học*, NXB ĐHSP Hà Nội.
2. K.A. Xalisp. *Bản đồ học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo:

3. Phạm Ngọc Đình (Chủ biên), Hoàng Xuân Linh, Đỗ Thị Minh Tính,. *Thực hành bản đồ và đo vẽ địa phương*. NXB Trường ĐHSP Hà Nội 1, 1995.

4. *Át lát địa lý Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục năm 2018.

## **42-43d. XÂY DỰNG CÁC LOẠI BIỂU ĐỒ, PHÂN TÍCH SỐ LIỆU THỐNG KÊ ĐỊA LÍ, MÔI TRƯỜNG/ BUILDING CHARTS, ANALYZING GEOGRAPHICAL AND ENVIRONMENTAL STATISTICS**

- Số tín chỉ: 03 (20;0;50)
- Mã học phần: 125237
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần Xây dựng các loại biểu đồ và phân tích số liệu thống kê Địa lí, môi trường cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học về: cách xây dựng các loại biểu đồ phù hợp với nội dung yêu cầu; cách phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí và môi trường. Sau khi học xong, người học có thể vận dụng những kiến thức, phương pháp, phương tiện, để rèn luyện kỹ năng xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê Địa lí, Môi trường một cách khoa học và tối ưu.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về vẽ 10 dạng biểu đồ; phân tích các bảng số liệu thống kê Địa lí, môi trường; Hướng dẫn sinh viên cách xây dựng các loại biểu đồ phù hợp với nội dung yêu cầu; cách phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu, học tập và giảng dạy các học phần địa lí, môi trường. Sau khi học xong, SV có thể vận dụng những kiến thức, phương pháp, phương tiện, để rèn luyện kỹ năng xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê Địa lí, môi trường một cách khoa học và tối ưu để tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở trình độ đào tạo cao hơn.

- CO2: Người học có những kỹ năng cần thiết để xây dựng biểu đồ và phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu, học tập và giảng dạy các học phần địa lí, môi trường. Bên cạnh đó hoàn thiện một số kỹ năng sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, làm và sử dụng phương tiện dạy học. Kỹ năng trình bày, viết báo cáo, thuyết trình; phản biện các vấn đề dân cư, kinh tế- xã hội, tài nguyên, môi trường ... dựa trên các bảng số liệu thống kê.

- CO3: Người học có thái độ cầu thị, chủ động học tập rèn luyện nâng cao trình độ vận dụng vào hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của người giáo viên Địa lí. Giúp SV hình thành ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí, môi trường ở trường phổ thông.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu và có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về vẽ 10 dạng biểu đồ; về phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần Địa lí, môi trường. SV biết cách xây dựng các loại biểu đồ, bản đồ phù hợp với nội dung yêu cầu và cách

phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí, môi trường.

- CLO2: Vận dụng những kiến thức, phương pháp, phương tiện, để rèn luyện kỹ năng xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê Địa lí, môi trường một cách khoa học và tối ưu để thiết kế bài giảng có nội dung Địa lí, môi trường trong chương trình phổ thông.

- CLO3: Thành thạo những kỹ năng cần thiết về xây dựng biểu đồ và phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí, môi trường. SV có kỹ năng tự tìm kiếm và lựa chọn những vấn đề nghiên cứu và vận dụng linh hoạt hướng tiếp cận giảng dạy Địa lí từ đặc trưng chuyên ngành. Kỹ năng trình bày, viết báo cáo, thuyết trình; phản biện các vấn đề kinh tế xã hội ... Hoàn thiện kỹ năng thiết kế và sử dụng phương tiện dạy học khi soạn giáo án cho việc dạy học địa lý ở THCS và THPT.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, có quan điểm duy vật biện chứng và tư duy kinh tế; SV quan tâm tích cực tới việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân trong xây dựng biểu đồ, bản đồ và phân tích bảng số liệu thống kê; từ đó hình thành thế giới quan khoa học, nhận thức đúng bản chất các mối quan hệ giữa sự phát triển sản xuất với tài nguyên – môi trường;

- CLO5: Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học. Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí, môi trường.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. Ứng dụng CNTT trong xây dựng biểu đồ Địa lí, môi trường</b> 1.1 Điều kiện dạy học với máy tính 1.2. Các phần mềm cần cho khai thác và xây dựng biểu đồ 1.3. Những thao tác cần chú ý trong xây dựng biểu đồ Địa lí	3					15
<b>Chương 2. Thiết lập bảng tính, xử lý số liệu theo hệ thống chỉ tiêu quốc gia</b> 2.1. Thiết lập, định dạng bảng tính 2.2. Các bước thiết lập bảng tính 2.3. Xử lý số liệu	3			7		20
<b>Chương 3. Hệ thống, kỹ năng lựa chọn các dạng biểu đồ Địa lí, môi trường</b> 3.1. Hệ thống các biểu đồ thể hiện qui mô và động thái phát triển	4			14		30

3.2. Hệ thống các biểu đồ cơ cấu					
3.3. Các dạng biểu đồ khác					
3.4. Kỹ năng lựa chọn biểu đồ					
<b>Chương 4. Kỹ thuật vẽ biểu đồ Địa lí, môi trường</b>					
4.1 Dạng BĐ thể hiện qui mô và động thái phát triển (khoảng cách năm đều nhau)					
4.2 Dạng BĐ thể hiện qui mô và động thái phát triển (khoảng cách năm không đều nhau)	5		16		35
4.3 Dạng BĐ thể hiện cơ cấu từ 3 năm trở xuống (BĐ tròn, cột chồng)					
4.4 Dạng BĐ thể hiện cơ cấu từ 3 năm trở lên (biểu đồ miền)					
4.5 Dạng BĐ Tháp tuổi					
4.6 Một số dạng BĐ khác (BĐ đường rời, BĐ ra đa)					
<b>Chương 5. Phương pháp phân tích bảng số liệu thống kê</b>					
5.1 Các số liệu thống kê dùng trong nghiên cứu, học tập và giảng dạy Địa lí	5		13		35
5.2 Thu thập số liệu thống kê					
5.3 Phân tích số liệu thống kê					
<b>Tổng</b>	<b>20</b>		<b>50</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành trên máy với các phần mềm; thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2,3,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4,5	

5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành trên máy tính,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

1) Nguyễn Việt Thịnh (chủ biên), (2010), *Windows MS Office Internet dùng trong giảng dạy và nghiên cứu Địa lí*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 240 trang.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo:

1) Nguyễn Trọng Phúc (1997), *Phương tiện thiết bị kỹ thuật trong dạy học Địa lí*, NXB ĐHQG Hà Nội.

2) Lê Huỳnh (2001), *Bản đồ học chuyên đề*, NXB GD HN.

## IV. TTTT/KHÓA LUẬN/HP THAY THẾ

### 6.44. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP/ GRADUATION VOCATIONAL INTERNSHIP

- Số tín chỉ: 5TC (0, 0, 150)

- Mã học phần: 123190

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Tích lũy được 70% số tín chỉ các môn học thuộc chuyên ngành QLTN&MT

#### 1. Mô tả học phần

Học phần này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp làm việc tại các cơ quan quản lý môi trường các cấp, các đơn vị thu gom và xử lý chất thải hay các doanh

nghiệp sản xuất có phòng chức năng quản lý môi trường. Sinh viên thực tập được tìm hiểu các hoạt động chuyên môn của các cơ sở đến làm việc.

## 2. Mục tiêu của học phần

- CLO1: Tổng hợp và vận dụng được các kiến thức chung, chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập, vận dụng vào xử lý các vấn đề tại cơ sở làm việc.

- CLO2: Vận dụng và hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian và công việc; kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng viết báo cáo.

- CLO3: Hình thành lối sống lành mạnh, hành vi ứng xử chuyên nghiệp, thể hiện được sự trung thực, tâm huyết và đáng tin cậy trong công việc; có khả năng chủ động thực hiện công việc, biết chia sẻ thông tin với đồng nghiệp và tuân thủ luật pháp.

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững và vận dụng các kiến thức chung và kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập, vận dụng vào xử lý các vấn đề ở cơ sở làm việc.

- CLO2: Sử dụng thành thạo các trang thiết bị, máy móc và công nghệ phục vụ các vấn đề chuyên môn tại cơ sở làm việc.

- CLO3: Ứng dụng các công cụ kinh tế- kỹ thuật, công cụ pháp luật, công cụ quy hoạch trong quản lý TNTN và bảo vệ môi trường.

- CLO4: Có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian thực tập, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Chấp hành nội quy giai đoạn thực tập, năng lực chịu trách nhiệm trước hành vi của mình.

- CLO5: Người học có năng lực tư duy sáng tạo, có khả năng học hỏi chuyên môn trong giai đoạn thực hiện thực tập tại các đơn vị. Hoàn thành báo cáo thực tập được đánh giá mức đạt trở lên.

## 4. Nội dung của học phần

Nội dung	Yêu cầu	Thời gian
Giai đoạn 1: Thực tập tổng hợp	- Tìm hiểu tình hình chung của đơn vị thực tập. + Đặc điểm tổ chức, cơ cấu và hoạt động của đơn vị thực tập + Cách thức quản lý và tổ chức các hoạt động của đơn vị thực tập	10 tuần
Giai đoạn 2: Thực tập chuyên đề và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp	Sinh viên lựa chọn nghiên cứu sâu một chuyên đề và viết một báo cáo TTTN liên quan đến quản lý tài nguyên và môi trường,	

## 5. Hình thức dạy và học

Theo quy định hiện hành, giảng viên và sinh viên chủ động trao đổi và hoàn thiện các công việc theo tiến độ đã được quy định trong kế hoạch nghiên cứu.

Giảng viên sẽ định kỳ kiểm tra tiến độ và hướng dẫn sinh viên hoàn thiện nghiên cứu chuyên đề.

## **6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá**

Căn cứ để đánh giá kết quả thực tập của sinh viên gồm 3 phần sau:

Phần 1: Hồ sơ (Bao gồm Kế hoạch thực tập, Báo cáo GD 1, đề cương Báo cáo GD 2, Nhật ký thực tập) được đánh giá với trọng số 20% do GVHD chấm.

Phần 2: Căn cứ vào kết quả đánh giá của cơ sở thực tập (Trọng số 20%)

Phần 3: Báo cáo TTTN (Trọng số 60%), chấm theo nguyên tắc chấm 2 vòng độc lập do khoa đề nghị (là điểm Trung bình cộng của 2 vòng)

Điểm thực tập của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10.

+ Điểm của cơ sở thực tập

+ Điểm của giáo viên: chấm 2 vòng độc lập của GVHD và GV trong bộ môn; điểm chấm dựa trên các tiêu chí đã được quy định về: Hình thức, kết quả nghiên cứu, tài liệu tham khảo, hồ sơ thực tập, nhận xét của đơn vị

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực tập, hoàn thiện đầy đủ các hồ sơ theo quy định, không vi phạm quy chế thực tập tại đơn vị sẽ được đánh giá kết quả.

Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, hoàn thành báo cáo đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình bắt buộc**

[1]. Lưu Đức Hải, *Cẩm nang quản lý môi trường*, NXB Giáo dục, 2009

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

[1]. Luật bảo vệ môi trường năm 2020

[2]. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa (2021), *Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 – 2020*.

## **6. 45. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/GRADUATION THESIS**

- Số tín chỉ: 06 (0;0;180,270)

- Mã học phần: 153130

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: theo quy định

### **1. Mô tả học phần**

Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của sinh viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sinh viên nắm vững và vận dụng được các kiến thức về nghiên cứu khoa học, kiến thức cơ sở và chuyên ngành để tiến hành nghiên cứu đề tài phù hợp.

- CO2: Sinh viên có thể sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu và các phần mềm hỗ trợ để được các thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường. Sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin và trình bày báo cáo NCKH một cách rõ ràng, hợp lý, KH.

- CO3: Sinh viên có thái độ tích cực, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu. Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.

- CLO2: Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường. Sinh viên có kỹ năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị, máy móc và công nghệ phục vụ các vấn đề nghiên cứu.

- CLO3: Có thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Sinh viên có thể tự chủ trong thực hiện các nghiên cứu.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Lựa chọn đề tài nghiên cứu 1.1. Các chuyên ngành có thể lựa chọn 1.2. Yêu cầu khi lựa chọn đề tài				15		50
Chương 2: Xây dựng đề cương và tập hợp tài liệu tham khảo. 1.1. Xây dựng đề cương 1.2. Tập hợp tài liệu tham khảo				15		50
Chương 3: Xây dựng kế hoạch và tiến hành nghiên cứu 3.1. Xây dựng kế hoạch 3.2. Tiến hành nghiên cứu				30		50
Chương 4: Hoàn thiện công trình nghiên cứu 4.1. Yêu cầu khi hoàn thiện các nội dung nghiên cứu. 4.2. Hoàn thiện Phụ lục đề tài				30		50
Chương 5: Bản tóm tắt đề tài 5.1. Yêu cầu khi hoàn thiện bản tóm tắt 5.2. Hoàn thiện bản tóm tắt				30		30
Chương 6: Báo cáo kết quả nghiên cứu 6.1. Yêu cầu về báo cáo 6.2. Các sản phẩm báo cáo 6.3. Phương pháp báo cáo				30		40
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>150</b>		<b>270</b>



## 5. Phương pháp dạy - học

- Học phần sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở kết hợp hướng dẫn, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhằm rèn luyện khả năng nghiên cứu độc lập, tự chủ cho sinh viên. Trong quá trình sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên đọc và tìm tài liệu tham khảo liên quan, giải đáp các vướng mắc của sinh viên trong suốt quá trình nghiên cứu.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
1	Đánh giá báo cáo tổng kết	Rubic Đánh giá báo cáo tổng kết KLTN	CLO1-3	100%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi đánh giá đề cương, kiểm tra tiến độ nghiên cứu do bộ môn tổ chức.

- Sinh viên phải tích cực nghiên cứu, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch và nộp báo cáo tổng kết đề tài và những sản phẩm liên quan đúng hạn theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.

- Có thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, cầu thị, tích cực, sáng tạo...

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

1) Vũ Cao Đàm(2012), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb GD.

### 8.2. Tài liệu tham khảo:

1). Phạm Việt Vượng(2002), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb ĐHQGHN.

## 6. 45-46. HỌC PHẦN THAY THẾ (Chọn 2 trong 4 học phần)

### 45-46a. HẠCH TOÁN MÔI TRƯỜNG/ ENVIRONMENTAL MANAGEMENT ACCOUNTING

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18)

- Mã số học phần: 125118

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

### 1. Mô tả học phần

Học phần hạch toán môi trường trang bị các kiến thức về khái niệm hạch toán tài nguyên, mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường, các đại lượng đo lường sự tăng trưởng kinh tế ... các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng kinh tế, ưu và nhược điểm của hệ thống hạch toán tài nguyên môi trường, các phương pháp sử dụng trong hạch toán tài nguyên môi trường.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về hạch toán tài nguyên và các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng kinh tế, ưu và nhược điểm của hệ thống hạch toán tài nguyên môi trường, các phương pháp sử dụng trong hạch toán tài nguyên môi trường.

- CO2: Hiểu rõ được các phương pháp sử dụng trong hạch toán tài nguyên và môi trường

- CO3: Người học có nhận thức đúng về mặt kinh tế của sự suy thoái môi trường, qua đó nâng cao ý thức giữ gìn tài nguyên và bảo vệ môi trường

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng kinh tế, ưu và nhược điểm của hệ thống hạch toán tài nguyên môi trường.

- CLO2: Phân tích được nguyên nhân làm cho tài nguyên cạn kiệt, môi trường suy thoái và hậu quả của nó.

- CLO3: Đánh giá được tầm quan trọng về mặt kinh tế của sự suy thoái môi trường

- CLO4: Ứng dụng được các phương pháp hạch toán tài nguyên môi trường.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến tài nguyên và môi trường.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Khái quát về hạch toán tài nguyên và môi trường	5	2	0			30
Chương 2. Các phương pháp hạch toán tài nguyên môi trường	10	6	0			30
Chương 3. Hạch toán định mức chi phí môi trường trong doanh nghiệp.	6	6	9			35
Chương 4. Hạch toán môi trường trong hiệu quả kinh doanh	6	4	9			40
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>18</b>			<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành... (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### \* *Giáo trình bắt buộc:*

1) Võ Đình Long, *Kiểm toán môi trường*, NXB Đại học Công nghiệp Hồ Chí Minh, 2013.

### \* *Tài liệu tham khảo:*

1) Nguyễn Chí Quang (2002), *Cơ sở hạch toán môi trường doanh nghiệp*, NXB Khoa học và kỹ thuật

2) Hoàng Xuân Cơ (2006), *Kinh tế môi trường* NXB Giáo Dục Việt Nam.

## **45-46b. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG/MANAGEMENT OF LOCAL ENVIRONMENT**

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18)
- Mã số học phần: 125140
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần quản lý môi trường địa phương trang bị các kiến thức về khái niệm quản lý môi trường, hệ thống quản lý môi trường.; Các tiêu chuẩn môi trường và các quy định trong bảo vệ môi trường, các quy định luật pháp hiện hành về bảo vệ môi trường như Việt Nam.; Các công cụ kỹ thuật, kinh tế trong quản lý môi trường: Đánh giá tác động môi trường, quy hoạch môi trường, quỹ môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường, phí môi trường, thuế môi trường...; Hiện trạng các thành phần môi trường của tỉnh Thanh Hoá như hiện trạng môi trường nước, hiện trạng môi trường đất, hiện trạng môi trường không khí, hiện trạng môi trường chất thải rắn... và các giải pháp bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hoá trong thời gian tới.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về quản lý môi trường, các quy định pháp luật về quản lý môi trường, hiện trạng tài nguyên và thành phần môi trường của tỉnh Thanh Hóa cũng như các kế hoạch bảo vệ môi trường trong thời gian tới của tỉnh Thanh

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá được các nguồn lực tài nguyên, những vấn đề môi trường của tỉnh Thanh Hóa.

- CO3: Người học có nhận thức đúng về những vấn đề về tài nguyên và môi trường của tỉnh Thanh Hóa từ đó có những thái độ đúng đắn trong việc ngăn chặn và phòng ngừa những hành vi phá hoại tài nguyên thiên nhiên và môi trường của địa phương cũng như đất nước.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về quản lý môi trường, hệ thống quản lý môi trường. Nắm bắt được các văn bản pháp pháp luật hiện hành của Việt Nam và quốc tế về quản lý môi trường

- CLO2: Phân tích được, đánh giá được những vấn đề về môi trường của địa phương

- CLO3: Xây dựng được các kế hoạch, các giải pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường của tỉnh Thanh Hóa

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và môi trường của địa phương

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến tài nguyên và môi trường.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Các khái niệm cơ bản về môi trường và phát triển bền vững 1.1 Khái niệm cơ bản về khoa học, công nghệ môi trường 1.2 Chất lượng môi trường 1.3 Khái niệm về quản lý môi trường 1.4 Hệ thống quản lý môi trường 1.5 Bảo vệ môi trường 1.6 Khái niệm chung về phát triển bền vững 1.7 Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam	5	2	0			10
Chương 2. Tiêu chuẩn và quy định trong quản lý môi trường 2.1 Chiến lược và chính sách môi trường 2.1 Chiến lược và chính sách môi trường	6	6	0			20
Chương 3. Các phương pháp trong quản lý môi trường 3.1 Quy hoạch môi trường 3.2 Ngăn ngừa ô nhiễm và vòng đời sản phẩm 3.3 Công cụ kinh tế trong quản lý môi trường 3.4 Hệ thống thông tin môi trường 3.5 Đánh giá tác động môi trường 3.6 Mô hình hóa môi trường	6	6				35
Chương 4. Thực trạng môi trường tỉnh Thanh Hóa 4.1. Thực trạng môi trường nước 4,2 Thực trạng môi trường không khí. 4.3. Thực trạng môi trường đất 4.4. Thực trạng tài nguyên sinh vật 4.5. Thực trạng quản lý chất thải rắn 4.6. Tai biến thiên nhiên và sự cố môi trường 4.7. Biến đổi khí hậu và các ảnh hưởng 4.8. Các chính sách và giải pháp bảo vệ môi trường	10	4		18		70
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>		<b>18</b>		<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

\* **Giáo trình bắt buộc:**

1) Lưu Đức Hải, *Cẩm nang quản lý môi trường*, NXB Giáo dục, 2009

\* **Tài liệu tham khảo:**

1) Vũ Quyết Thắng, *Đánh giá tác động môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.

2). Đặng Ngọc San, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Dũng và nnk (2022), *Đặc điểm khí hậu Thanh Hóa*, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Thanh Hóa

3) Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa (2021), *Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 – 2020*.

#### **45-46c. LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG/ENVIRONMENTAL LAW AND POLICY**

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18)
- Mã số học phần: 125607
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: không

##### **1. Mô tả học phần**

Học phần nội dung của học phần bao gồm các vấn đề sau: Tầm quan trọng của luật và chính sách môi trường trong công tác bảo vệ môi trường.; Lịch sử hình thành và các quá trình phát triển của công tác luật và chính sách môi trường trên thế giới; Vai trò của luật và chính sách môi trường trong công tác bảo vệ môi trường.; Bản chất của luật và chính sách môi trường, phân loại các chính sách môi trường:

Kỹ năng và phương pháp xây dựng luật và chính sách môi trường.: Các đặc tính cốt lõi của môi trường cần phải quan tâm khi xây dựng luật và chính sách môi trường.

Kỹ năng phân tích các mặt mạnh và hạn chế trong các chính sách môi trường của Việt nam và thế giới đang áp dụng.

##### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức chuyên sâu về luật và chính sách môi trường.

- CO2: Người học có kỹ năng và phương pháp xây dựng luật và chính sách môi trường.

- CO3: Người học phân tích được điểm mạnh và điểm yếu trong các chính sách môi trường của Việt nam và thế giới đang áp dụng.

- CO3: Người học ý thức được tầm quan trọng của luật và chính sách môi trường trong sự nghiệp bảo vệ môi trường.

##### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu rõ được luật và chính sách môi trường của Việt Nam và thế giới đang áp dụng.

- CLO2: Đưa được các đặc tính cốt lõi của môi trường cần phải quan tâm khi xây dựng luật và chính sách môi trường.

- CLO3: Phân tích được những ưu điểm và nhược điểm trong luật và các chính sách môi trường của Việt nam và thế giới đang áp dụng.

- CLO4: Áp dụng được luật và các chính sách môi trường của Việt Nam đang thực thi vào quản lý môi trường ở các cơ quan nhà nước chuyên trách về môi trường cũng như tại các đơn vị sản xuất.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>CHƯƠNG 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT</b> 1.1. Những vấn đề cơ bản về nhà nước 1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 1.3. Vi phạm pháp luật 1.4. Trách nhiệm pháp lý 1.5. Quan hệ pháp luật 1.6. Văn bản quy phạm pháp luật và thẩm quyền ban hành	3	3	0	0		20
<b>CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b> 2.1. Bảo vệ môi trường và vai trò của pháp luật 2.2. Khái niệm luật môi trường Việt Nam . 2.3. Khái quát sự phát triển của luật môi trường Việt Nam	3	6	0	0		20
<b>CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM</b> 3.1. Các quan điểm và nguyên tắc thể hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 3.2. Nội dung mới của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	6	6	0	0		20
<b>CHƯƠNG 4. CHẾ TÀI TRONG THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b> 4.1. Nghị định 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	9	3	0	6		40



4.2. Các tội phạm về môi trường quy định trong chương XVII Bộ Luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung ngày 16/9/2009						
<b>CHƯƠNG 5. CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM</b> 5.1. Chính sách môi trường là gì 5.2. Chính sách của Việt Nam về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững 5.3. Tiếp cận hệ thống trong phân tích chính sách về tài nguyên và môi trường 5.4. Thử nghiệm phân tích về chính sách trong sử dụng tài nguyên theo cách tiếp cận hệ thống	6	0	0	12		35
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>		<b>18</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (04)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 3,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>IV. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận,

thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **\* Giáo trình bắt buộc:**

1) Phạm Thanh Tuấn (2016), *Luật và chính sách môi trường*, NXB Quốc gia Hà Nội.

### **\* Tài liệu tham khảo:**

1) Luật Môi trường (2021), NXB chính trị quốc gia Hà Nội

## **45-46d. ĐĂNG KÝ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI/ Register for land statistics**

- Số tín chỉ: 03 (27; 18; 18)

- Mã học phần: 162021

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và Môi trường

- Điều kiện tiên quyết: Quản lý nhà nước về đất đai

### **1. Mô tả học phần**

Học phần Đăng ký thống kê đất đai bao gồm những kiến thức chung về công tác đăng ký và tài sản gắn liền với đất; Những quy định về đăng ký và tài sản gắn liền với đất đai lần đầu; Những quy định về đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất và những quy định về thống kê, kiểm kê đất đai.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học phân tích được các khái niệm, các vấn đề chung về công tác đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất;

- CO2: Người học giải thích được những quy định về đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất đai lần đầu; Những quy định về đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất;

- CO3: Người học giải thích được những quy định về thống kê, kiểm kê đất đai.

- CO4: Người học thực hiện thành thạo các thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; công tác thống kê, kiểm kê đất đai hàng năm và định kỳ.

- CO5: Người học thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác đăng ký, thống kê, kiểm kê đất đai;

### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Giải thích được các khái niệm, các vấn đề chung về công tác đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất; Các quy định chung về đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất lần đầu và đăng ký biến động đất đai;

- CLO2: Giải thích được trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu và các quy định về quản lý hồ sơ địa chính;

- CLO3: Giải thích được trình tự, thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất;

- CLO4: Trình bày được các vấn đề chung về công tác đăng ký, thống kê đất đai; Trình tự thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- CLO5: Vận dụng các kiến thức đã học thực hiện được các thủ tục đăng ký đất đai ban đầu, cấp GCN quyền sử dụng đất; đăng ký biến động đất đai, quản lý hồ sơ địa chính. Thống kê, kiểm kê đất đai;

- CLO6: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các tình huống đất đai; Tham gia thảo luận nhóm và thuyết trình trước đám đông.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p><b>Chương 1. Khái quát chung về công tác đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất</b></p> <p>1.1. Khái niệm về Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất</p> <p>1.2. Vị trí, vai trò của Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất</p> <p>1.3. Đặc điểm của Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất</p> <p>1.4. Lịch sử đăng ký đất đai ở Việt Nam</p>	2	1				30
<p><b>Chương 2. Đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất lần đầu</b></p> <p>2.1. Những quy định chung</p> <p>2.2. Trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất ban đầu cho các đối tượng đang sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chưa đăng ký</p>	8	6				35

<p>2.3. Các trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu</p> <p>2.4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>2.5. Hồ sơ địa chính</p> <p>2.6. Quản lý Hồ sơ địa chính</p> <p>2.7. Cung cấp thông tin đất đai từ Hồ sơ địa chính</p>					
<p><b>Chương 3. Đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất</b></p> <p>3.1. Quy định chung về đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất</p> <p>3.2. Các trường hợp đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất</p> <p>3.3. Trình tự, thủ tục thực hiện đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất</p> <p>3.4. Các dạng đăng ký biến động khác</p> <p>3.5. Tổng kiểm tra xử lý tồn đọng về đăng ký biến động đất đai</p>	10	6			40
<p><b>Chương 4. Thống kê, kiểm kê đất đai</b></p> <p>4.1. Khái quát chung về công tác Thống kê</p> <p>4.2. Khái niệm, mục đích và nguyên tắc thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất</p> <p>4.3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai</p> <p>4.4. Phương pháp và trình tự thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng SD đất</p> <p>4.5. Trình tự thực hiện thống kê đất đai hàng năm</p> <p>4.6. Trình tự thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất</p>	7	5	18		30

4.7. Thống kê, kiểm kê định kỳ Đất quốc phòng, an ninh					
4.8. Kiểm tra kết quả thống kê đất đai định kỳ					
4.9. Kiểm tra, thẩm định kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ					
4.10. Hồ sơ kết quả thống kê, kiểm kê đất đai giao nộp					
4.11. Lưu trữ, quản lý và cung cấp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai					
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>		<b>18</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (04 bài)</b>			
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO1-5	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1-4, CLO6	
3	Thực hành	Rubric thực hành	CLO5	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)</b>			
	Viết	Rubric viết	CLO2, CLO3	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
	Viết	Rubric viết	CLO1-6	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Học liệu bắt buộc**

[1]. Nguyễn Thị Thu Hương (2017). *Bài giảng đăng ký thống kê đất đai*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.

### **8.2. Học liệu tham khảo:**

[2]. Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh (2006). *Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai*.

## **VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỀ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Về cơ sở pháp lý**

- Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Chiến lược phát triển Trường ĐH Hồng Đức đến năm 2030, tầm nhìn 2045 (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 28-6-2022 của HĐ trường Trường ĐH Hồng Đức*);

- Căn cứ Quyết định số 847 ĐHHĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐHHĐ Về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

### **2. Về cơ sở thực tiễn**

#### **\* Tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước:**

1. Chương trình khung ĐH Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

CTĐT phê duyệt năm 2019, nguồn: Nguồn truy cập:

[https://dt.hunre.edu.vn/attachment/dt/news/2020/05/20/160013\\_2.%20Ch%C6%B0%C6%A1ng%20tr%C3%ACnh%20C4%91%C3%A0o%20t%E1%BA%A1o.pdf](https://dt.hunre.edu.vn/attachment/dt/news/2020/05/20/160013_2.%20Ch%C6%B0%C6%A1ng%20tr%C3%ACnh%20C4%91%C3%A0o%20t%E1%BA%A1o.pdf)

2. Chương trình khung ĐH Quản lý tài nguyên và Môi trường, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc gia Hà Nội.

CTĐT phê duyệt năm 2023, nguồn: Nguồn truy cập:

<https://geology.hus.vnu.edu.vn/wp-content/uploads/2023/07/Khung-QLTN-2023.pdf>

3. Chương trình khung ĐH Quản lý tài nguyên và Môi trường, ĐH Bách Khoa, ĐH Quốc gia TP HCM.

CTĐT phê duyệt năm 2021, nguồn: Nguồn truy cập:

<http://www.aao.hcmut.edu.vn/index.php?route=catalog/chuongtrinhdaotao>

\* **Kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT** (*Nhà tuyển dụng, chuyên gia, giảng viên, cựu sinh viên và sinh viên*).

## VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo/Quản lý đào tạo sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đậu Bá Thìn